

VĂN HÓA PHẬT GIÁO



Lìa thoát sự
đắm nhiễm

Tr. 30

Chuyện
đến trường

Tr. 34

Mưu sinh
trên hè phố

Tr. 60

a shining home

Citrine
Apartment



nơi trái tim là tổ ấm

Ngôi nhà là kết quả từ những nỗ lực của các thành viên để có thể sở hữu nó. Nhà không chỉ là nơi để ở mà còn là nơi để mọi thành viên sum vầy, cùng ghi nhớ những khoảnh khắc kỷ niệm trong đời.

Citrine Apartment là dự án có vị trí đẹp, tọa lạc ngay mặt tiền đường Tăng Nhơn Phú, P. Phước Long B, Q.9, TP.HCM với khu dân cư sầm uất, đối diện là Khu phức hợp Phước Long Spring Town 3,7ha (được Thuduc House đầu tư phát triển và bàn giao cho cư dân từ năm 2014), ngay cạnh trường Cao đẳng Công thương TP.HCM, chỉ cách ga Bình Thái của tuyến Metro Bến Thành - Suối Tiên khoảng 500m.

Bảng giao căn hộ dự kiến
12/2019



Chủ đầu tư

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN NHÀ THÙ ĐỨC
Hotline: 0917 39 81 89 - 0933 05 45 68
www.thuducouse.com



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
 Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU

Phó Tổng Biên tập Thường trực
 kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
 Trụ sở Tòa soạn VHPG
 ĐT: (84-28) 3 8484 335
 Ngõ Văn Thông, ĐD: 0906934 252

Quảng cáo
 Pháp Tuệ, Dương Đạt

Tòa soạn
 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
 Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
 ĐT: (84-28) 38484 335 - 38484 576
 Fax: (84-28) 35265 569

Email: toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo

Số tài khoản:

0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
 Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
 Bộ Thông tin và Truyền thông
 Số 1878/GP. BTTTT

Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
 Q.1, TP. Hồ Chí Minh

| | |
|--|----|
| Sương mai | 3 |
| Bài toán môi sinh (Nguyễn Cần) | 4 |
| Độc sách mới "Những đóa hoa Phật giáo Việt Nam" của HT. Thích Thiện Nhơn (Ban Biên Tập) | 7 |
| Nên chú tâm vào nội lạc (Huyền Hương) | 8 |
| Phật giáo tỉnh Bình Định, dấu ấn Thiền phái Lâm Tế (Thích Thiện Nhơn) | 12 |
| Tìm hiểu kinh Giáo giới La-hầu-la (Thích Trung Định) | 15 |
| Khóa tu mùa hè, sự cần thiết cho thế hệ trẻ ngày nay (Thích Không Tú) | 18 |
| Làm bàn về khái niệm "khổ đau" trong Phật giáo (Hoang Phong) | 22 |
| "Mình..." (Đỗ Hồng Ngọc) | 26 |
| Nhà văn lớn không có bằng (Cao Huy Hóa) | 27 |
| Lìa thoát sự đắm nhiễm (Phạm Lăng Yên) | 30 |
| Nghĩ về án tử hình (Nguyễn Giác) | 32 |
| Chuyện đến trường (Nguyễn Văn Ưông) | 34 |
| Ngài Lê Sĩ với Thừa Thiên-Huế (Trần Nguyễn Khánh Phong) | 36 |
| Cửu vị thần công, một kỳ công của thế kỷ XIX (Tôn Thất Thọ) | 38 |
| Bát cháo hành Thị Nở (Trần Thái Học) | 40 |
| Chiếc xe cũ (Hoàng Khánh Duy) | 42 |
| Ở phố, nghĩ về bão ở quê... (Mai Hoàng) | 44 |
| Chôm chôm mùa nhớ (Trần Bảo Định) | 46 |
| Thơ (Trường Khánh, Kim Hoa, Hoa Nguyễn, Thanh Trắc Nguyễn Văn, Tịnh Bình, Nguyễn Thuỵ Vân Anh, Phan Thành Minh) | 50 |
| Cha và con (Nguyễn Trọng Hoạt) | 52 |
| Em về với phố (Lê Hứa Huyền Trân) | 54 |
| Hãy là người hạnh phúc (Hoàng Nguyễn) | 56 |
| Cung đàn muôn điệu (Lê Hải Đăng) | 58 |
| Mưu sinh trên hè phố (Trần Vọng Đức) | 60 |

Bìa 1: Tiếng nhạc thay lời. Ảnh: Trần Vọng Đức

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả

Văn Hóa Phật Giáo số sắp tới (số 303 ra ngày 15-8-2018) là số đặc biệt mừng Vu-lan, hướng đến lòng biết ơn và việc báo hiếu của người con Phật. Vì là số đặc biệt, chúng tôi mong mỗi nội dung của tờ báo sẽ phong phú hơn nhờ sự tích cực đóng góp bài vở của các tác giả cộng tác viên. Chúng tôi hy vọng sẽ sớm nhận được bài cộng tác của quý vị để tiện việc sắp xếp.

Gần đây, có một tác giả gửi bài gọi điện đến đề nghị chúng tôi nên gửi thư hoặc gọi điện thoại để trả lời tác giả và nêu rõ lý do bài không được chọn đăng. Về điều này, chúng tôi cũng đã nhiều lần nói qua, nay xin trình bày lại cho rõ.

Bài viết không được chọn đăng vì:

- Số trang báo có hạn.
- Bài viết không đạt yêu cầu hoặc không phù hợp với chủ trương của VHPG.
- Bài viết trùng ý với những bài đã đăng và không có ý mới.

Như đã nhiều lần trình bày, chúng tôi thường xuyên nhận được nhiều bài cộng tác; do đó, việc đọc duyệt bài của Ban Biên tập chiếm rất nhiều thời gian, nên chúng tôi không thể trả lời riêng cho từng trường hợp cá nhân được. Đây cũng là thông lệ của tất cả các báo

Thật ra, dù bài gửi đến được chọn đăng hay không được chọn đăng, chúng tôi vẫn hết sức trân trọng và biết ơn các tác giả cộng tác; vì điều đó thể hiện rằng quý vị vẫn quan tâm đến văn học và văn hóa nước nhà cũng như tạp chí Văn Hóa Phật Giáo; đó là điều mà chúng tôi vẫn luôn mong đợi. Vì vậy, kính mong quý vị có bài gửi đến mà không được chọn đăng thông cảm với chúng tôi.

Trước thêm Vu-lan Phật lịch 2562, xin nguyện cầu Tam bảo gia hộ tất cả quý vị hoàn tất hạnh nguyện của người con hiếu và luôn được nhiều an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Làm sự việc như vậy,
Không chỗ nào thất bại,
Khắp nơi được an toàn,
Là điềm lành tối thượng.

(Kinh Phật tự thuyết)



Ảnh: Vân Quảng Tâm



Bài toán môi sinh

NGUYỄN CÂN

Vi sao thiên tai?

Theo tin các báo, tính đến cuối ngày 27-6, số người chết, mất tích, bị thương do mưa lũ, sạt lở đất ở các tỉnh phía Bắc tiếp tục tăng lên. Tại các tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Quảng Ninh, mưa lũ đã làm 22 người chết, 9 người mất tích, thiệt hại tài sản gần 500 tỉ đồng.

Chuyện này không mới vì năm nào cũng thế, đập khúc lũ, lụt và lở đất cũng diễn ra, có thể nói như một chu kỳ! Đề cập đến nguyên nhân, ngoài yếu tố khách quan do mưa lớn, bão về hay nước sông dâng lên thì yếu tố chủ quan do con người không phải là nhỏ, bắt nguồn từ việc quy hoạch thủy điện.

Theo một đề án nghiên cứu của cơ quan chuyên ngành, hồ thủy điện Hòa Bình làm ngập 6.609 héc-ta, hồ Thác Bà ngập 16.629 héc-ta... Tổng diện tích ngập lụt quy về đất nông nghiệp của các hồ chứa trên sông Đà, sông Lô tham gia chống lũ cho đồng bằng sông Hồng là 47.534 héc-ta. Một số hồ thủy điện đã làm suy giảm, cạn kiệt dòng chảy ở lưu vực sông bị chuyển nước sang lưu vực khác như: hồ thủy điện An Khê - Kanak chuyển nước sông Ba sang sông Kone, thủy điện thượng Kon Tum chuyển nước từ nhánh sông Dak Bla thuộc lưu vực sông Sêsan sang lưu vực sông Trà Khúc. Một số công trình thủy điện khác như: Dak Mi 4, Phước Hòa, Nậm Chiến... đều chuyển gần như toàn bộ lượng nước sau khi phát điện sang lưu vực khác. Việc xây dựng các hồ trữ làm thay đổi cảnh quan thiên nhiên.

Ví dụ sau khi nhà máy Thủy điện Sơn La được xây

dựng và đưa vào hoạt động thì cảnh quan thiên nhiên ở khu vực này thay đổi rõ rệt. Diện tích rừng bị ngập khoảng 2.500 - 3.100 ha (chiếm khoảng 7,02 - 11,2% tổng diện tích đất ngập) làm thay đổi đáng kể cảnh quan thiên nhiên khu vực này. Việc thay đổi dòng chảy của sông dẫn tới sự thay đổi môi trường sống của cá. Theo chương trình *Bảo tồn Đa dạng Sinh học và Sử dụng Bền vững các Vùng đất Ngập nước Lưu vực Sông Mê Kông*, số lượng loài cá tra dầu và cá heo Irrawaddy quý hiếm đã giảm đáng kể do việc xây dựng các đập thủy điện trên sông Mê Kông.

Các nhà môi trường đã bày tỏ các mối lo ngại của họ về việc các đập thủy điện cỡ lớn có thể gây phân đoạn hệ thống sinh thái. Chúng ta đồng ý rằng đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện để cung cấp nguồn năng lượng cho quốc gia phục vụ phát triển kinh tế đất nước. Nhưng vấn đề đặt ra là làm sao vừa xây dựng các nhà máy thủy điện nhưng *hạn chế thấp nhất việc xâm hại rừng*. Theo các nhà môi trường thì việc rừng đầu nguồn bị xâm hại mới chính là một trong những nguyên nhân quan trọng gây lũ lụt chứ không hẳn do các hồ thủy điện.

Đại biểu Quốc hội Nguyễn Ngọc Phương (Quảng Bình) cho rằng: "... thật xót xa trước tình trạng rừng tự nhiên ngày càng bị tàn phá, bị cháy, bị khai thác trái pháp luật diễn ra ở nhiều địa phương gây nên thiên tai nghiêm trọng, tổn hại tính mạng con người. Có nhiều nơi cán bộ kiểm lâm còn tiếp tay cho lâm tặc, chính quyền địa phương



thiếu trách nhiệm kiểm tra và tham nhũng, do hệ thống pháp luật về tài nguyên rừng của chúng ta còn nhiều hạn chế, trong đó có Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng”.

Nhưng nếu có hệ thống pháp luật đầy đủ, lấy gì đảm bảo rằng rừng không bị xâm hại khi gần đây trên VTV 3, có phóng sự rừng bị chặt đốn không thương tiếc ở Dak Lak mà chỗ bị tàn phá ấy chỉ cách trụ sở của một ủy ban nhân dân cấp xã không xa, và trong suốt thời gian rừng bị tàn phá lại không có một cán bộ kiểm lâm nào xuất hiện.

Thống kê mới nhất của Cục Kiểm lâm thì năm 2017 có 1.55,68ha rừng bị chặt phá và 5.364,85ha rừng bị cháy. Diện tích rừng tự nhiên của nước ta đang suy giảm với tốc độ “chóng mặt”. Đặc biệt, độ che phủ của rừng ở khu vực miền Trung đã bị suy giảm nghiêm trọng. Hiện nay độ che phủ của rừng chỉ còn chưa đầy 40%, trong đó diện tích rừng nguyên sinh chỉ còn khoảng 10%.

Tiến sĩ Lê Anh Tuấn, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu ở Cần Thơ nhận định: *“Tôi cho là tốc độ phủ diện tích rừng không bằng tốc độ rừng bị phá. Đâu phải mình trông lên bao nhiêu là sống bấy nhiêu, tỉ lệ thất bại cũng nhiều. Tôi nghe báo cáo là trên 30%, tùy theo địa phương, có nơi báo cáo là 40%. Những người làm bên lâm nghiệp mà tôi tiếp xúc thì chỉ khoảng hơn 20% thôi”.*

Thiên tai là điều không tránh khỏi và có thể xảy ra ở mọi nơi, không ngoại trừ quốc gia hay vùng lãnh thổ nào. Việt Nam cũng nằm trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai; nhưng chính yếu tố con người hay còn gọi là nhân tai khiến nguy cơ thêm trầm trọng. Chúng ta xây dựng nhà máy thủy điện vì cho rằng mang lại nhiều nguồn lợi về năng lượng, nhưng luôn sống thấp thỏm lo sợ như thường xuyên phải thực hành diễn tập như gần đây “Điều hành xả lũ khẩn cấp hồ Hòa Bình và

ứng phó bảo đảm an toàn hạ du”. Và người dân miền hạ du ở đâu cũng cảm thấy bất an.

Nguyên lý duyên khởi trong bảo vệ môi sinh

Nhìn rộng ra trong mối tương quan giữa con người và thiên nhiên, chúng ta đã hành xử thiếu suy xét, cần nhắc lúc ban đầu khi chỉ nghĩ đến lợi ích kinh tế mà quên đi những hiệu ứng khác như thiên nhiên, nhân sinh. Chúng ta mãi mê sản xuất năng lượng, sản xuất hàng hóa mà không tính đến hiệu ứng nhà kính, khí thải...

Thiền sư Nhất Hạnh từng nhắc nhở: *“Có thể nào chúng ta không biết rằng trái đất xanh tươi của chúng ta đang trong tình trạng nguy kịch. Mỗi bước chân ta dẫm lên mặt đất đều có ảnh hưởng đến các loài động vật và cây cỏ. Thế mà chúng ta vẫn sống dửng dưng, như thể chúng ta không có liên quan gì với thế giới chung quanh. Chúng ta sống như những người mộng du, không biết mình đang làm gì và đi đâu”.*

(Thích Nhất Hạnh -
Hướng đi của đạo Phật cho Hòa bình và Sinh thái)

Nhà Phật với Giáo lý Duyên khởi dạy rằng “Một” hiện hữu trong “Tất cả” và “Tất cả” hiện hữu trong “Một”. Sự ô nhiễm hay phá hoại ở nơi này là ô nhiễm hay phá hoại ở những nơi khác trên mặt đất. Đã có những lời kêu gọi của những nhà môi trường yêu cầu các cá nhân, tổ chức và mọi quốc gia có bổn phận và trách nhiệm bảo vệ môi sinh cùng lúc vì sự sống còn của nhân loại; hạn chế cái gọi sử dụng năng lượng nguyên tử cho các mục tiêu hòa bình, và tạo ra biện pháp an toàn cho việc loại bỏ các chất thải từ các nhà máy và các xưởng công nghiệp; bảo vệ rừng và các động vật khỏi các sự tàn phá.

Cố Hòa thượng Thích Chơn Thiện từng nhấn mạnh: *“... quan trọng nhất là giúp con người hiểu và kiểm soát*

dục vọng (lòng khát ái, có nghĩa là tham, sân, si) vốn là nguyên nhân cơ bản của mọi nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi sinh. Có nghĩa là giải thoát sự ô nhiễm tâm thức. Nếu các ham muốn dục lạc, dục tình càng ngày càng gia tăng như đang xảy ra thì sẽ không có cách nào để bảo vệ môi sinh như những điều mà chúng ta học được từ giáo lý Duyên khởi; chỉ còn một điều còn lại: sự tàn lụi, khổ đau và sự hủy diệt đối với các sinh thể trên thế giới”.

(TCT, *Quan niệm của Phật giáo về môi sinh và đạo đức môi sinh*, www.thuvienhoasen.org)

Chúng ta phải hành động như những cá nhân có trách nhiệm, đồng thời thay đổi tâm thức cộng đồng; gần đây có một vài dấu hiệu đáng mừng khi có những nhóm bạn trẻ tự thành lập, đề cao sinh thái và bảo vệ thú quý hiếm như voọc chà vá chân nâu ở Đà Nẵng, một vài nhóm tham gia Mùa hè xanh ở TP.HCM tuyên truyền về ô nhiễm và thực phẩm độc hại; một vài nhà lãnh đạo địa phương ngần ngại khi phê duyệt những dự án gây ô nhiễm. Cụ thể, Tập đoàn TAL Hồng Kông muốn đầu tư Dự án dệt nhuộm tại Khu công nghiệp Bá Thiện 2 tại tỉnh Vĩnh Phúc nhưng đến nay dự án này chưa được cấp phép dù đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đồng ý về chủ trương. Tại Hội nghị khoa học của tỉnh, ý kiến của hầu hết các đại biểu, các nhà khoa học, chuyên gia một số tỉnh lưu vực sông Cầu cũng như chính quyền huyện Bình Xuyên đều nhấn mạnh quan điểm thận trọng khi cấp phép đầu tư các dự án dệt nhuộm.

Chúng ta phải cẩn thận không bị lừa mắt vì sự phồn vinh hay thịnh vượng tức thời mà còn phải nghĩ đến những hiệu quả hay hậu quả sau đó. Điều quan trọng nằm ở chỗ như chúng ta hay nói “phát triển bền vững”. Bàn về phát triển bền vững, một vị lãnh đạo giáo phái Karma Kagyu của Phật giáo Tây Tạng đã phát biểu: “*Nền kinh tế thế giới hiện nay trông như một thân cây tươi tốt của sự giàu có to lớn. Chúng ta ngưỡng mộ nhiều những nhánh cây và những chiếc lá xanh bóng của nó, và tin rằng đó là cái cây tuyệt nhất trên đời. Nhưng chúng ta chỉ mới nhìn thấy nửa bên trên của nó thôi, vì nửa còn lại thì nằm dưới lòng đất. Nếu nhìn được bên dưới bề mặt này, ta có thể phát hiện ra rễ của cái cây ấy đang chết vì sự ngược đãi và bỏ mặc. Điều này có thể chỉ là vấn đề thời gian thôi trước khi tình trạng này tác động lên nửa trên của thân cây. Việc ưu đãi với nhánh hay lá cây chỉ là giải pháp tạm thời; cho tới khi chắc chắn rễ cây được khỏe mạnh, chúng ta không thể đảm bảo được một cái cây khỏe khoắn. Vì vậy tôi vô cùng cảm kích ý tưởng về sự phát triển bền vững, được định nghĩa bởi Ủy ban Môi trường và Phát triển thế giới (1987) như là ‘đạt được những nhu cầu của thế hệ hiện tại chúng ta mà không phương hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai’. Sau hết, nếu quan điểm về tái sinh được chứng minh là đúng, thì chúng ta chính là thế hệ tương lai”.*

(Ogyen Trinley Dorje, *Walking the Path of Environmental Buddhism through Compassion and Emptiness*, <https://onlinelibrary.wiley.com>)

Ai trong chúng ta chẳng ước mơ sống trong một môi trường xanh-sạch-đẹp; nhưng để ra luật lệ chưa đủ, chúng ta cần sự tự giác nơi từng người mà về phương diện này, Việt Nam ta đang tỏ ra yếu kém khi mỗi ngày chúng ta vẫn thấy người ta vứt xác chuột ra đường, xả rác bất cứ nơi nào và cứ sau lễ hội thì công nhân vệ sinh lại rất mệt mỏi với những núi rác! Hình ảnh cổ động viên Nhật Bản, dù thắng hay thua, đều ở lại nhặt rác trên sân vận động trong những trận đấu World Cup vừa qua là bài học cho chúng ta, là tấm gương cho toàn thế giới.

Phật giáo là một tôn giáo nhân bản. Đối với người Phật tử, quả đất này là thuộc về mọi sinh loại chứ không phải dành riêng cho loài người. Trước tình trạng biến đổi khí hậu hiện nay, quan điểm này có thể thuyết phục được tất cả mọi người chấp nhận. Và khi ấy, mọi người đều phải biết bảo vệ môi trường sống, cho chính mình và cho các giống loài khác. Có thể nói, chính con người có đủ khả năng và thẩm quyền để quyết định vận mệnh hành tinh chúng ta.

Để làm được điều đó, con người không cần là Phật tử nhưng hãy quán sát lối sống mà Đức Phật đề nghị, trước hết đó là việc giữ gìn năm giới. Giới thứ nhất là không giết hại, nghĩa là bảo vệ sự sống; giới thứ hai là biết bố thí, làm được điều ấy sẽ giảm bớt công xã hội; giới thứ ba là sống có trách nhiệm với những người thương yêu; giới thứ tư là nói lời hòa ái và tập lắng nghe, chia sẻ; giới thứ năm là tiêu thụ có trách nhiệm, ăn uống chừng mực, nghĩa là trong chánh niệm.

Trở lại với nguyên lý Duyên khởi, khi hiểu rằng chúng ta và thiên nhiên sẽ cùng tương sinh tương diệt thì chúng ta sẽ đối xử với thiên nhiên bằng sự trân trọng và hòa ái, nghĩa là không trấn áp theo kiểu đập đập, ngăn dòng, xây thủy điện bừa bãi, phá rừng làm đô thị, bịt dòng chảy kênh mương khiến thành phố, xóm làng ngập lụt, hủy hoại môi sinh bằng các loại hóa chất, thuốc trừ sâu, tàn sát sinh vật để rồi chính chúng ta đào mồ chôn mình một ngày nào đó, nhanh chậm do chúng ta quyết định.

Thiên tai có thể ngăn chặn nếu chúng ta chủ động và có ý thức trách nhiệm cộng đồng. Những hiện tượng bất thường đang diễn ra hiện nay có vai trò của các cấp lãnh đạo và cả từng cá nhân khi không thể bảo vệ sông ngòi, núi non, rừng thiêng không bị tàn phá, ô nhiễm. Nếu mỗi người biết sống hòa hợp và tôn trọng thiên nhiên thì đời sống sẽ bình yên và môi sinh không còn là mối lo của toàn nhân loại dù có biến đổi khí hậu hay thiên tai vì khi ấy con người sẽ chủ động giảm thiểu nguy cơ và sự hòa điệu giữa con người và thiên nhiên lại tái lập.

Mong thay! ■

Giới thiệu sách mới của Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

Những đóa hoa Phật giáo Việt Nam

Ban Biên tập Tạp chí VHPG

Một tuần trước khi viên tịch, Hòa thượng Tổng Biên tập Thích Trung Hậu của chúng tôi còn nhắc lại lời dặn là nên xin phép Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thích Thiện Nhơn để được in thành sách một số bài viết của ngài đã đăng trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*. Lời dặn này đã được lập đi lập lại nhiều lần từ cách nay khoảng ba tháng và rất phù hợp với ý nguyện của toàn thể Ban Biên tập.

Hòa thượng Chủ tịch Thích Thiện Nhơn - Cử nhân Triết học (Đại học Văn khoa Sài Gòn), tốt nghiệp Phật học viện Huệ Nghiêm, Tiến sĩ Danh dự Đại học Apollos, Hoa Kỳ, Tiến sĩ Danh dự Đại học Maha Chulalongkorn, Thái Lan - là một vị Giáo phẩm đức độ, có kiến thức sâu rộng về Phật học và khả năng đặc biệt về nghiên cứu, diễn đạt; đã từng giảng dạy nhiều năm ở Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, một diễn giả nổi bật tại các hội nghị hội thảo, và là tác giả của 33 tác phẩm nghiên cứu Phật học đã xuất bản. Chúng tôi mang ơn ngài đã nhận lời thỉnh cầu của chúng tôi mà đều đặn gửi bài đăng trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* trong khoảng hai năm nay.

Chúng tôi rất vui mừng khi được Hòa thượng Chủ tịch cho phép chúng tôi được in lại một số bài trong số những bài viết của ngài đã đăng trên *Văn Hóa Phật Giáo*. Thế là chúng tôi chọn một đề tài tương đối bao quát nội dung những bài được in lại với nhan đề sách "Những đóa hoa Phật giáo Việt Nam".

Sách gồm 33 bài, được chia làm bốn phần:

1. Dòng chảy Phật giáo Việt Nam;
2. Những vì sao sáng;
3. Phật giáo lan tỏa;
4. Những đốm sáng.

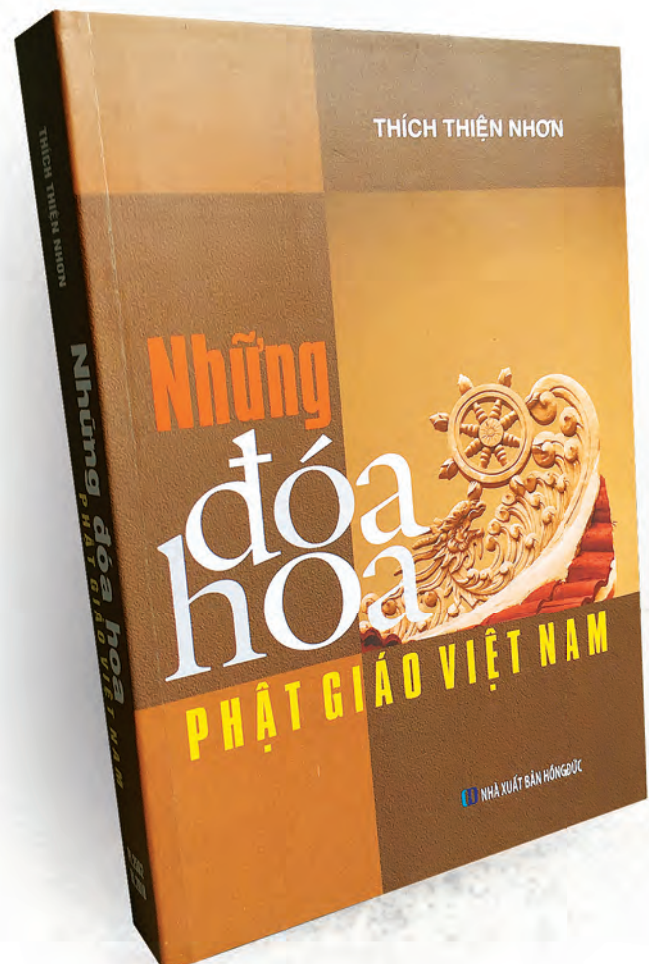
Nội dung của cuốn sách phản ánh lịch sử Phật giáo Việt Nam qua các bậc tôn túc, các nhân vật liên hệ đến Phật giáo Việt Nam, các tông phái, địa phương, thời đại và qua nhận thức của tác giả với các sự kiện, các nguồn tài liệu xác thực. Dĩ nhiên, đây không phải là một cuốn lịch sử Phật giáo Việt Nam vì tác giả không có ý định như thế. Đây chỉ là sự miêu tả những mảng sáng, những đóa hoa tươi đẹp, rực rỡ trong vườn hoa

Phật giáo Việt Nam, đầy tính chất từ bi, trí tuệ vì được tưới mát bằng ánh đạo vàng của Đức Phật.

Trước khi sách được phát hành, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn Hòa thượng Chủ tịch HĐTS GHPGVN và sự hoan hỷ vì đã thực hiện Hoàn tất lời dặn dò của cố Hòa thượng Tổng Biên tập của chúng tôi. Sau cùng, nhưng rất trân trọng, chúng tôi xin ghi nhận công đức của chư tôn đức Giáo phẩm, chư vị thân hữu, đã đóng góp tài trợ cho chúng tôi thực hiện cuốn sách này.

Kính mong quý độc giả hoan hỷ đón nhận tập sách này, một tài liệu, một nhận định có thể cung cấp thêm một số dữ liệu về lịch sử Phật giáo Việt Nam và gợi thêm lòng yêu kính đạo Phật.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2018 ■



Nên chú tâm vào nội lạc

HUYỀN HƯƠNG

Trong kinh Vô tránh phân biệt (*Aranavibhanga Sutta*) thuộc tuyển tập *Trung bộ*, Đức Phật đưa ra một lời khuyên tu Thiền có nội dung như sau: “*Nên biết phán xét về lạc; sau khi biết phán xét về lạc, nên chú tâm vào nội lạc*” (*Sukhavinicchayam jannà sukhavinicchayam natvā ajjhattam sukham anuyunjeyya*).

Đức Phật khuyên mọi người tu Thiền, vì Thiền là hạnh phúc, mang lại hạnh phúc cho con người, một loại hạnh phúc đặc biệt lợi ích, khác với kinh nghiệm hạnh phúc thường tình của thế gian. Bạc Giác ngộ giải thích lý do vì sao Ngài khuyên mọi người nên tu Thiền:

“*Khi được nói đến “Nên biết phán xét về lạc; sau khi biết phán xét về lạc, nên chú tâm vào nội lạc”, do duyên gì được nói đến như vậy?*”

Này các Tỷ-kheo, có năm dục trường dưỡng này. Thế nào là năm? Các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân cảm giác, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, như vậy là năm dục trường dưỡng. Này các Tỷ-kheo, do duyên năm dục trường dưỡng này khởi lên lạc và hỷ, như vậy gọi là dục lạc, uế lạc, phàm phu lạc, phi Thánh lạc. Ta nói loại lạc này không nên thực hành, không nên tu tập, không nên làm cho sung mãn, nên sợ hãi. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ. Định chỉ tâm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú,

chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy gọi là xuất ly lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, giác ngộ lạc. Ta nói loại lạc này nên thực hành, nên tu tập, nên làm cho sung mãn, không nên sợ hãi.

Khi được nói đến “Nên biết phán xét về lạc; sau khi phán xét về lạc, hãy chú tâm vào nội lạc”, do chính duyên này được nói đến như vậy”.

Như vậy, trước khi khuyên mọi người tu Thiền, chú tâm vào nội lạc (*ajjhattasukha*), Đức Phật dạy mọi người phải biết phân biệt rõ hai loại lạc, dục lạc (*kāmasukha*) và Thiền lạc (*Jhānasukha*).

Dục lạc (*kāmasukha*) nghĩa là hạnh phúc thường tình giữa thế gian, tức sự thỏa mãn các khoái cảm của giác quan như sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu hay sự sở hữu và thụ hưởng các lạc thú trần thế như tiền tài vật chất (tài), danh vọng quyền lực (danh), sắc đẹp khác phái (sắc), ăn uống no say (thực), ngủ nghỉ êm ái (thùy). Đây là loại hạnh phúc hấp dẫn và đặc trưng nhất trong thế giới con người, gắn liền với nghiệp thức của loài người, trở thành món ăn ưa chuộng và đối tượng tìm cầu của hết thảy mọi người. Loại lạc thú này có công năng bảo dưỡng sự sống của con người, kích thích các hoạt động tạo tác của con người, thôi thúc con người tạo ra thế giới văn minh vật chất, một thế giới mà Đức Phật đã định danh là “*thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho lòng tham*”², vì ở đó con người không bao giờ biết đủ và cảm thấy thỏa mãn.

Kinh Pháp cú xác nhận:

Dầu mưa bằng tiền vàng,

Các dục khó thỏa mãn;

*Dục đấng nhiều ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí³.*

Chính vì bản chất luôn luôn thiếu thốn và khao khát của dục vọng nên Đức Phật gọi loại hạnh phúc này là dục trường dưỡng (*kāmaguna*), nghĩa là loại lạc thú nuôi lớn lòng tham, kích thích bản chất ham muốn của con người, khiến cho con người luôn luôn nghèo đói, khao khát tìm kiếm, sở hữu bao nhiêu cũng không thấy đủ. Cũng do tính chất càng khao khát thỏa mãn càng nghèo đói thiếu thốn, dục lạc được xem là động cơ của mọi hành vi bất thiện đưa đến bất hạnh khổ đau cho con người và cuộc đời. Đại kinh Khổ uẩn thuộc tuyển tập *Trung bộ* nêu một loạt các hậu quả nguy hại do lòng tham muốn dục lạc gây ra:

"Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, vua tranh đoạt với vua, Sát-đế-ly tranh đoạt với Sát-đế-ly, Bà-la-môn tranh đoạt với Bà-la-môn, gia chủ tranh đoạt với gia chủ, mẹ tranh đoạt với con, con tranh đoạt với mẹ, cha tranh đoạt với con, con tranh đoạt với cha, anh em tranh đoạt với anh em, anh tranh đoạt với chị, chị tranh đoạt với anh, bạn bè tranh đoạt với bạn bè. Khi họ đã dẫn mình vào tranh chấp, tranh luận, tranh đoạt, họ công phá nhau bằng tay; họ công phá nhau bằng đá; họ công phá nhau bằng gậy; họ công phá nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ dàn trận hai mặt, và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ công phá thành quách mới trét vôi hồ và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Ở đây, họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ đổ nước phân sôi, họ đè bẹp nhau bằng đá, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ đột nhập nhà cửa, họ cướp giết đồ đạc, họ hành động như kẻ cướp, họ phục kích các đường lớn, họ đi đến vợ người. Các vua chúa khi bắt được một người như vậy liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân... họ lấy gươm chặt đầu. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý. Do họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý, khi thân hoại mạng chung, họ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục."

Do dục lạc tiềm ẩn nhiều nguy cơ đưa đến khổ đau cho con người và cho cuộc đời, Đức Phật gọi loại lạc này là hạnh phúc có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, đưa đến tranh chấp, đáng sợ hãi, không nên tìm cầu, không nên làm cho sung mãn, cần hạn chế, cần nhiếp phục, cần buông bỏ⁴. Ngài xem dục lạc là ô uế lạc (*milhasukha*), phàm phu lạc (*puthujjanasukha*), phi Thánh lạc (*anariya-sukha*)⁵, tức các lạc thú làm ô uế tâm thức con người, khiến cho con người trở nên hèn hạ tầm thường, không nâng cao phẩm giá của con người.

Theo lời Phật thì dục lạc vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm càng nhiều hơn, nhưng con người không thể thoát khỏi sự trói buộc và chi phối của các dục, trừ phi có sự chuyển hóa và thăng hoa tâm thức gọi là hành Thiền:

"Này Mahànàma, thuở xưa, khi Ta còn là Bồ-tát, chưa chứng được Bồ-đề, chưa thành Chánh đẳng Chánh giác, Ta khéo thấy với như thật chánh trí tuệ: 'Các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn', dầu Ta có thấy với như thật chánh trí tuệ như vậy, nhưng Ta chưa chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào khác cao thượng hơn. Và như vậy Ta biết rằng, Ta chưa khỏi bị các dục chi phối. Và này Mahànàma, khi nào Ta khéo thấy với như thật chánh trí tuệ: 'Các dục, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn', và Ta chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào khác cao thượng hơn, như vậy Ta khỏi bị các dục chi phối"⁶.

Thiền lạc (*Jhānasukha*) nghĩa là niềm hân hoan an lạc nội tâm, đạt được nhờ chuyển hóa và thanh lọc tâm thông qua hành Thiền. Đây là phương pháp chuyển hóa tâm thức rất quan trọng, làm phát sinh các cấp độ an lạc tinh tế sâu lắng thuộc tâm thức gọi là nội lạc (*ajjhattasukha*), có khả năng làm thay đổi cảm thức của con người về kinh nghiệm hạnh phúc. Theo kinh nghiệm tu tập của Đức Phật thì Thiền lạc có khả năng đối trị và nhiếp phục dục lạc⁷, vì Thiền lạc vi diệu, thù thắng⁸ và an ổn hơn dục lạc⁹. Bậc Giác ngộ đánh giá cao Thiền lạc, gọi hành Thiền (*jhānabhavana*) là Tăng thượng tâm (*adhicitta*) và hiện tại lạc trú (*ditthadhammasukhavihāra*), tức sự thăng hoa tâm thức và sống an lạc ngay trong hiện tại.

Sau đây là các minh họa liên quan đến Thiền lạc:

- Cảm giác sung sướng hân hoan do gột rửa tâm khỏi năm triền cái (tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi ngờ), như người mắc nợ thoát khỏi nợ nần, như người bệnh thoát khỏi bệnh tật, như người tù được trả tự do, như người nô lệ thoát khỏi cảnh nô lệ, như người buồn bã qua sa mạc được an toàn: "*Vị Tỷ-kheo lựa một chỗ thanh vắng tịch tịch, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng, và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ*

bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm và thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử hối quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối quá. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Này các Tỷ-kheo, như một người mắc nợ liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ... Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, như một người bị bệnh, đau đớn, trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian, người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục... Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy sau một thời gian được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn... Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, như một người nô lệ, không được tự do đi lại. Người ấy sau một thời gian thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, được tự do đi lại... Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc. Người ấy sau một thời gian đã đi khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng, yên ổn, không có nguy hiểm, tài sản không bị tổn giảm... Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự mình quán năm triển cái chưa xả ly, như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường qua sa mạc. Này các Tỷ-kheo, cũng như không mắc nợ, không bị bệnh tật được khỏi tù tội, được tự do, đến được đất lành yên ổn. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán năm triển cái khi chúng được diệt trừ¹⁰.

- Lạc sơ Thiên: "Vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp chúng và trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Vị ấy thấm nhuần, tắm ướm, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này các Tỷ-kheo, như một người hầu tắm lão luyện, hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướm, trào trộn với nước ướm, thấm ướm cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướm, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần".

- Lạc đệ nhị Thiên: "Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chúng và trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy thấm nhuần, tắm ướm, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào

trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Này các Tỷ-kheo, ví như một hồ nước, nước từ trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra, thấm nhuần, tắm ướm, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy thấm nhuần, tắm ướm, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh thấm nhuần".

- Lạc đệ tam Thiên: "Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chúng và trú Thiên thứ ba. Vị ấy thấm nhuần, tắm ướm, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Này các Tỷ-kheo, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần, tắm ướm, tràn đầy thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướm, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần".

- Lạc đệ tứ Thiên: "Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chúng và trú Thiên thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. Này các Tỷ-kheo, ví như một người ngói, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy ngói thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần"¹⁰.

Các mô tả và minh họa về bốn trạng thái Thiên trên đây của Kinh tạng Pàli cho chúng ta một hình ảnh sống động về kinh nghiệm hạnh phúc an lạc của pháp môn hành Thiên. Một người hành Thiên tức là một người đang sống trong hạnh phúc an lạc. Vị ấy hạnh phúc an lạc bởi thân và tâm vị ấy được thấm nhuần, tắm ướm, tràn đầy với hỷ lạc do ly dục sanh, với hỷ lạc do định sanh, với xả niệm lạc trú và với xả niệm thanh tịnh. Kinh tạng Pàli ví người hành Thiên giống như một người đứng trên núi cao, có thể hít thở không khí trong lành và thưởng thức vẻ đẹp của một cảnh quan thiên nhiên rộng lớn, so với

cảm thức giới hạn của người không hành Thiền, đứng dưới chân đỏi¹¹.

Như vậy, hành Thiền là bước chuyển hóa và thực nghiệm tâm thức to lớn với kết quả thân được khinh an, thoải mái, tâm được hân hoan, định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thân. Chính trên nền tảng một tâm thức được khéo huấn luyện như vậy mà hành giả có thể dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lộ tận minh nhằm đoạn tận các lậu hoặc, thành tựu quả vị giải thoát giác ngộ.

Do Thiền lạc có khả năng làm trong sáng và an tịnh nội tâm, giúp cho người thực hành thành tựu trí tuệ đưa đến đoạn tận các lậu hoặc, Đức Phật xem loại hạnh phúc này là lạc thọ hợp pháp (*dhammikasukha*), tức loại hạnh phúc của sự thoát khỏi mọi trói buộc thế gian, của nếp sống thanh tịnh, nội tâm vắng lặng, của tâm thức an tịnh, vắng bật các cấu uế tham-sân-si hay năm triền cái, hay niềm vui có khả năng đưa đến giải thoát giác ngộ, gọi là xuất ly lạc (*nekkhammasukha*), độc cư lạc (*vivekasukha*), an tịnh lạc (*upasamasukha*), Chánh giác lạc (*Sambodddhasukha*)¹². Cũng theo lời Phật thì Thiền lạc là loại hạnh phúc không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, không đưa đến tranh chấp mà mọi người nên thực hành, nên tu tập, nên làm cho sung mãn¹³.

Vài nhận xét:

Như vậy, Đức Phật khuyên mọi người tu Thiền, chú tâm vào nội lạc, vì các lẽ sau đây:

- Hạnh phúc là ước mong muôn thuở của con người và loài người. Con người sống là để được hạnh phúc và kiến tạo hạnh phúc. Tuy nhiên, hạnh phúc có nhiều loại và nhiều cấp độ khác nhau, tùy thuộc vào quan niệm và khuynh hướng tâm thức của mỗi người. Đạo Phật phân định rõ từng loại hạnh phúc, xác định rõ loại hạnh phúc nào cần vượt qua, loại hạnh phúc nào nên kiến lập, đồng thời chỉ rõ phương pháp cụ thể giúp cho con người tìm thấy lối đi đưa đến thắng tiến hạnh phúc.

- Dục lạc là hạnh phúc thường tình giữa thế gian gắn liền với đời sống của con người, có chức năng thôi thúc con người nỗ lực kiến tạo và hoàn thiện đời sống vật chất và thụ hưởng các thành quả của đời sống văn minh vật chất. Dục lạc có công năng nuôi lớn lòng tham hay dục vọng của con người; vì vậy, dục lạc chính là nguyên nhân của mọi xu hướng cạnh tranh, tranh chấp, tranh đoạt, công kích và chiến tranh xảy ra giữa con người và con người, giữa các giai cấp, giữa các quốc gia hay các khối chủ nghĩa. Tính chất nguy hiểm của dục lạc trải dài lịch sử loài người, khiến cho đời sống nhân loại không có được nhiều hạnh phúc an ổn so với cảm thức bất an sâu muộn.

- Dục lạc vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm càng nhiều hơn, nhưng con người hầu như không tìm thấy giải pháp để khắc phục và vượt qua. May mắn thay,

Đức Phật thị hiện ở đời đã giúp cho nhân loại tìm thấy giải pháp cứu nguy cho lối sống bất an bị trói buộc bởi dục lạc thế gian. Đó là con đường chuyển hóa tâm thức mà bậc Giác ngộ đã chứng nghiệm và tuyên thuyết, con đường của sự tu tập thắng tiến đạo đức, tâm thức và trí tuệ, có khả năng chuyển đổi các thói quen của đời sống con người, từ nhận thức đến hành động và cảm nghiệm, giúp cho con người tìm thấy lối sống giải thoát an lạc ngay trong thế giới bị trói buộc khổ não bởi dục lạc. Theo kinh nghiệm của Đức Phật thì hành Thiền chính là con đường vượt qua sự trói buộc và chi phối của dục lạc, vì Thiền làm phát sinh Thiền lạc, tức sự thanh thản an lạc sâu sắc thuộc nội tâm, có khả năng thay thế và đối trị dục lạc.

- So với dục lạc tiềm ẩn nhiều nguy hiểm bởi bản chất vị kỷ, hướng hạ của nó, Thiền lạc hay hạnh phúc của sự chuyển hóa và thắng tiến tâm thức được xem là hạnh phúc chân chính, hướng thượng (*dhammikasukha*), vì đó là loại hạnh phúc ly dục (*nekkhammasukha*), ly tham (*pavivekasukha*), vắng bật các cấu uế (*upamasukha*), đưa đến giác ngộ, hướng đến Niết-bàn (*Sambodddhasukha*). Đó là loại hạnh phúc của người leo núi cao Thiền định và trí tuệ, cảm nghiệm cả một bầu không gian khoáng đãng và giải thoát, so với cảm thức ô nhiễm và ngột ngạt của những người đứng dưới chân đỏi, không hành Thiền, bị dục lạc chi phối.

- Thiền có khả năng chuyển hóa con người, chuyển hóa đời sống và hạnh phúc của con người theo chiều hướng tốt đẹp tiến gần mục tiêu giác ngộ. Thiền nâng cao tâm thức con người, nâng cao hạnh phúc của con người. Thiền mang lại cho con người thân khỏe tâm an, giúp cho con người tìm thấy lối sống giải thoát an lạc trong đời sống hàng ngày, một lối sống sáng suốt tinh cần, thiếu dục tri túc, có hiểu biết, có tỉnh thức, cảm nghiệm trọn vẹn tính chất mẫu nhiệm của sự sống an lạc tự nội, không còn quay cuồng tìm kiếm một cách mệt mỏi và bất an các lạc thú ở bên ngoài.

- Thiền là tiến trình khai mở tuệ giác giải thoát, vì Thiền có công năng thanh lọc tâm, khiến cho tâm đạt đến trong sáng, định tĩnh, thấu suốt bản chất duyên sinh, vô thường, khổ, vô ngã của mọi sự vật và hiện tượng, giúp cho người thực hành dễ dàng buông bỏ các tập quán tham ái và chấp thủ, đưa đến chứng đắc tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chấm dứt khổ đau sinh tử luân hồi. ■

Chú thích: 1. Kinh Vô tránh phân biệt, *Trung bộ*. 2. Kinh Ratthapàla, *Trung bộ*. 3. Kinh Pháp cú, kệ số 186. 4. Đại kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*. 5. Kinh Ví dụ con chim cáy, *Trung bộ*. 6. Tiểu kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*. 7. Tiểu kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*. 8. Kinh Đa thọ, *Trung bộ*. 9. Kinh Vô tránh phân biệt, *Trung bộ*. 10. Đại kinh Xóm ngựa, *Trung bộ*. 11. Kinh Điều ngự địa, *Trung bộ*. 12. Kinh Vô tránh phân biệt, *Trung bộ*. 13. Kinh Vô tránh phân biệt, *Trung bộ*.



Phật giáo tỉnh Bình Định dấu ấn Thiền phái Lâm Tế

THÍCH THIỆN NHƠN

Lịch sử Phật giáo xứ Đàng Trong ghi nhận, vào thời chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1648-1687), Thiền sư Nguyên Thiều-Thọ Tôn (1648-1728) - còn được gọi là ngài Siêu Bạch-Hoán Bích, thuộc đời thứ 33 Thiền phái Lâm Tế, là người làng Trình Hưng, phủ Triều Châu, tỉnh Quảng Đông-Trung Quốc đã theo các thuyền buôn sang phủ Qui Ninh (Qui Nhơn) năm 1676 và lập cước hành đạo tại Đàng Trong. Năm Đinh Tỵ (1677), ngài xây dựng chùa Thập Tháp Di Đà; đến năm 1683 khi cử hành lễ lạc thành, vua Lê Hy Tông tặng chùa bằng vàng “Sắc tử Thập Tháp Di Đà tự”.

Năm 1683, Tổ sư Nguyên Thiều ra Thuận Hóa (Huế) hành đạo. Ngài giao chùa Thập Tháp lại cho Hòa thượng Tánh Để-Đạo Nguyên (1656-1716) - thuộc đời thứ 35 Thiền phái Lâm Tế Trí Tuệ - Trí Bảng Đột Không - làm trụ trì. Trước đó, trong thời gian làm trụ trì, ngài có khắc bốn câu kệ vào bằng vàng còn được lưu giữ đến ngày nay; nội dung bài kệ như sau:

*Mười tòa tháp hơn Đa Bảo tháp
Trước cửa không cần lập ba xe
Hôm nay Tịnh độ thành như thị
Tựa như lại nghe giảng Pháp hoa.*

Âm Hán Việt:

Thập Tháp dư ư Đa Bảo tháp
Môn tiền bất dụng thiết tam xa

Chí kim Tịnh độ thành như thị
Hư tợ trùng lai tịnh *Pháp hoa*.

Sau khi Hòa thượng Tánh Để viên tịch, một vị đệ tử của ngài Nguyên Thiều là Hòa thượng Minh Giác-Kỳ Phương (1648-1744), còn được gọi là ngài Thành Đạo-Kỳ Phương, thuộc đời thứ 34 dòng Lâm Tế Nguyên Thiều theo hai dòng kệ: “*Đạo Bản Nguyên Thành Phật Tổ Tiên... Hạnh Siêu Minh Thiệt Tế...*” trụ trì.

Trong thời gian hành đạo tại Thuận Hóa, Tổ Nguyên Thiều đã trùng tu chùa Phổ Thành - Hà Trung (1683) và trùng tu chùa Vĩnh Ân, đổi tên thành chùa Quốc Ân (1692), Tổ rất được chúa Nghĩa Nguyễn Phúc Trăn (1687-1691) vô cùng kính trọng.

Trong phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam khởi phát từ thập niên thứ hai của thế kỷ XX do Hòa thượng Lê Khánh Hòa khởi xướng, vào năm 1927, Hòa thượng Phước Huệ (1869-1945) đã thỉnh Hòa thượng Lê Khánh Hòa (1877-1947) ra Bình Định chủ trì khóa An cư kiết hạ và giảng dạy cho chư Tăng ba tháng tại chùa Long Khánh - Qui Nhơn. Trong thời gian này quý Hòa thượng Phước Huệ, Khánh Hòa, Phổ Huệ, Bích Liên, Liên Tôn, Trí Độ, Thiện Chiếu, Chánh Nhơn đã hội ý nhau về chương trình chấn hưng Phật giáo Việt Nam. Trước khi Hòa thượng Khánh Hòa về Nam, Hòa thượng Phước Huệ đã tặng cho Hòa thượng Khánh Hòa quyển *Đại thừa Bách pháp Minh môn luận* *Chức*

ngôn để làm tài liệu giảng dạy các trường Phật học ở Nam Bộ sau này.

Năm 1931, Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học được thành lập, trụ sở đặt tại chùa Linh Sơn - Sài Gòn, do Hòa thượng Khánh Hòa làm Hội trưởng. Hội đã xuất bản tạp chí *Từ Bi Âm*, do Hòa thượng Khánh Hòa làm Chủ nhiệm. Hòa thượng Bích Liên (Trí Hải) Bình Định làm Chủ bút. Hòa thượng Liên Tôn làm Phó Chủ bút. Qua đó, quý Hòa thượng Bích Liên, Liên Tôn, Phổ Huệ, Trí Độ đã đóng góp nhiều công sức cho sự phát triển của Hội và tạp chí *Từ Bi Âm*, đến năm 1938 thì tạp chí ngưng hoạt động.

Năm 1934, Hội An Nam Phật học thành lập tại Huế, thì Hội Phật học Bình Định cũng được hình thành, do chư vị Hòa thượng Phước Huệ, Trí Hải, Liên Tôn và Chánh Nhơn lãnh đạo. Năm 1937, Hội thành lập hai trường Phật học tại chùa Thập Tháp và Long Khánh, do Hòa thượng Phước Huệ làm Giám đốc. Sau khi Hòa thượng Vạn Thành (1865-1905) trụ trì chùa Thập Tháp viên tịch, Hòa thượng Phước Huệ-Chơn Luận đời thứ 40 Pháp phái Lâm Tế *Vạn Phong - Thời Ủy* kế thế trụ trì chùa Thập Tháp, nhưng vì sức khỏe không cho phép nên ngài đã trụ hẩn tại chùa Thập Tháp, không ra giảng dạy lớp Cao đẳng Phật học Báo Quốc - Huế, vì thế một số Tăng sinh Phật học đường Báo Quốc như các ngài Thiện Hoa, Thiện Hòa, Chí Thiện, Giác Tâm, Hiến Thụy, Hiến Không, Bửu Ngọc... đã vào chùa Long Khánh tu học một thời gian, do Hòa thượng Phước Huệ chủ giảng.

Năm 1945, chiến tranh Việt - Pháp leo thang, Hội Phật giáo Cứu quốc Trung ương được thành lập do Hòa thượng Trí Độ làm Chủ tịch. Sau đó ngài ra Hà Nội hoạt động. Đến năm 1958, ngài Trí Độ được Đại hội suy cử làm Hội trưởng Hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam thuộc nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tại miền Trung, Hội Phật giáo Cứu quốc Liên khu V và Bình Định cùng được thành lập do Hòa thượng Liên Tôn-Huyền Ý làm Chủ tịch; chư Thượng tọa Tâm Hoàn, Bình Chánh, Kế Châu và Giác Tánh làm Phó Chủ tịch; Thượng tọa Huyền Quang làm Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký. Hội hoạt động cho đến ngày chia đôi đất nước 20-7-1954 thì ngưng hoạt động.

Năm 1945, sau khi cụ Lê Đình Thám, Hội trưởng Hội An Nam Phật học, lui về Quảng Nam, rồi sau đó ra Hà Nội hoạt động, cụ Chơn An-Lê Văn Định thay thế. Kế đến, năm 1951, Đại hội thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam do Hòa thượng Tịnh Khiết làm Hội chủ, Văn phòng đặt tại chùa Từ Đàm-Huế. Hoạt động trong lòng Tổng hội Phật giáo Việt Nam, có Hội Phật giáo Trung phần, ban đầu do Thượng tọa Đôn Hậu làm Hội trưởng, kế tiếp là Thượng tọa Mật Hiến làm Hội trưởng, Thượng tọa Trí Quang làm kiểm lý Ngân sách, đến năm 1957 Hòa thượng Trí Quang chính thức làm Hội trưởng Phật giáo Trung phần cho đến năm 1963.

Hội Phật giáo Bình Định - Giáo hội Tăng-già Bình Định hoạt động dưới sự lãnh đạo của chư Thượng tọa



Tổ sư Nguyên Thiều

Bình Chánh, Giác Tánh, Tâm Hoàn, Huyền Quang và Kế Châu... đạt kết quả ổn định trong thời gian dài từ năm 1951-1963. Nhất là năm 1951 (19/01/1951) tổ chức được khóa Huấn luyện cán bộ hành chánh tại xã Cát Thắng, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, lễ kết khóa được tổ chức tại chùa Liên Tôn Bình Định. Năm 1956, Giáo hội Tăng-già Bình Định thành lập Trường Phật học tại chùa Long Khánh, do Thượng tọa Kế Châu làm Giám đốc.

Sau cuộc chính biến ngày 01-11-1963, chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm cáo chung, Phật giáo thoát cơn Pháp nạn. Đại hội thống nhất Phật giáo miền Nam do Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo tổ chức tại chùa Xá Lợi từ ngày 30-12-1963 đến ngày 01-01-1964 bao gồm các tổ chức Giáo hội, Hệ phái Phật giáo trong Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo thành lập ngày 25/5/1963 tại chùa Xá Lợi. Đại hội đã suy cử hai Viện - Viện Tăng thống và Viện Hóa đạo cùng các Tổng vụ. Viện Tăng thống do Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Tăng Thống; Viện Hóa đạo do Thượng tọa Thích Tâm Châu làm Viện trưởng... Thượng tọa Thích Huyền Quang làm Tổng Thư ký; Thượng tọa Giác Tánh, Thượng tọa Kế Châu được cử làm thành viên Hội đồng Giáo phẩm Trung ương. Đồng thời, các Tỉnh hội cũng được thành lập, trong đó có Tỉnh hội Phật giáo Bình Định, do Thượng tọa Kế Châu (1922-1996) làm Chánh Đại diện GHPGVNTN tỉnh Bình Định.

Trong thời gian hơn 10 năm hoạt động, với nền giáo dục theo mô hình Tổng vụ Giáo dục, hai Phật học viện được thành lập. Phật học viện Phước Huệ, cơ sở đặt tại chùa Thập Tháp, do Thượng tọa Kế Châu làm Giám viện. Phật học viện Nguyên Thiều, cơ sở đặt tại tu viện Nguyên Thiều, do Thượng tọa Huyền Quang làm Giám viện và Trường Trung học Bồ Đề Qui Nhơn do Thượng tọa Từ Hạnh làm Hiệu trưởng. Cả ba đều hoạt động đến ngày 30-4-1975 thì ngưng hoạt động; trong thời gian đó, các cơ sở trên đã đào tạo được một số Tăng sinh có trình độ trung đẳng Phật học cho tỉnh nhà; nhất là đã kiến tạo thành công Phật đài lộ thiên với tôn tượng Phật Thích-ca Mâu-ni cao 11 mét tại tu viện Nguyên Thiều.

Sau ngày 30-4-1975, nước nhà thống nhất, Quốc hội khóa VI đã quyết định nhập hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định thành một đơn vị hành chính, gọi là tỉnh Nghĩa Bình. Mặc dầu vậy, Ban Đại diện GHPGVNTN tỉnh Bình Định do Thượng tọa Kế Châu làm Chánh Đại diện, Ban Đại diện GHPGVNTN tỉnh Quảng Ngãi do Thượng tọa Giải An làm Chánh Đại diện tiếp tục hoạt động đến ngày thống nhất Phật giáo cả nước, thành lập GHPGVN (07-11-1981).

Đại hội Phật giáo tỉnh Nghĩa Bình lần thứ nhất đã suy cử Thượng tọa Kế Châu, Ủy viên Hội đồng Trị sự Trung ương GHPGVN làm Trưởng ban Trị sự. Văn phòng đặt tại chùa Long Khánh, thành phố Qui Nhơn; Thượng tọa Giải An, Ủy viên HĐTS GHPGVN làm Phó Trưởng ban Thường trực, Văn phòng đặt tại chùa Tỉnh hội Phật giáo Quảng Ngãi, thị xã Quảng Ngãi, tỉnh Nghĩa Bình.

Đến năm 1992, Quốc hội khóa VIII đã tách tỉnh trở lại hai đơn vị hành chính cũ là Quảng Ngãi và Bình Định. Thượng tọa Kế Châu được Đại hội và Tăng Ni, Phật tử suy cử làm Trưởng ban Trị sự Phật giáo tỉnh Bình Định.

Trong nhiệm kỳ với phạm vi trách nhiệm lãnh đạo Phật giáo tỉnh nhà, Thượng tọa đã cùng quý Thượng tọa trong Ban Trị sự tiến hành thành lập Trường Cơ bản Phật học tỉnh Bình Định (nay là Trường Trung cấp Phật học), cơ sở đặt tại tu viện Nguyên Thiều, do Thượng tọa Nguyễn Chơn làm Hiệu trưởng.

Những nhiệm kỳ sau, nhất là sau khi Hòa thượng Kế Châu viên tịch năm 1996, Hòa thượng Thích Phước Thành, Hòa thượng Thích Thiện Nhơn lần lượt thay thế làm Trưởng ban. Hiện nay do Hòa thượng Thích Nguyên Phước, Ủy viên Thường trực HĐTS làm Trưởng ban, tiếp tục hoạt động và không ngừng phát triển trong thời kỳ hội nhập thế giới của GHPGVN cũng như của Phật giáo tỉnh Bình Định.

Tóm lại, Phật giáo tỉnh Bình Định được xem như là một trong những cái nôi của Phật giáo Việt Nam nói chung, vùng Trung Bộ nói riêng. Hình ảnh nổi bật nhất là Tổ sư Nguyên Thiều đã thiết lập truyền thống Pháp phái Lâm Tế Đàng Trong vào cuối thế kỷ thứ XVII của Việt Nam, đồng thời đã xây dựng các ngôi chùa mang tính lịch sử của Pháp phái sớm nhất ở Đàng Trong là chùa Thập Tháp (1677), chùa Phổ Thành - Hà Trung (1683), chùa Quốc Ân (1692).

Trong phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam (1920), Tổ Phước Huệ là một trong 10 vị Tổ sư đã có công đức lớn của phong trào. Từ cương vị Quốc sư của triều đình Huế, Tăng cang của Phật giáo Việt Nam, ngài còn là Giáo thụ trưởng Trường Đại học Phật học Tây Thiên, Báo Quốc (Huế), Giám đốc các trường Phật học Long Khánh, Thập Tháp, đã đào tạo nhiều Tăng sĩ trở thành những nhà lãnh đạo Phật giáo Việt Nam thời cận và hiện đại.

Với cương vị là Chủ bút, Phó Chủ bút Tạp chí *Từ Bi Âm* của Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học, Hòa thượng Bích Liên, Hòa thượng Liên Tôn, Hòa thượng Phổ Huệ, Hòa thượng Trí Độ đã đóng góp nhiều công sức cho sự phát triển của Hội và Tạp chí *Từ Bi Âm* cho đến ngày ngưng hoạt động.

Trong thời hiện đại, quý Hòa thượng Tâm Hoàn, Hòa thượng Phước Thành, Hòa thượng Giác Tấnh, Hòa thượng Kế Châu, Hòa thượng Từ Hạnh, Hòa thượng Thiện Nhơn... đã đóng góp nhiều công đức cho sự phát triển Phật giáo Bình Định nói riêng, Phật giáo

nói chung, qua những thời kỳ khác nhau của lịch sử và xã hội cũng như Phật giáo Việt Nam, nhất là trong trang sử vàng son của Phật giáo Việt Nam ngày nay, mà đỉnh cao là Giáo hội Phật giáo Việt Nam. ■



Tổ sư Phước Huệ

Bị chú:

Hiện nay Phật giáo tỉnh Bình Định về Thiên phái Lâm Tế Nghĩa Huyền có bốn Pháp phái:

- Pháp phái Lâm Tế Nguyên Thiều (Đạo Bản Nguyên Thành Phật Tổ Tiên... Hạnh Siêu Minh Thiệt Tế...).

- Pháp phái Lâm Tế Vạn Phong (Tổ Đạo Giới Định Tông... Liễu Đạt Ngộ Chân Không...).

- Pháp phái Lâm Tế Trí Tuệ - Trí Bàng Đột Không (Trí Huệ Thanh Tịnh... Chơn Như Tấnh Hải...).

- Pháp phái Lâm Tế Liễu Quán (Thật Tế Đại Đạo...) Thiển sư Tế Huyền - Ứng Am đời thứ 36 Pháp phái Lâm Tế, đời thứ hai Pháp phái Liễu Quán chùa Long Khánh - Qui Nhơn và Thiển sư Tế Hiến - Chánh Nghi (1720) chùa Thiên Đức...

Tìm hiểu kinh Giáo giới La-hầu-la

THÍCH TRUNG ĐỊNH

1 Tôn giả La-hầu-la là một trong Thập đại đệ tử của Đức Phật, vị được mệnh danh là Mật hạnh Đệ nhất. Cuộc đời và hành trạng của ngài thật đáng cho người đời cung kính, quy ngưỡng. Ngài là bậc sở đắc hai thứ cao quý nhất thế gian; đó là kế thừa dòng dõi huyết thống và thánh đạo sở đắc: ở thế gian, ngài thuộc dòng dõi quý tộc, hoàng thân quốc thích; xuất gia, ngài đi trên con đường của các bậc thánh!

Tôn giả La-hầu-la là vị Sa-di đầu tiên trong lịch sử Tăng-già Phật giáo. Hình ảnh Sa-di La-hầu-la trong Giáo hội Nguyên thủy cho đến ngàn sau vẫn là hình ảnh tuyệt đẹp của một thiên thần bé nhỏ, xuất gia từ lúc ấu thời, và cuối cùng cũng đã sánh vai với chư Thánh trên lộ trình giác ngộ giải thoát. La-hầu-la không chỉ mở đường cho chính mình, mà còn mở đường cho vô số chú tiểu bé nhỏ khác trên khắp thế giới, trong

mọi thời đại, bước vào vòm trời cao rộng siêu thoát của nếp sống Thiền môn.

Tôn giả La-hầu-la được đề cập nhiều trong Kinh tạng, nhưng quan trọng nhất là ba bài kinh được ghi ở *Trung bộ*, cụ thể là: bản kinh số 61 có tựa đề *Giáo giới La-hầu-la ở rừng Am-ba-la*, bản kinh số 62 có tựa đề *Đại kinh Giáo giới La-hầu-la*; cả hai bản kinh này thuộc tập I *Trung bộ*; và bản kinh số 147 có tựa đề *Tiểu kinh Giáo giới La-hầu-la* nằm trong tập II *Trung bộ*.

Về hành trạng của ngài La-hầu-la, sách *Thập đại đệ tử truyện* của Đại sư Tinh Vân do Thích nữ Như Đức dịch cho biết, lúc mới xuất gia, Sa-di La-hầu-la còn quá nhỏ lại có gốc gác vương giả, là con của Đức Phật, nên chưa thể một sớm một chiều mà tu hành được như người lớn. Những lúc vắng người, ngài cũng bày trò nghịch ngợm. Lúc khoảng hơn mười tuổi, khi ở thành Vương





Xá, một đôi lần vào dịp có quan đại thần, trưởng giả hay cư sĩ đến hỏi thăm Đức Thế Tôn hiện ở đâu thì Tôn giả thường tìm cách nói gạt để trừu ghẹo mọi người².

Biết được hành vi của con mình nên Đức Phật đã quan tâm giáo dục vị Sa-di đặc biệt này theo cách riêng. Việc dạy dỗ đó được thể hiện qua ba bản kinh dẫn trên. Ở đây, chúng ta tóm tắt và phân tích sơ lược ba bản kinh này.

2 Về bản kinh *Giáo giới La-hầu-la* ở rừng Am-ba-la (Ambalatthikā Rāhulovādasuttam).

Bấy giờ Thế Tôn ở Rajagaha (thành Vương Xá), Veluvana (rừng Trúc), tại Kalandakanivapa (chỗ nuôi dưỡng những con sóc); trong khi Tôn giả La-hầu-la ở Ambalatthika (rừng Am-ba-la). Bản kinh cho biết Thế Tôn tự mình đến rừng Am-ba-la để gặp La-hầu-la.

Thấy Thế Tôn từ xa, La-hầu-la vội vàng cung đón rồi lấy nước dâng Ngài rửa chân. Rửa chân xong, Thế Tôn hỏi La-hầu-la phẩm chất của nước trong chậu sau khi Ngài đã rửa chân; tiếp theo, Thế Tôn hắt chậu nước dơ đi, chỉ để một ít nước trong chậu; rồi sau cùng lại lật úp chậu xuống. Qua đó, Thế Tôn dạy cho La-hầu-la biết về tầm quý cũng như về thân khẩu và ý nghiệp. Kinh nêu việc Thế Tôn dùng thí dụ con voi biết bảo vệ vòi khi lâm trận với ý nghĩa là con voi ấy còn biết giữ mạng sống; nếu một con voi sử dụng cả vòi khi lâm trận thì đó là con voi đã quyết thí mạng, nghĩa là không việc gì nó không dám làm; cũng vậy, một kẻ cố ý nói dối thì sẽ không chừa điều ác nào. Cũng trong kinh này, Thế Tôn dùng thí dụ tấm gương để dạy cho La-hầu-la biết tự phản tỉnh. Ở đây, Thế Tôn chú trọng đến việc hướng dẫn Tôn giả La-hầu-la phải biết hành động sao

cho đem đến lợi mình, lợi người và lợi cả hai; từ đó dần dần tịnh hóa ba nghiệp thân khẩu và ý.

3 Về Đại kinh *Giáo giới La-hầu-la* (Maha Rāhulovādasuttam).

Bấy giờ Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (rừng Kỳ-đà), tinh xá Anathapindika (Cấp Cô Độc). Buổi sáng Ngài đi khát thực, có La-hầu-la đi theo.

Biết La-hầu-la ở sau lưng, Thế Tôn bảo Tôn giả cần phải quán sát với chánh trí tuệ rằng tất cả mọi pháp đều không phải là của ta, là ta, là tự ngã của ta. Kinh cho biết Tôn giả La-hầu-la không tiếp tục vào làng khát thực mà lui về rồi lập tức ngồi xuống một gốc cây, kiết già, lưng thẳng, an trú niệm trước mặt. Tôn giả Xá-lợi-phất, vốn là vị được Đức Phật giao nhiệm vụ giám hộ La-hầu-la, thấy vậy, bèn bảo La-hầu-la hãy tu tập sự tu tập Nhập tức xuất tức niệm.

Buổi chiều, sau từ thiền định đứng dậy, Tôn giả La-hầu-la đến chỗ Đức Phật xin được dạy thêm về Nhập tức xuất tức niệm. Do đó, Thế Tôn dạy La-hầu-la phải quán sát với chánh trí tuệ về địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới và hư không giới, cả ở nội thân và ngoại thân, để thấy rằng tất cả không phải là của ta, là ta, là tự ngã của ta. Ngài phân tích hạnh của đất, của nước, của lửa, của gió và của hư không; tiếp đó Ngài khuyên La-hầu-la hãy tu tập theo hạnh của các giới ấy. Ngài hướng dẫn La-hầu-la tu tập tứ vô lượng tâm: tu tập lòng từ để diệt sân tâm, tu tập lòng bi để diệt hại tâm, tu tập lòng hỷ để diệt bất lạc tâm, tu tập lòng xả để diệt hận tâm... Ngài cũng dạy La-hầu-la quán bất tịnh để diệt tham ái, quán vô thường để diệt ngã mạn.

Sau cùng, Thế Tôn hướng dẫn La-hầu-la tu tập Tứ

niệm xứ qua Nhập tức xuất tức niệm liên quan đến thân, thọ, tâm, pháp và từ đó từng bước hướng đến ly tham, đoạn diệt, từ bỏ. Đức Phật xác nhận với La-hầu-la rằng với việc tu tập niệm hơi thở vào hơi thở ra như vậy, đến khi những hơi thở vô hơi thở ra tối hậu chấm dứt thì hành giả chứng được giác tri.

4 Về Tiểu kinh Giáo giới La-hầu-la (Cùla Rāhulovādasuttam).

Bối cảnh trong kinh này là lúc Thế Tôn ở Savatthi, Jetavana, tinh xá Anathapindika. Ngài khởi niệm thấy cần huấn luyện thêm để La-hầu-la có đủ năng lực đoạn tận các lậu hoặc, vì La-hầu-la đã thuần thực trong 15 pháp đem lại giải thoát [tức là năm căn *tín, tấn, niệm, định, tuệ* đều đã được thanh tịnh theo ba cách]. Do vậy, Ngài cho gọi La-hầu-la đến. Sau đó, vào buổi chiều, Ngài cùng La-hầu-la đi tới Andhavana. Kinh cho biết, khi thấy Thế Tôn dẫn La-hầu-la đến rừng Andha, hàng ngàn vị chư Thiên đi theo và nghĩ rằng La-hầu-la sẽ được Thế Tôn huấn luyện sâu sắc hơn nữa trong việc đoạn tận các lậu hoặc.

Tại rừng Andha, Thế Tôn tuần tự hỏi La-hầu-la về năm sắc, năm căn, năm trần, năm thức là thường hay vô thường; cái gì vô thường thì khổ hay vui; cái gì đã vô thường mang lại đau khổ thì có hợp lý để xem nó là của tôi, là tôi, hay tự ngã của tôi hay không. Trước các câu hỏi đó, La-hầu-la đều trả lời bằng sự phủ định. Thế Tôn kết luận: do thấy biết như vậy, vị đa văn thánh đệ tử yếm ly các căn trần thức, yếm ly xúc thọ tưởng hành. Do yếm ly, vị ấy ly dục; do ly dục, vị ấy giải thoát. Khi giải thoát, vị ấy biết tâm đã giải thoát; sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.

Kinh xác định rõ rằng, "Trong khi sự thuyết giảng này được nói lên, tâm của Tôn giả La-hầu-la được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Và đối với hàng ngàn chư Thiên [đi theo] ấy, được khởi lên pháp nhãn ly trần, vô cấu: Phạm cái gì được khởi lên, tất cả đều bị diệt tận".

Bản kinh này cho thấy Đức Phật rất quan tâm đến việc thành tựu thánh quả ở Tôn giả La-hầu-la, và Ngài cũng đã dành cho Tôn giả rất nhiều công sức trong việc huấn luyện Tôn giả thật thuần thực. Đáp lại, Tôn giả La-hầu-la cũng đã xứng đáng với sự tận tụy của Đức Phật; và theo Phật sử, La-hầu-la được coi là vị đầu tiên nhập Niết-bàn khi mới ngoài hai mươi tuổi.

5 Ngoài ba bản kinh vừa nêu, trong Kinh tạng thành tạng còn có một số bài kinh cũng thể hiện việc Đức Phật hướng dẫn Tôn giả La-hầu-la tu tập. Có lần đi khát thực với Phật mà vô tình thất niệm bị Đức Phật quở trách, La-hầu-la bỏ buổi khát thực đến ngồi bên vệ đường để thực tập quán niệm. La-hầu-la được coi là người đại diện cho hàng tu sĩ trẻ gia nhập giáo đoàn

thực hành nếp sống phạm hạnh. Lý tưởng thì thanh cao nhưng tuổi trẻ sẽ có những hành động nghịch ngợm. Đây là tâm lý chung của đại đa số tu sĩ trẻ. Thế nhưng, khi được Đức Phật giáo giới, La-hầu-la luôn ý thức một cách sâu sắc; với căn tánh thông minh, lanh lợi, Tôn giả luôn sửa chữa một cách chân thực và đạt được những thành tựu trên con đường tu học. Cuối cùng Tôn giả là một trong Thập đại đệ tử của Đức Phật với danh hiệu Mật hạnh Đệ nhất. Những lời giáo giới của Đức Phật cho La-hầu-la vẫn còn nguyên giá trị cho hành giả tu học mãi về sau. Đó là cương lĩnh tu tập, hành trang mang theo cho tất cả mọi hành giả bước đi trên lộ trình tìm cầu chân lý giác ngộ.

Tóm lại, các bản kinh liên quan đến việc giáo giới La-hầu-la được ghi lại trong Kinh tạng mang nội dung triết lý giáo dục sâu sắc. Có nhiều phương thức giáo dục trong các bản kinh này. Đó là, giáo dục phản tỉnh, giáo dục luận đàm, giáo dục đánh thức, và giáo dục giới định tuệ. Qua ba bản kinh này, hành giả sẽ tiếp nhận được những pháp hành căn bản, nhằm ứng dụng thực hành đưa đến đoạn tận phiền não, lậu hoặc, chứng đắc giải thoát. ■

Ghi chú:

1. Trong *Trường lão Tăng kệ*, có ghi lại các bài kệ của Tôn giả La-hầu-la sau khi ngài chứng quả A-la-hán, như sau:

294.

*Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
'Ra-hu-la may mắn'
Ta là con Đức Phật,
Ta lại được Pháp nhãn.*

295.

*Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,
Đáng được sự cúng dường.
Ba minh ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.*

296.

*Bị dục làm mù quáng,
Bị lưới tà bao trùm,
Khát ái làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do phóng dật trôi buộc,
Như cá mắc mắt lưới.*

297.

*Ta vượt qua dục ấy,
Cắt đứt ma trôi buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.*

2. Theo Đại sư Tinh Vân, *Thập đại đệ tử truyền*, Thích nữ Như Đức dịch, Nxb Tôn Giáo, 2006, tr.320.



Nguồn: giacngo.vn

Khóa tu mùa hè sự cần thiết cho thế hệ trẻ ngày nay

THÍCH KHÔNG TỬ

Xã hội Việt Nam đang bước vào giai đoạn hội nhập, phát triển và giao lưu trên mọi phương diện. Những biến đổi xã hội trong thời gian qua đã tác động rất nhiều đến tư tưởng, lối sống, đạo đức của toàn bộ xã hội nói chung, đặc biệt thế hệ trẻ nói riêng.

Thế hệ trẻ là nguồn nhân lực đầy tiềm năng cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, đó cũng là mô hình con người Việt Nam ở xã hội tương lai. Mô hình con người này có đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đất nước, đem lại rạng ngời, vẻ vang cho dân tộc, một phần phụ thuộc vào nền giáo dục của chúng ta hiện nay. Có thể nói giáo dục, định hướng nhân cách thế hệ trẻ toàn thiện cả về thể chất, năng lực, phẩm chất là mối quan tâm không chỉ của gia đình, nhà trường mà của toàn xã hội.

1. Một số yếu tố ảnh hưởng đến đạo đức, lối sống của thế hệ trẻ ngày nay

Tâm lý lứa tuổi

Thế hệ trẻ là những người đang phát triển mạnh mẽ về thể chất và tinh thần, có thể nói đây là thời kỳ sung mãn nhất của cuộc đời. Sự phát triển thể chất cùng với sự hoàn thiện về hoạt động trí não đã dẫn đến sự năng động, ưa hoạt động, thích xông pha, thích giao tiếp, không ngại khó và thích khám phá cái mới của thế hệ trẻ. Tuy nhiên, sự thiếu trải nghiệm cuộc sống cùng đức tính thiếu nhẫn nại của lứa tuổi đã vô tình đưa những đặc điểm trên trở thành yếu tố chủ quan, ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình tự giáo dục, rèn luyện để chiếm lĩnh những giá trị tích cực của xã hội, khiến họ dễ bị lôi kéo, kích động và tha hóa.

Giáo dục gia đình

Gia đình chính là nơi thế hệ trẻ được chăm lo cả về thể chất, trí tuệ, đạo đức, là chiếc nôi nuôi dưỡng và giáo dục hình thành nhân cách đầu tiên tiên của mỗi người. Tuy nhiên, dưới tác động của nếp sống xã hội hiện đại, giáo dục gia đình cũng bị biến đổi ít nhiều. Một bộ phận cha mẹ mãi mê chạy theo nền kinh tế thị trường nên việc chăm lo giáo dục con cái chưa được chú trọng và đầu tư đúng mức. Không ít cha mẹ lo nuôi con nhiều hơn đầu tư cho việc dạy chữ, dạy người. Cũng có các bậc cha mẹ rất coi trọng việc giáo dục con cái phát triển toàn diện, song do kiến thức và năng lực hạn chế nên hiệu quả của việc giáo dục còn thấp. Những điều này đã tác động không nhỏ đến sự hình thành đạo đức, lối sống của thế hệ trẻ ngày nay.

Kinh tế, xã hội

Kinh tế, xã hội là yếu tố tác động mạnh mẽ cả trực tiếp, lẫn gián tiếp đến đạo đức, lối sống của thế hệ trẻ. Nền kinh tế hàng hóa cùng với các quan hệ thị trường phát triển kéo theo các mối quan hệ giao tiếp trong xã hội bị chi phối bởi tư duy hàng hóa, quan niệm hàng hóa; khiến con người trở nên thực dụng, đua đòi, ham mê vật chất,... Xã hội hội nhập, thông thương quốc tế bên cạnh những tiến bộ, tích cực cũng kéo theo những ảnh hưởng tiêu cực. Đó là khi tiếp nhận các thông tin mới vào Việt Nam nếu không có sự phân tích, chọn lọc sẽ khiến thế hệ trẻ tiếp nhận các giá trị không phù hợp với bản thân, gia đình và xã hội. Ví dụ sự thâm nhập lối sống phương Tây, đề cao chủ nghĩa cá nhân, hạ thấp giá trị cộng đồng đã tác động mạnh vào đạo đức, lối sống, làm lệch lạc nhân cách của một bộ phận thế hệ trẻ hiện nay là một điển hình.

Văn hóa truyền thống dân tộc

Với lịch sử ngàn năm văn hiến, văn hóa truyền thống dân tộc là nơi lưu giữ, bảo tồn những giá trị tốt đẹp, tích cực và là nền tảng ứng xử của người Việt Nam. Ngày nay văn hóa truyền thống là yếu tố luôn được đề cao cần phát huy trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Tuy nhiên, đứng trước sự lựa chọn giữa những giá trị: cái mới và cái cũ, bề nổi và chiều sâu, sự tiện ích và mô phạm, tính hiện đại và truyền thống,... thế hệ trẻ cần phải được định hướng, tác động mới mong phát huy tối đa yếu tố truyền thống văn hóa đến sự hình thành đạo đức, lối sống thế hệ trẻ.

Có thể nói, trong xã hội hiện đại có rất nhiều yếu tố tác động đến đạo đức, lối sống, nhân cách thế hệ trẻ, nhưng những yếu tố được nêu ra ở trên có tầm ảnh hưởng lớn, rõ nét hơn hết.

2. Những hụt hẫng

của thế hệ trẻ trong xã hội hiện đại

Khi nói về hụt hẫng, tác giả muốn nhấn mạnh đến

sự hoang mang, thiếu vắng, thiếu hẳn một cái gì đó không như mong đợi. Cụ thể, ở đây đó là những hụt hẫng về sự định hướng giá trị vào tương lai và sự khác biệt giữa lý thuyết với thực tế cuộc sống xã hội; sự hụt hẫng về niềm tin vào bản thân, gia đình, xã hội và những giá trị tâm linh. Những hụt hẫng đó là có thật và đặt thế hệ trẻ trước sự đắn đo, bàng hoàng giữa những cặp nhị nguyên như: tâm linh hay vật chất, hiện đại hay truyền thống, lý tưởng hay thực dụng, vị tha hay vị kỷ, tình cảm hay trí óc...

Sức ép mạnh mẽ từ các yếu tố tâm sinh lý lứa tuổi, gia đình, kinh tế - xã hội, truyền thống văn hóa khiến thế hệ trẻ không biết phản ứng như thế nào cho thích hợp, để rồi họ bị căng thẳng, trầm cảm, thậm chí là tự kỷ. Họ rất cần ít nhất một điểm tựa chắc chắn, an toàn để có đầy đủ sức mạnh, nghị lực và niềm tin đối đầu với cuộc sống phía trước.

Phật giáo Việt Nam, hơn 2.000 năm du nhập và tồn tại trên đất nước Việt Nam, vào mỗi thời kỳ lịch sử có những vai trò, vị trí khác nhau, song Phật giáo vẫn luôn khẳng khái, keo sơn, đồng hành cùng dân tộc Việt Nam. Phật giáo cùng với các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc đã trở thành điểm tựa tâm linh vững chãi góp phần tạo nên đạo đức, lối sống của người Việt Nam qua bao thế hệ.

Vì thế, có thể nói với các giá trị tư tưởng, triết lý từ bi, hy xả, đề cao trí tuệ của Phật giáo đã trở thành món ăn tinh thần quý giá của dân tộc Việt Nam.

Nếu biết vận dụng cho thế hệ trẻ, sẽ là một trong những phương hướng thích hợp giúp họ không bị lạc đường, mà còn hướng đến Chân, Thiện, Mỹ; hình thành nhân cách toàn thiện về năng lực, phẩm chất; có đạo đức, lối sống lành mạnh; góp phần vào sự thích ứng nhanh với những biến đổi xã hội trong hiện tại và tương lai.

3. Khóa tu mùa hè,

liều thuốc tăng lực cho thế hệ trẻ ngày nay

Từ góc độ giáo dục, giáo dục Phật giáo không chỉ là việc dạy và việc học mà còn là quá trình chuyển hóa nội tâm, cải tạo cái xấu, thay thế, bồi dưỡng và phát huy cái tốt, trang bị cho mỗi cá nhân những nhận thức, chính kiến, niềm tin chân chính và những phẩm chất tâm linh cao thượng để mỗi người có thể làm hành trang tư lương cho đời sống an lạc, hạnh phúc cá nhân, gia đình, học đường và cộng đồng xã hội.

Xuất phát từ các cơ sở đó, các khóa tu mùa hè được ra đời tại chùa Hoàng Pháp (thành phố Hồ Chí Minh) và dần lan rộng khắp các tỉnh thành trong thời gian qua. Mục đích các khóa tu không chỉ tạo sân chơi bổ ích, lành mạnh cho thế hệ trẻ sau một năm học cam go, đầy thử thách để bước tiếp vào năm học mới; mà còn hướng đến góp phần đào tạo nên một con người toàn thiện, tự do, có đạo đức, trí tuệ, sống có lý tưởng, suy nghĩ hợp lý, thích ứng được với bối cảnh xã hội.



Nguồn: nguoiiphattu.com

Thông qua các khóa tu này các em sẽ tăng trưởng thiện tâm và khơi dậy ở con người năng lực tinh thức để tiếp xúc và chuyển hóa mọi tác động tiêu cực từ môi trường nội tâm bên trong và môi trường xã hội bên ngoài. Điều này có ý nghĩa thiết thực, đáp ứng mong muốn chính đáng của thế hệ trẻ ngày nay, giúp họ thật sự hài hòa giữa đời sống tinh thần và vật chất.

Nói cách khác, với thế hệ trẻ hiện nay, tác dụng của các khóa tu mùa hè có thể góp phần giúp họ trở nên những con người tự lập, có năng lực, phẩm chất, ý chí; có khả năng biết lựa chọn nghề nghiệp lương thiện để sinh tồn; có am hiểu giáo lý đạo Phật để tư duy, phát huy và thực hành trong đời sống hàng ngày; có tinh thần cầu tiến; biết sống hòa hợp, tương ái trong các mối quan hệ gia đình, bạn bè và xã hội.

Tóm lại, đó là một người toàn thiện cả ba phương diện từ bi, trí tuệ và dũng mãnh. Theo thuật ngữ Tâm lý học hiện đại đang dùng là người toàn diện nhân cách cả ba phương diện nhận thức, tình cảm và hành động.

Từ bi

Theo nghĩa đen là cứu khổ, ban vui. Người ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo phải sống hết lòng vì mọi người, không thân nhiên trước nỗi khổ của kẻ khác, sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân để đem lại niềm an vui chính đáng cho người khác. Không chỉ dùng lại ở nghĩa đen đó.

Từ bi theo tinh thần Phật giáo còn được đề cao ở việc giao tiếp người với người phải bằng tình thương không phân biệt. Tình thương này đặt trên mối quan hệ bình đẳng để đón nhận, cảm thông và chia sẻ. Coi đối tượng được giúp với sự trân trọng chứ không phải một người đứng ở vị trí cao ban bố xuống người bất hạnh bên dưới. Theo đó, từ bi của đạo Phật là liều thuốc kháng sinh chống lại bệnh chủ nghĩa cá nhân, mưu cầu cá nhân, nếp sống vị kỷ, bất chấp thủ đoạn,...

Đây là nguyên tắc sống cơ bản mà thế hệ trẻ cần được vun đắp và thực hành thường xuyên nhằm đem lại lợi ích cho bản thân và xã hội.

Trí tuệ

Từ bi không chưa trọn vẹn. Nếu có từ bi mà thiếu trí tuệ con người sẽ rơi vào nhận thức cảm tính, dễ sai lầm và mù quáng. Thế nên từ bi cần kết hợp với trí tuệ, để được soi đường, chỉ lối đúng đắn, hiệu quả. Thế hệ trẻ, lứa tuổi đang phát triển mạnh mẽ về trí óc, nên rất dễ dàng học hỏi, tiếp thu những vốn quý, kinh nghiệm xã hội.

Song, quan trọng là học gì và học như thế nào. Nếu học bừa, học cái xấu, cái không hay, khi đó gọi là thiếu trí tuệ. Đạo Phật hướng con người đến sự học hỏi chân lý, sự thật, đúng Chánh pháp. Đó là nỗ lực học tập, rèn luyện kỹ năng lắng nghe, tư duy, suy nghiệm lời dạy

của các bậc thầy tri thức, bậc thầy tâm linh, tri thức nhân loại.

Từ sự học hỏi kinh nghiệm nhân loại tích lũy thành vốn hiểu biết chính mình, biến nó thành lăng kính sâu sắc soi chiếu trước tác động ngoại cảnh và nhận ra đâu là chân lý, sự thật, tích cực. Giáo dục trí tuệ theo tư tưởng Phật giáo đã trở nên cấp bách trong xã hội hiện nay.

Dũng mãnh

Từ bi và trí tuệ là hai phương diện thuộc về phẩm chất bên trong (tinh cảm, nhận thức). Sự phát triển nhân cách con người luôn đòi hỏi tính hoàn thiện về tất cả mọi mặt; trong đó, việc phát triển về mặt tư duy nhận thức là một điều kiện hết sức quan trọng. Nó vừa là sản phẩm của hoạt động thực tiễn của con người, vừa là công cụ để con người định hướng hành vi của mình trong cuộc sống.

Dũng mãnh là phương diện bộc lộ từ bi, trí tuệ của con người, biểu hiện thành hành vi bên ngoài rõ ràng nhất. Cần nhận ra rằng dũng mãnh không phải là nóng vội, xúc nổi, chỉ biết tiến mà không biết lùi, lấn xả vào nguy hiểm. Dũng mãnh đúng nghĩa nhà Phật luôn gắn liền với tình thương và trí tuệ, tức là sự can đảm, tinh tấn, không yếu đuối sợ sệt, ương hèn, thối chí, vượt thắng những chướng ngại, khai quang con đường phải đi và vững vàng bước tới. Đó chính là quá trình đấu tranh nội tâm để bảo vệ cái thiện, cái lợi ích chung cho đến sự tự tại trước thất bại để vững chí bước tiếp hay sự quả quyết tiến thoái đúng lúc. Đó mới là tinh thần dũng mãnh mà thế hệ trẻ cần học hỏi ở giáo dục Phật giáo.

Chúng tôi rất đồng tình với quan điểm của các nhà nghiên cứu Phật học khi quý vị này cho rằng tinh thần Bi - Trí - Dũng như ba chân của một chiếc kiềng, tạo nền tảng vững chắc cho thế hệ trẻ tự tin trên mọi nẻo đường, trong mọi hoàn cảnh, hòa đồng vào xã hội mà không bị những tà nghiệp tham-sân-si, các dục vọng tham lam, chủ nghĩa cá nhân mê hoặc.

Có thể nói, đạo Phật có đầy đủ các món ăn tinh thần như một liều thuốc tăng lực có khả năng đáp ứng nhu cầu tinh thần thế hệ trẻ ngày nay. Việc kế thừa, cải tạo, tiếp biến những điểm tương đồng, hợp lý, tích cực trong Phật giáo và áp dụng những phẩm chất ấy một cách linh hoạt, mềm dẻo nhằm hoàn thiện nhân cách thế hệ trẻ là rất cần thiết. Song, để thế hệ trẻ tiếp cận, nắm bắt được những liều thuốc tăng lực này, nhất thiết phải có mô hình, chương trình và phương pháp giáo dục phù hợp, thiết thực. Có thể nhận định rằng các khóa tu mùa hè trong thời gian qua đã chứng minh được tính thiết thực và hiệu quả ấy.

Xu thế hội nhập, phát triển là tất yếu và hiện đại hóa xã hội là điều hiển nhiên nhằm thích ứng với tiến trình

toàn cầu hóa hiện nay. Các nhà giáo dục Phật giáo Việt Nam những năm gần đây đã xây dựng các khóa tu mùa hè với từng chủ đề, mô hình, chương trình, phương pháp nhằm giáo dục tư tưởng Bi, Trí, Dũng đến thế hệ trẻ như là điều cấp bách, thiết thực hiện nay. Tuy nhiên, các mô hình, chương trình này mới chỉ giới hạn trong con em theo đạo Phật, chưa được phổ biến toàn diện trên thế hệ trẻ ở lứa tuổi trung học. Và để được phổ biến rộng rãi đến các trường phổ thông là quá trình lâu dài, phức tạp, song xu hướng này rõ ràng là tất yếu, cần thiết để định hướng nhân cách toàn diện cho học sinh.

Tại các cơ sở Phật giáo, hiện nay đã hình thành một vài mô hình, chương trình khóa tu mùa hè thu hút đông đảo giới trẻ tham gia như: khóa tu mùa hè, khóa tu sinh viên - học sinh, khóa tu gieo hạt từ tâm, các câu lạc bộ thiện nguyện, câu lạc bộ giáo lý dành cho thanh thiếu niên, Gia đình Phật tử... Một vài trong số đó thật sự hấp dẫn thế hệ trẻ, tạo hiệu ứng tích cực và vì thế cần được hoàn thiện, nhân rộng và tổ chức hiệu quả hơn nữa. Chúng ta tin chắc rằng cùng với quá trình hiện đại hóa đất nước, Phật giáo cũng sẽ hiện đại hóa (tùy duyên bất biến) và các nhà giáo dục Phật giáo sẽ tạo ra nhiều sân chơi bổ ích, mô hình giáo dục hiệu quả dưới hình thức khóa tu mùa hè đặt trên nền tảng bi, trí, dũng; góp phần giúp thế hệ trẻ có thêm những món ăn tinh thần, liều thuốc tăng lực nhằm phát triển toàn diện nhân cách. Và trong một tương lai gần tinh thần giáo dục Phật giáo này sẽ được vận dụng vào các nhà trường phổ thông.

4. Kết luận

Thế hệ trẻ trong xã hội hiện đại đang mất cân đối và hụt hẫng giữa đời sống vật chất và tinh thần một phần cũng vì nhu cầu tâm linh chưa được chú trọng đúng mức. Thế nên khi xã hội càng phát triển thì sự khủng hoảng của thế hệ trẻ càng đáng báo động.

Chúng ta ai cũng mong muốn con em mình trở nên những công dân tốt, toàn thiện về đạo đức, năng lực, có lối sống lành mạnh. Chúng ta có thể dành cho con em, thế hệ trẻ rất nhiều thứ về vật chất. Thế nhưng chúng ta lại thiếu đi một điểm tựa cần thiết cho chúng (có thể ngay cả người lớn chúng ta cũng đang thiếu một điểm tựa). Đó là niềm tin vào cuộc sống được xây dựng trên cơ sở tình thương, trí tuệ và sự dũng mãnh.

Hãy hướng thế hệ trẻ đến với các khóa tu mùa hè để họ phát triển toàn diện nhất. Bởi giáo dục Phật giáo sẽ giúp họ có niềm tin chân chính vào sự hoàn thiện bản thân, con người và cuộc sống (Bi); có đầy đủ sự tinh thức, kỹ năng tiếp nhận những giá trị tích cực và loại bỏ những ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc sống (Trí); và cuối cùng là sự nhẫn nại, bình thản nhưng cũng đầy nghị lực, ý chí, tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng vượt khó để thành công (Dũng). ■

Làm bàn về khái niệm “khổ đau” trong Phật giáo

HOANG PHONG

Nhiều thuật ngữ trong Phật giáo mang tính cách thật căn bản, chẳng hạn như *Giác ngộ* hay sự *Quán thấy sáng suốt* (*Bodhi*), *Vô thường* (*Anitya*), sự *Tương liên* giữa mọi hiện tượng hay *Lý duyên khởi* (*Pratityasamutpada*)... Trong số này có một thuật ngữ quan trọng là *Khổ đau* (*Duhkha*) nhưng thuật ngữ này tương đối ít được tìm hiểu cặn kẽ, có lẽ khổ đau là những gì quá hiển nhiên ai cũng biết. Thật vậy, tất cả chúng sanh đều gặp khó khăn nhiều hay ít không có một ngoại lệ nào cả.

Tuy nhiên cũng cần khẳng định rằng, Phật giáo không phải là một tín ngưỡng yếm thế hay tiêu cực, trái lại luôn tin tưởng vào khả năng tích cực của con người và nhất thiết chủ trương mang lại cho con người sự kết hợp hài hòa giữa hiểu biết và tình thương, giữa suy tư và lòng tin tưởng. Sự sống tự nó không phải là một sự bất ổn, chính các thể dạng tâm thức của chúng ta làm phát sinh khổ đau hay an vui trong cuộc sống của chính mình. Như vậy thì chúng ta phải hiểu như thế nào về từ “*Khổ đau*” hay “*Duhkha*” trong giáo lý nhà Phật?

Nguồn gốc và từ nguyên của chữ “duhkha”

Duhkha là một từ tiếng Phạn gồm hai từ ghép lại gồm *duh* và *kha*. *Kha* có nghĩa là cái lỗ tròn ở giữa bánh xe dùng để đưa cái trục xe vào đó. *Duh* có nghĩa là “bất ổn”, “bất an”, “rối loạn” (mal-aise, ill-being, faintness, discomfort...). Chữ *dys* trong cổ ngữ Hy Lạp phát xuất từ tiếng Phạn *duh* và mang cùng ý nghĩa trên đây. Người ta thường thấy trong các ngôn ngữ Tây phương những từ như: *dys-fonctionnement*, *dys-function* (sự vận hành rối loạn), *dys-harmonie*, *dis-harmony* (sự lệch lạc, bất hài hòa)... Trong lãnh vực y khoa có một từ chuyên môn về bệnh lý gọi là “*rối loạn dys*” (*dyspraxie - dyspraxia*) thường thấy nơi trẻ em. Một số trẻ em gặp nhiều khó khăn và rối loạn trong việc học hành, thí dụ như đánh vần khó khăn, viết chữ lộn ngược, không làm tính được. Bậc cha mẹ hay thầy cô không hiểu đây là căn bệnh rối loạn của chúng nên la rầy, đánh đập chúng, và như thế càng đẩy chúng vào tình trạng rối loạn hơn, tạo ra mặc cảm, lo âu, sợ sệt mang lại những khổ đau vô cùng lớn lao cho chúng.

Chữ *duh* trong *duhkha* ám chỉ một cái lỗ bánh xe bị lệch, bị méo mó, không đều đặn. Khi lắp bánh xe vào trục thì bánh xe sẽ bị lệch, quay không đều, khập khiễng, toàn bộ chiếc xe khi chạy sẽ lắc lư và không đi

xa được. Đây là hình ảnh tượng trưng cho khổ đau và sự vận hành không suôn sẻ của nhân loại. Tất cả mọi sự vật và biến cố trong thế gian này không được “lắp ráp” một cách khít khao và ăn khớp với nhau đúng với những gì chúng ta hằng mong muốn, thế nhưng dục vọng lại muốn mọi sự phải suôn sẻ, trơn tru, trường tồn và bất biến. Chính vì thế mà sinh ra khổ đau.

Trong bài thuyết giảng đầu tiên tại Ba-la-nại, Đức Phật đã nêu ra *Bốn Sự Thật Cao Quý* (*Tứ Diệu Đế*) và trong *Sự Thật thứ nhất*, Đức Phật nêu lên *khái niệm về khổ đau và vô thường*, đây là những gì làm nền tảng cho giáo lý. Dựa trên nền tảng đó, Bốn Sự Thật liên kết chặt chẽ và mạch lạc với nhau giúp hình thành toàn bộ Đạo Pháp.

Bốn sự thật ấy như sau:

1. Sự sống là khổ đau, bởi vì tất cả đều vô thường.
2. Nguồn gốc của khổ đau phát sinh từ dục vọng.
3. Phương thuốc chữa chạy là đình chỉ mọi dục vọng.
4. Có một con đường mang lại sự chấm dứt đó, đây là *con đường gồm tám giới luật* (*Bát chánh đạo*).

Bốn Sự Thật Cao Quý được ghi chép bằng chữ viết khoảng hai trăm năm sau khi Đức Phật tịch diệt. Sau đó thì các lời giảng ấy liên tục được bình giảng và triển khai thêm, mang ra áp dụng dưới muôn ngàn hình thức khác nhau và làm thay đổi bộ mặt của Á châu suốt hơn hai mươi thế kỷ, và ngày nay dường như cũng đang làm thay đổi cả xã hội phương Tây. Ví thế, *duhkha* hay *khổ đau* mà Đức Phật nêu lên cách nay hơn hai ngàn năm trăm năm vẫn còn là một Sự Thật đối với nhân loại. Vậy *duhkha* hay *khổ đau* thật sự là gì?

Định nghĩa của “khổ đau” hay “duhkha”

“Khổ đau” hay “duhkha” là “những gì khổ nhọc và bất toại nguyện mà con người phải chịu đựng” trong sự sống, trái ngược lại với “những sự cảm nhận hài hòa và trọn vẹn”. Có tám cảnh huống mang lại sự bất toại nguyện:

- 1) sự sinh;
- 2) sự già nua;
- 3) sự bệnh tật;
- 4) cái chết;
- 5) phải kết hợp với những gì hay với những người mà mình không thích;
- 6) phải xa lìa những gì hay những người mà mình yêu quý;
- 7) không thực hiện được hạnh phúc mà mình ước mơ;
- 8) phải gánh chịu sự biến động của năm thứ cấu



hợp hay *ngũ uẩn*. Ngũ uẩn gồm có một cấu hợp vật chất tạo ra thân xác và bốn cấu hợp thuộc lãnh vực tâm thần, tất cả kết hợp với nhau tạo ra cá thể con người.

Tám thứ khổ đau trên đây được phân bố dưới ba thể dạng:

a) Khổ đau thể xác và tinh thần [các điều bất toại nguyện từ 1 đến 5].

b) Khổ đau vì bản chất vô thường của mọi hiện tượng và biến cố [các điều bất toại nguyện 6 và 7].

c) Khổ đau liên hệ đến sự hiện hữu trói buộc trong điều kiện [điều bất toại nguyện 8].

- Thể dạng thứ nhất của khổ đau gọi là *dukkha dukkha* (“*khổ đau của khổ đau*”) tượng trưng cho những thứ khổ đau đơn giản và thô thiển nhất, đấy là sự sinh, sự già nua, sự bệnh tật, cái chết và việc phải kết hợp với những gì mình không thích. Thể dạng khổ đau này gồm luôn cả những khổ đau phát sinh từ sự cố gắng muốn vượt thoát các thứ khổ đau trên đây.

- Thể dạng thứ hai của khổ đau gọi là *viparinama dukkhata* (“*khổ đau của sự đổi thay*”) có nghĩa là mọi hiện

tượng cấu hợp đều phù du, tức là vô thường; và chính sự vô thường đó mang lại khổ đau. Chúng ta lúc nào cũng muốn trẻ đẹp, luôn giữ được các khả năng tinh thần và thể xác, thế nhưng hiện tượng vô thường đã ăn sâu vào *ngũ uẩn* khiến ta không thể nào bảo tồn được mãi mãi những gì trên thân xác và trong tâm thức. Ta cố bám víu vào những gì yêu quý, nhưng vô thường cuốn trôi tất cả. Sự cảm nhận về hiện tượng phù du đó gọi là khổ đau.

- Thể dạng thứ ba của khổ đau, *samskaradukkhata* (“*khổ đau của sự hình thành*” còn gọi là “*khổ đau thường xuyên*”) phát sinh từ năm thể dạng cấu hợp của sự bám víu do điều kiện mà có, tức là *ngũ uẩn*. Đó là sự bất toại nguyện sâu kín về sự hiện hữu của ta trong thế giới ta-bà. Những khổ đau đó phát sinh từ cảm tính thiếu trọn vẹn và hoàn hảo về sự hiện hữu của mình và những sinh hoạt bất thành theo đúng sự mong muốn của mình, đấy là những gì phản ánh sự thiếu thỏa mãn sâu kín của bản năng. Trong bài thuyết giảng đầu tiên và trong Sự Thật Cao Quý thứ nhất, Đức Phật đã cho biết “*năm thứ cấu hợp của sự bám víu là khổ đau*”: bám víu vào thân xác, bám víu vào tư duy và xúc cảm hiển hiện lên trong tâm thức của mình.



Khổ đau là một bệnh lý

Những gì vừa trình bày trên đây chẳng qua cũng chỉ là diễn biến của bệnh trạng nơi con người. Y khoa tân tiến ngày nay khám phá ra một số các triệu chứng bệnh lý phát sinh từ thân xác và tâm thức, và sử dụng một số phương thức chữa chạy mang lại ít nhiều hiệu quả. Hơn hai ngàn năm trăm năm trước Đức Phật đã chẩn bệnh cho con người và mô tả những khổ đau mà con người thường xuyên phải gánh chịu trên thân xác và trong tâm thức.

Ngài phân tích cho chúng ta thấy nguyên nhân sâu kín của đủ mọi thứ bệnh tật đang đầy đọa con người và kê ra một toa thuốc hóa giải tận cội rễ của tất cả các thứ khổ đau ấy mà Ngài gọi chung là “*dukkha*”. Thế nhưng không mấy ai trong chúng ta biết đem cái toa thuốc ấy ra mà dùng.

Cái toa thuốc gồm có bốn thể dạng, từ chẩn bệnh cho đến các vị thuốc kê khai. Thật ra cách trị bệnh ấy cũng khá tương tự với nền y học cổ truyền Ấn Độ:

- 1) đấy là bệnh gì?
- 2) bệnh ấy sinh ra từ nguyên nhân nào?
- 3) làm thế nào để ngăn chặn được nguyên nhân ấy?
- 4) phải chữa chạy ra sao để làm cho nguyên nhân ấy chấm dứt?

Phật giáo gọi cách chẩn bệnh và toa thuốc ấy là *Tứ*

Diệu Đế và các vị thuốc mà Đức Phật kê khai cho chúng ta là *Bát Chánh Đạo*.

Đế Thứ Nhất là sự chẩn bệnh: chúng sinh đang bị tám thứ ốm đau hoành hành từ thể xác đến tâm thân: “*Này các Tỳ-kheo, đây là Sự Thật Cao Quý về khổ đau: sinh là khổ đau, già là khổ đau, bệnh tật là khổ đau, cái chết là khổ đau, bắt buộc phải kết hợp với những gì mình không thích là khổ đau, xa lìa những gì mình yêu quý là khổ đau, không đạt được những gì mình thêm muốn là khổ đau; tóm lại, năm thứ cấu hợp của sự bám víu là khổ đau*”.

[Theo bản dịch của W. Rahula trong quyển *L’Enseignement du Bouddha*, Seuil, 1961]

Đế Thứ Hai tìm hiểu nguyên nhân của bệnh lý: “*Này các Tỳ-kheo, đây là Sự Thật Cao Quý về nguồn gốc của khổ đau. Đấy là sự thèm khát được tái sinh, được tiếp tục hình thành, sự thèm khát đó liên hệ mật thiết với sự đam mê quá đáng trong sự tìm kiếm những lạc thú của giác cảm, hết nơi này đến nơi khác, trong sự hiện hữu và sự hình thành, và cả trong thể dạng không-hiện-hữu*”.

[cùng trích dẫn trên đây]

Đế Thứ Ba trình bày về phương thuốc giúp chấm dứt khổ đau. Đức Phật dùng các chữ “ngưng nghỉ” hay “đình chỉ” (*nirodha*) để chỉ thể dạng *phi-hiện-hiện* của mọi thứ



dục vọng trên đường tu tập, làm dịu xuống và lắng xuống những thể dạng phát sinh từ những điều kiện trời buộc. Đức Phật gọi kết quả mang lại là Niết-bàn (Nirvana), có nghĩa là sự “tắt nghỉ” hay đơn giản là “hết bệnh”: “*Này các Tỳ-kheo, đây là Sự Thật Cao Quý về sự chấm dứt khổ đau. Đây là sự đỉnh chỉ hoàn toàn của sự thèm khát, buông bỏ nó, từ bỏ nó, tự giải thoát ra khỏi nó, tách rời ra khỏi nó.*”

[cùng trích dẫn trên đây]

Đế Thứ Tư là phần kê khai các “vị thuốc” diệt trừ khổ đau. Các “vị thuốc” ấy gồm có tám thứ và phải đồng loạt đem ra áp dụng: “*Này các Tỳ-kheo, đây là Sự Thật Cao Quý của sự diệt trừ khổ đau. Đây là Con Đường Cao Quý gồm có tám nhánh, ấy là sự quán thấy đúng, tư duy đúng, ngôn từ đúng, hành động đúng, phương tiện sinh sống đúng, cố gắng đúng, chú tâm đúng, sự tinh tâm đúng.*”

[cùng trích dẫn trên đây]

Tám nhánh của Bát Chánh Đạo được phân làm ba nhóm:

Nhóm thứ nhất thuộc về đạo đức hay giới luật (sila) gồm có:

a) ngôn từ đúng: không nói dối, không gièm pha, không nói những lời hung bạo, không nguyên rủa, không ba hoa vô ích.

b) hành động đúng: không sát sinh, không trộm cắp, tôn trọng luân lý trong lãnh vực tính dục, giúp đỡ người khác biết sống một cách ngay thật.

c) phương tiện sinh sống đúng: không sinh sống bằng những nghề làm hại đến người khác và các chúng sinh khác chẳng hạn như buôn bán khí giới, lường gạt, làm nghề đồ tể, chăn nuôi súc vật để giết thịt, phá rừng...) nói chung là phải biết tôn trọng sự sống và kính trọng tất cả chúng sinh.

Nhóm thứ hai thuộc sự tinh tâm hay thiền định (samadhi), gồm có:

a) cố gắng đúng: ngăn chặn các thói quen tâm thần kém đạo đức phát sinh trở lại, không để cho các thứ dục vọng độc hại mới phát sinh và điều khiển mình, cố gắng tạo ra các thể dạng tâm thức lành mạnh và tốt đẹp, phát huy thêm những thể dạng tâm thức tốt sẵn có.

b) chú tâm đúng: ý thức và chú tâm vào thân xác, giác cảm, sự sinh hoạt tâm thần, tư duy và các khái niệm.

c) tập trung tâm thức đúng: đây là lãnh vực thiền định, chẳng hạn như sự tập trung tâm thức bằng hơi thở.

Nhóm thứ ba là sự hiểu biết tối thượng hay bát-nhã (prajna) gồm có:

a) tư duy đúng: tức là *từ bỏ* hay là *quên chính mình*, không ích kỷ, yêu thương tất cả chúng sinh và bất bạo động.

b) sự hiểu biết đúng: thấu triệt được Tứ Diệu Đế.

Lời kết

Trong phần trên đây có đề cập đến một thứ bệnh lý gọi là “*bệnh rối loạn dys*” của trẻ em làm cho chúng không học hành được. Bậc cha mẹ, thầy cô thường không hề giúp đỡ chúng mà còn la rầy và đánh đập khiến chúng thêm khổ sở và mặc cảm. Bậc cha mẹ và thầy cô phải nhìn thấy nguyên nhân mang lại những rối loạn đó của chúng để thương yêu và giúp đỡ chúng. Về phần chúng ta, không có ai la rầy hay đánh đập vì những sai lầm và những thể dạng bệnh hoạn như nóng giận, ăn nói và hành động điên rồ chi phối chúng ta, họa chẳng đôi khi pháp luật cũng trừng phạt khi hậu quả do những thể dạng ấy mang lại trở nên quá nặng nề. Vì thế chúng ta cũng nên ý thức và tìm hiểu những nguyên nhân sâu xa nào mang lại khổ đau cho chính mình để loại bỏ chúng. Đức Phật kê sẵn cho chúng ta toa thuốc và cách điều trị, hãy đem ra mà dùng.

Khi có một người cầm gậy đánh ta, ta không oán trách cây gậy làm cho ta đau đớn, cũng không oán trách người cầm gậy đánh ta bởi vì người ấy cũng chỉ là nạn nhân của những bản loạn đang điều khiển họ. Điều mà chúng ta oán trách là nguyên nhân mang lại những xúc cảm hung bạo chi phối người cầm gậy. Vì thế, bản phận của chúng ta là mang cái toa thuốc mà chúng ta đang sử dụng để cố gắng khuyên những người đang gánh chịu khổ đau, đang bị sự rối loạn chi phối, nên theo đó mà điều trị. ■

“ Minh... ”

ĐỖ HỒNG NGỌC



Tôi có việc phải đến liên hệ ở một công ty. Cô tiếp tân trẻ, chừng ngoài hai mươi, khá xinh, ân cần cúi chào. Tôi nói tôi có hẹn với cô T. sáng nay. Cô tiếp viên liền nhắc điện thoại lên để gọi cho cô T. và đột ngột quay qua hỏi tôi: “*Minh tên gì ạ?*”

Tôi chưng hửng. Trời! Lâu lắm rồi chưa được ai gọi mình là... mình cả! Bây giờ bỗng dưng được gọi là “Minh”. Sướng ghê nơi! Mà cô tiếp tân nhỏ hơn mình nửa thế kỷ. Sực nhớ Nguyễn Công Trứ đã từng sượng sùng: “*Ngũ thập niên tiền...*”

Nghĩ lại cũng may. Nếu lúc đó mà mình lơ đễnh ngó đi đâu đó, dám cô kêu: “*Minh ơi, mình tên gì ạ?*” thì càng nguy! Nguy, bởi vì chữ “minh” tiếng Việt mình phức tạp lắm!

Bùi Giáng:

*“Minh ơi tôi gọi là nhà
Nhà ơi tôi gọi mình là nhà tôi...”*

Lại nhớ xưa Cô Diệu Huyền có mục “*Minh ơi...!*” trên Bán nguyệt san *Phổ Thông*. Cái ông Nguyễn Vỹ giỏi thiệt. Người ta có thể quên nhiều thứ trên *Phổ Thông* của ông chớ khó mà quên “*Minh ơi...!*” của Cô Diệu Huyền do chính ông sắm vai!

Trên TV (truyền hình) ở Việt Nam ngày nay cách gọi “minh” để chỉ đối tượng (khách mời) khá là phổ biến. Cô MC hỏi khách mời: Nhà mình có mấy người con ạ? Nhà mình có ai mắc bệnh này không ạ? Nhà mình ở có xa đây không? Hóa ra “nhà mình” không phải là nhà mình mà là nhà người ta! Thậm chí vào quán café,

lúc tính tiền, cô thu ngân nói “*Của mình bốn chục ngàn ạ!*”

Vậy “Minh” không phải là mình mà là người đối diện, là đối tượng, ngôi thứ hai trong xưng hô. Bấy giờ ngôi thứ hai đã trở thành ngôi thứ nhất.

Thú vị quá!

*Minh với ta tuy hai mà một
Ta với mình tuy một mà hai.*

Hình như cách xưng hô này để bày tỏ tình thân ái?

Có điều một cô gái trẻ đẹp, nhỏ hơn mình nửa thế kỷ mà hỏi “*Minh tên gì ạ?*” thì ngẩn ngơ cũng phải!

Tiếng Việt phong phú lắm. Vợ chồng thường gọi nhau là “minh”. Minh lấy giùm anh cái cặp... Minh đưa cho em cây dù. Nhưng khi có ai hỏi: Chị nhà có khỏe không? Thì trả lời “Nhà tôi” cũng khỏe. Anh nhà có khỏe không? Nhà tôi cũng ổn. “Nhà tôi” là vợ hay chồng mình.

Cho nên Bùi Giáng mới viết:

*Minh ơi tôi gọi là nhà
Nhà ơi tôi gọi mình là nhà tôi...!*

Như vậy, ngày nay “Minh” đã thay cho chú bác ông bà anh chị cô dì ... ! Từ lúc nào vậy nhỉ? Từ lúc nào mà người người sống với nhau thân thiết thương yêu đậm đà đến vậy?

Xưng hô trong tiếng Việt không phải là “chuyện nhỏ”. Cho nên ca dao thời đại có câu:

*“Xin đừng gọi chú bằng anh
Để cho chú phải hy sinh cuộc đời!”*

Tự điển Tiếng Việt (Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1988): Minh: 1) Từ dùng để tự xưng hoặc để chỉ bản thân cùng với người đối thoại một cách thân mật, có tính chất bạn bè. “*Cậu giúp mình một tay*”. 2. Từ vợ chồng hoặc người yêu gọi nhau một cách âu yếm: “*Minh mong em lắm phải không?*” (tr.658).

Tự điển cũng ghi thêm “*Minh là từ dùng để gọi nhau một cách thân mật giữa bạn bè trẻ tuổi*”. Thí dụ: “*Minh đi trước, tớ còn bận!*”. Vậy điều kiện ở đây phải là giữa bạn bè thân mật, và trẻ tuổi, chớ không dùng để xưng hô giữa hai người xa lạ hay giữa một người trẻ với một người già. Ngay cả trường hợp trên, nếu nói: “*Bạn đi trước, tớ còn bận*” hoặc “*Bạn đi trước, mình còn bận*” có lẽ hay hơn chăng?

Không biết các nhà ngôn ngữ học bảo sao nhỉ? ■



Nhà văn lớn *không có bằng*

CAO HUY HÓA

Trong khi phần đông học sinh hưởng mùa hè vui chơi và nghỉ dưỡng, thì các học sinh năm cuối trung học phổ thông phải qua một kỳ thi đánh dấu mốc phát triển của đời người: Thi tốt nghiệp trung học phổ thông cũng là thi tuyển vào đại học và cao đẳng. Trong thời gian này, bên Pháp cũng có kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông tương tự, gọi là kỳ thi *Baccalauréat* (gọi tắt là BAC). Chỉ có khác ở chỗ: nếu học sinh đậu bằng này thì đương nhiên có quyền vào trường đại học (trừ một số trường đào tạo chuyên nghiệp tổ chức thi tuyển riêng), trong khi ở nước ta, học sinh phải đủ điểm xét tuyển vào trường đại học hay cao đẳng mới được vào trường đó.

Kỳ thi BAC đã có lịch sử lâu đời, từ lâu đã là quá khó khăn để đậu, nhưng vào thời hiện đại, tính hàn lâm của kiến thức thi đã bớt đi, tính ứng dụng thực tế đã nhiều hơn, mặt khác kỳ thi được phân ban theo năng lực của học sinh nên kết quả trúng tuyển đã cao hơn trước nhiều (như năm 2017, tỷ lệ trúng tuyển là 87,9%).

Trở về trên 40 năm về trước, ở miền Nam nước ta, bằng tú tài cũng gay go lắm, rất nhiều sĩ tử không qua nổi cửa ải đó, tương tự như bên Pháp với bằng BAC. Hai bằng có nhiều nét giống nhau, vì vậy có thể dịch BAC là bằng tú tài Pháp.

Nhân kỳ thi BAC vừa xong lần 1, và trong không khí phấn khởi của sĩ tử sắp bước chân vào đại học (ngược lại với cảnh buồn thiu của học sinh chờ kỳ thi lần 2), tờ báo Pháp *Le Figaro* cắc cớ lật lại lịch sử để... giới thiệu - cũng là vinh danh - tên tuổi những nhà văn Pháp nổi tiếng không có bằng BAC.

Xin giới thiệu vài nét cay đắng và vinh quang của các nhân vật lớn đó.

Jean Giono thôi học lúc 16 tuổi

Tác giả của "*L'Homme qui plantait des arbres*" (Người trồng cây) không bao giờ có bằng tú tài. Một năm trước khi thi bằng tú tài, Jean Giono buộc phải dừng việc học. Lý do? Cha ông bị bệnh và không thể lo liệu chi tiêu cho gia đình.



Chàng trai đó bị buộc phải thôi học trường trung học để làm lụng giúp đỡ gia đình. Anh kiếm được một chân trong một ngân hàng trung ương ở Paris. Chẳng bao giờ anh trở lại việc học.

Ngày nay, 6 trường trung học cùng nhiều trường mẫu giáo và tiểu học mang tên ông ở Pháp.

Jean Cocteau hồng thi tú tài hai lần

Nhà thơ nổi tiếng này không phải là một học sinh xuất sắc, vào thời trai trẻ. Từ rất sớm, ông đã biểu lộ không thích học, và đã lủi ra ngoài lớp hàng ngày. Ông thích đọc sách và kịch nghệ, và ông theo sở thích này những khi rảnh rỗi. Là học sinh của trường trung học phổ thông Condorcet, ông có năng khiếu về hội họa, thể dục và tiếng Đức. Nhưng tất cả thầy cô dạy ông đều đồng ý rằng ông là một học trò lơ đãng và hiếu động.

Cuối cùng ông bị đuổi khỏi trường trung học phổ thông Condorcet do vắng học quá nhiều. Ông bắt đầu năm học tiếp theo tại một trường trung học phổ thông khác. Cuối cùng ông thi trượt hai lần bằng tú tài và từ đó ông đã dừng việc học.

Ngày nay, một trường trung học phổ thông lớn gần thành phố Marseille mang tên ông; cũng như thế với nhiều trường mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở, trên khắp nước Pháp.

Jean Genet, một kẻ lêu lổng trở thành nhà thơ

"Tôi sắp sửa nói vắn tắt về lịch sử cá nhân tôi. Tôi bắt đầu ở tù khi viết năm cuốn sách. Tuổi thơ tôi luôn luôn náo nùng" nhà soạn kịch danh tiếng Jean Genet đã viết như thế. Cha ông, một người trầm lặng và bị mẹ ông bỏ rất sớm, cho nên Jean Genet đã không trải qua tuổi thơ dễ dàng. Ông phạm tội sớm, khi 10 tuổi, do trộm cắp.

Sau nhiều chuyện không may, ông được Nhà nước trợ giúp để học trường Alemnbert, một trung tâm dạy nghề. Ông theo khóa đào tạo về nghề in. Sau nhiều lần trốn học, ông quyết định tình nguyện hai năm đi lính lê dương. Trở về lại Paris, ông lại bị bắt vì trộm cắp. Chính được ở tù mà ông đã viết được những sáng tác đầu tiên.

Régine Deforges,

bị đuổi khỏi trường vì một cuốn sổ tay bị đánh cắp

Tác giả sách *"La bicyclette bleue"* (Chiếc xe đạp màu xanh) lớn lên tại Poitou, ở đó bà được nuôi dạy trong những cơ sở tôn giáo khác nhau. Năm 16 tuổi, khi bà theo học tại trường trung học Saint-Martial, một trường bà xơ (l'école des sœurs), chẳng may một cuốn sổ tay của bà bị mất và những bí mật sâu kín bị phơi bày ra ánh sáng. Chuyện tình sử của bà với một cô gái khác, một nữ sinh của một trường công bị lộ.

Trong những quán cà-phê của thành phố, bọn trẻ thích thú đọc cho mọi người về cuộc đời riêng tư của cô gái. Bà bị trêu chọc, bị xúc phạm, bị những thanh thiếu niên và cha mẹ họ đánh trên đường. Bà bị đuổi khỏi trường bà xơ, và từ đó bà lao vào xã hội kiếm sống. Sau khi hành nghề bán sách, bà nhảy vào lãnh vực xuất bản và xuất bản những sách do bà sáng tác đầu tiên. Bà trở thành người phụ nữ Pháp đầu tiên làm giám đốc nhà xuất bản, đó là nhà xuất bản *"Lor du temps"* (Vàng của thời gian) năm 1968.

André Malraux bỏ ngang việc học năm 17 tuổi

Từ rất sớm, André Malraux đã rất đam mê văn học và văn hóa. Trong khi ông đang theo học tại trường trung học phổ thông, ông đã là khách quen của những người bán sách cũ, quen với những vở kịch nghệ và những buổi hòa nhạc ở Paris.

Để chuẩn bị thi tú tài, ông đã cố gắng xin vào trường trung học phổ thông danh tiếng Condorcet năm 1918, nhưng bị từ chối. Bực mình, ông bỏ học và không bao giờ thi tú tài. Nhưng chuyện đó không thể ngăn cản được ông, vài năm sau, ông được giải thưởng Goncourt và trở thành một trong những nhà văn lớn nhất của thế kỷ 20, và là Bộ trưởng Bộ Văn hóa Pháp.

Ngày nay, 11 trường trung học phổ thông và rất nhiều trường mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở trên nước Pháp mang tên ông.

Sacha Guitry ở lại lớp Sáu... mười lần

Nhà soạn kịch nổi tiếng, khi cho ra đời vở kịch "*Discours de cent lignes*" (bài diễn văn 100 hàng), đã công bố những mẫu chuyện tiểu lâm về chuyện học nhân kỷ niệm 100 năm thành lập trường trung học Janson-de-Sailly. Sacha Guitry đã bị đuổi khỏi 11 trường trung học khác nhau. Vào thời kỳ đó, nếu muốn chuyển trường, phải ở lại lớp. Cậu học trò này đã ở lại lớp Sáu đến 10 lần.

Nhưng những lần bị đuổi không phải là vì học lực kém, mà đúng hơn là do phá phách. Đáng kể là cậu nổi lửa trong trường. Năm 18 tuổi, vẫn còn lớp Sáu, ông quyết định không đi học nữa. Về sau, trong những sáng tác, ông thường so sánh trường trung học với nhà tù: "*Cần phải phạt những kiến trúc sư đã tạo nên những nỗi khiếp sợ như thế*".

Émile Zola: thất bại trước, vinh quang sau

Cậu bé Émile Zola đã sớm mong ước được trở thành nhà văn. Vào lớp Sáu, ông đã bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên. Mặc dầu tham vọng đẹp đẽ như thế, ở trường cậu bé Zola không đạt được thành tích học tập mong đợi. Vào năm thi tú tài, ông bị thiếu hai tháng học do người cha mất. Ông đã đạt phần thi viết nhưng hỏng thi vấn đáp.

Ông quyết định thi lại tú tài năm tiếp theo, nhưng là tú tài khoa học. Lại hỏng, lần này hỏng thi viết. Ông lại suy sụp tinh thần vì mẹ mất, nên thôi học để làm việc. Ông được nhận trợ cấp vì khó khăn kinh tế của gia đình. Vài năm sau, ông trở thành nhà văn lớn.

Ngày nay, 7 trường trung học phổ thông, cũng như nhiều trường trung học cơ sở, tiểu học và mẫu giáo mang tên ông trên đất Pháp.

Guillaume Apollinaire, một học sinh xuất sắc... hỏng thi tú tài

Guillaume Apollinaire, tác giả bài thơ rất nổi tiếng "*Le Pont Mirabeau*" (Cây cầu Mirabeau), đã sống thời trai trẻ tại Monaco. Được nuôi dưỡng bởi bà mẹ vốn quen thuộc với sông bạc, ông theo học trường Saint Charles, và được ở nội trú. Ông học ở đó từ năm 1887 đến năm 1895, và là một trong những học sinh xuất sắc.

Tiếp theo, ông học trường trung học phổ thông tại Cannes, và trường Masséna tại Nice. Đến trường cuối

cùng, ông hỏng thi tú tài, và sau đó ông chẳng màng đi thi nữa. Ông về Paris một vài năm sau và bắt đầu viết những bài thơ đầu tiên. Và những thành công đến sau nhiều năm.

Ngày nay, hai trường phổ thông trung học tại Pháp mang tên ông, tại Nice và Créteil, và cũng như thế với nhiều trường mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở.

oOo

Người viết bài này, dĩ nhiên, hoàn toàn không có ý phê phán chuyện thi cử, cũng như giá trị của bằng cấp và chuyện học tài thi phận! Chắc ở nước nào cũng vậy, luôn luôn có những cá nhân không may mắn để được theo học suôn sẻ hoặc vì lý do nào đó mà hỏng thi hoặc không thi được, và rất ít trong số đó, chính hoàn cảnh bất thường và tính khí thất thường có khi lại nảy nở một tài năng xuất chúng. Tài năng chớm nở không chỉ xuất hiện ở trường chuyên lớp chọn, mà có thể ở trường lớp bình thường, thậm chí có thể môi trường là nhà tù. Suy cho cùng, khó mà cắt nghĩa được con đường vinh quang tiếp nối cay đắng của danh nhân, và e cũng phải thừa nhận do nghiệp quả, nhân duyên trùng trùng không biết từ kiếp nào.

Tuy nhiên, tài năng hé lộ, chớm nở và phát huy nếu con người được sống trong một nền văn hóa phát triển, nền giáo dục nhân bản và khai phóng. Nước Pháp làm sao có được những nhà văn lớn, có tiếng trên cả thế giới như André Malraux, Émile Zola, Guillaume Apollinaire... dẫu không có mảnh bằng, nếu không có văn hóa Pháp, văn minh Pháp, giáo dục Pháp?

Trở về với nước ta... Một dịp trùng hợp bất ngờ. Trong khi tôi đang thích thú bài báo trên *Le Figaro*, thì tờ báo *Tuổi Trẻ* ngày 17-7-2018 đến với tôi, đem lại tin vui:

"*Nguyễn Ngọc Tư* đoạt giải Literaturpreis 2018. Vượt qua tám ứng viên là các nhà văn nữ nổi tiếng từ châu Á, châu Phi, Mỹ Latin và thế giới Ả Rập, nhà văn Nguyễn Ngọc Tư của Việt Nam đã chiến thắng giải thưởng Literaturpreis 2018 của Đức với tập truyện ngắn *Cánh đồng bất tận* (ấn bản tiếng Đức là *Endlose Felder*, Gunter Giesenfeld và Marianne Ngo dịch)".

Nhà văn nữ Nguyễn Ngọc Tư, sinh trưởng ở Cà Mau, học hành lận đận vì phải kiếm sống và giúp đỡ gia đình từ nhỏ, viết văn từ rất sớm, nổi tiếng từ rất sớm và đã đoạt giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 2006 với tác phẩm *Cánh đồng bất tận*.

Vậy thì tôi còn chần chờ gì nữa để vinh danh một nhà văn Việt Nam? ■

Tài liệu sử dụng:

- Wally Bordas, *Ces grands écrivains qui n'ont jamais obtenu leur bac*, Le Figaro.fr, 6/7/2018.

- Trần Ngọc Sinh, *Nguyễn Ngọc Tư đoạt giải Literaturpreis 2018*, Báo Tuổi Trẻ 17/7/2018.



Lìa thoát sự đắm nhiễm

PHẠM LÃNG YÊN

Một chiều cuối năm heo may về lạnh úa, dưới mái hiên một ngôi chùa nhỏ nằm cheo leo nơi đỉnh đồi gió hú; đôi ba người ngồi quanh chiếc bàn cũ kỹ bên những chén trà nghi ngút khói đang thỉnh vấn một vị thầy đã ngoài 80 có khuôn mặt thật hiền từ và luôn nở những nụ cười thật phiêu diêu, thoát tục.

Một người đàn ông râu tóc bạc phơ cất giọng ngậm ngùi, thờ than về nhân tình thế thái: “Thầy ạ, con người ở thời đại vật dục này luôn bị bao quanh bởi những hoàn cảnh, điều kiện, môi trường, chất liệu đầy ắp những độc tố như sắc dục, bạc tiền, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ - và hình như tất cả những thứ ấy đều mang lại cảm giác hạnh phúc nhất thời, mang lại sự thích thú, thỏa mãn, vui vẻ dù là trong thoáng chốc cho tâm thức và thân xác của họ. Sao những thứ ấy lại có sức hấp dẫn ghê gớm vậy, thầy nhỉ?”

Vị thầy khẽ nở một nụ cười bao dung, thấu hiểu; rồi từ tốn trả lời: “Sự thỏa mãn, thích thú đó phát sinh là do sự tương thích giữa những độc tố trong tâm thức và những độc tố nơi cảnh ngộ bên ngoài, ông ạ. Chính vì lẽ đó một khi đã tiếp xúc, đã được hưởng thụ là ngay lập tức con người trở nên đắm nhiễm những đối tượng ấy và khó mà lìa xa được nữa. Sự đắm nhiễm ấy một khi đã sinh khởi, sẽ tăng dần theo thời gian và ngày càng kiên cố, vững chắc, lớn mạnh như một thân cây ngày càng tăng trưởng vững vàng; và một khi đã thành cổ thụ mọc rễ chằng chịt trong tâm thức thì ôi thôi, con người sẽ khó mà lìa thoát, khó mà đốn bỏ thân cây kia. Đất đai mà thân cây kia mọc lên rồi phát triển dữ dội chính là mảnh đất tâm thức của chúng ta; khi còn bé nhỏ, non nớt thì việc bứng gốc, vứt bỏ sẽ dễ hơn nhiều so với thời điểm nó đã trở thành cổ thụ. Lúc đó việc nhổ bỏ thân cây nó sẽ khiến mảnh đất kia bị xói tung, tan nát như tâm thức đốn đau, quần quai của con người ta khi phải rời xa, từ bỏ những đắm nhiễm đã quá sâu dày ấy, ông ạ”.

Vị thầy vừa dứt lời, thì một người đàn ông trung niên bất chợt lên tiếng: “Thầy ạ, vậy có phải ý nghĩa sự có mặt, bốn phận của chúng ta nơi cuộc đời này là làm thế nào vượt thoát khỏi những đắm nhiễm sâu dày ấy không?”

Vị thầy trầm ngâm một hồi lâu rồi lại khẽ nở một nụ cười nhẹ nhàng, lãng đãng và đáp rằng: “Đắm nhiễm là dính mắc, là phụ thuộc, là nô lệ, là tâm thức vĩnh viễn không còn sự tự do; và khi không còn tự do thì khổ đau là tất yếu. Tất cả mọi khổ ải, phiền muộn, trắc trở, sầu bi, oan trái... trên cõi đời ô trược này chẳng nằm ở tha nhân; chẳng phải do người đời xấu xa, tồi tệ; chẳng phải do tình đời đen bạc, đổi thay; mà mọi vấn đề đều là từ chính mình mà phát sinh ra vậy; và mọi chuyện trong cuộc sống này tựu trung đều quay về trong cuộc chiến miên viễn, khốc liệt, tàn bạo, dữ dội với chính bản thân mình. “Chiến thắng vạn quân không bằng tự chiến thắng chính mình”[*]. Lời Đức Phật dạy như một chân lý ấy đã nói lên toàn bộ ý nghĩa cuộc sinh tồn này. Chiến thắng chính mình là chiến thắng những đắm nhiễm, buông lung, chấp nhận, thỏa hiệp sống chung với những độc tố của tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn và đố kỵ đầy khắp trong mỗi con người chúng ta đó thôi, ông ạ”.

Vài phút im lặng trôi qua, rồi một giọng nói ngập ngừng của một cậu thanh niên nọ bất chợt cất lên nghe buồn xa vắng như có nỗi niềm u ẩn nào đó chưa thể tỏ tường: “Theo con thì khi mình say đắm, si mê một đối tượng nào đó, hình như cuộc sống của mình có ý nghĩa hơn, nồng nhiệt hơn, cháy bỏng hơn và ngập tràn niềm vui thầy ạ. Con thấy như thế có đúng không thầy?”

Vị thầy quay nhìn chàng thanh niên với ánh mắt đầy thương cảm, bao dung; sau đó nhìn lên bầu trời bát ngát xa xăm một hồi lâu, rồi thầy khẽ nói:

“Những đối tượng mà con người đắm nhiễm trong thế giới nhị nguyên này luôn tồn tại trong nó hai mặt, hai tính chất; một mặt nó mang lại sự thỏa mãn, hài lòng,

khóai lạc, thích thú nhất thời cho kẻ phàm phu mê đắm, để dần dà đưa những người ấy vào vòng cương tỏa trói buộc của nó; một khi đã đắm nhiễm sâu nặng thì khuôn mặt thứ hai, hay tính chất thứ hai sẽ xuất hiện - tính chất này, khuôn mặt này luôn tương phản, đối nghịch với tính chất, với khuôn mặt lúc trước; và rồi nó sẽ gieo đau thương, bão tố, phiền muộn, sẽ hành hạ kẻ đắm nhiễm đến tàn tạ thân tâm. Bản chất của những đối tượng đó là như vậy; nó tiêu biểu cho đặc tính bất biến của yêu ma là chiêu dụ, khêu gợi, mời gọi và sau đó là buộc ràng, là phá hủy, là làm bại hoại, hư hỏng, mê muội, là hạ gục kẻ nào muốn kháng cự, muốn thoát ra khỏi sự mê hoặc của nó.

Con chỉ mới tiếp cận một mặt của vấn đề con ạ và chưa nhìn thấy, chưa tiếp cận, chưa trải nghiệm cái tính chất thứ hai, cái mặt bên kia của vấn đề; nên bây giờ con chưa thể cảm nhận những gì ta nói; có lẽ một thời gian nữa sau khi có sự trải nghiệm, con sẽ có cái nhìn khác chăng?!

Người đàn ông râu tóc bạc phơ lại cất giọng trầm buồn, u oán: "Thầy ạ, làm thế nào chúng ta có thể lìa thoát được sự đắm nhiễm kia?". Về thầy khẽ cười và không trả lời trực tiếp câu hỏi ấy; mà quay lại hỏi người đàn ông nọ rằng: "Khi ông nhìn thấy hình ảnh một con vật thích thú, say sưa tìm chút thức ăn trong một đồng phân tanh hôi, nhậy nhụa; ông thấy thế nào?".

Người đàn ông ngậm ngừng đôi chút rồi đáp: "Nhìn thật ghê sợ, gớm ghiếc, thầy ạ".

Và thầy lại hỏi tiếp: "Khi ông nhìn thấy một kẻ nghiện ma túy, lúc lên cơn ghiền cầm ống kim tiêm v à o da thịt, ông thấy thế nào?". Người đàn ông đáp ngay rằng: "Hình ảnh đó thật đáng sợ và lòng mình cảm thấy xót thương, tội nghiệp kẻ ấy vô cùng."

Rồi thầy lại hỏi thêm: "Khi ông thấy một đứa bé òa khóc nức nở vì mất món đồ chơi mà nó yêu thích, ông thấy thế nào?".

Người đàn ông bật cười và đáp rằng: "Thấy buồn cười chuyện con trẻ vớ vẩn và tội nghiệp nó, thầy ạ".

Vị thầy bèn đáp: "Khi ông thấy ghê sợ, gớm ghiếc, buồn cười và trong ông khởi lên niềm xót thương vô hạn nghĩa là ông đã nhìn ra thực tướng của đối tượng, vấn đề kia; hoặc nhìn ra hậu quả nguy biến, tai hại của việc làm ấy rồi đó; và đối tượng, hành vi ấy không còn hấp dẫn ông nữa vì không còn sự tương thích giữa ngoại cảnh đó và nội tâm của ông nữa rồi. Bây giờ tâm thức ông đã ở một cảnh giới khác; nên khi nhìn xuống những đối tượng, sự việc nọ, ông chỉ thấy sự bẩn thỉu, gớm nhơm, ngô nghê, trẻ con, hay tai hại, nguy biến mà thôi. Tương tự như thế, một kẻ đã lìa thoát sự đắm nhiễm thì khi quay nhìn lại hình ảnh những con người chìm đắm, say mê

trong sắc dục, danh vọng, tiền tài nơi những hình hài bất tịnh, nơi những cảnh đời uế trược kia, hẳn cũng sẽ thấy thật ghê sợ, tội nghiệp vô cùng. Sự kinh sợ đó là do họ đã quán chiếu sâu xa và nhìn thấu bản chất ô uế, nhảm nhí của đối tượng, của vấn đề; cùng hệ quả bị thâm của sự đắm nhiễm. Để có được cái nhìn thấu suốt ấy, tâm thức họ phải đạt tới một cảnh giới cao hơn; và để có thể đưa tâm thức mình vào những cảnh giới cao hơn, con người ta phải tu dưỡng miệt mài để trí tuệ ngày càng cao viễn hơn; khi đó họ mới có thể lìa xa, vứt bỏ, đoạn tuyệt với những gì trong tâm thức có tính tương thích với cảnh giới thấp kém kia; và một khi đã tịnh hóa được những độc tố trong con người chính mình, thì sẽ không còn sự tương thích trong-ngoài và khiến những đắm nhiễm kia không thể nào sinh khởi được; để giải được một bài toán cao cấp chúng ta phải học đến bậc đại học; tương tự như vậy, chỉ với trí tuệ cao viễn, thâm sâu, chúng ta mới lìa thoát được căn bệnh đắm nhiễm nan giải kia".

Người đàn ông trung niên khi này, sau khi nghe vị sư già nói xong, bỗng thở dài ngao ngán; rồi lầm bầm: "Khó quá, khó quá, thầy ạ. Biết làm sao cho khỏi đắm nhiễm bây giờ khi mà mọi thứ trên cuộc đời này đều là những cạm bẫy kéo ta xuống, đưa ta vào vòng trói buộc chập chùng, mệnh mang!".

Như cảm được nỗi lòng ai oán kia, vị thầy mỉm cười nhẹ nhàng và khẽ đáp: "Xin ông đừng bi lụy, chán nản thế. Không có những cạm bẫy ấy thì không còn là cõi nhân gian này và không ai cần phải tu hành nữa. Vấn đề không phải là không bao giờ rơi vào vòng cương tỏa đó mà là nhận ra được những lầm lẫn, si mê của chính mình và vĩnh viễn từ bỏ, lìa xa nó, ông ạ. Thanh tịnh thân tâm là việc làm dài lâu, triền miên của cả một cuộc đời nhằm chuyển hóa, thăng hoa những độc tố nọ thành năng lượng sáng tạo, thiện lành; rồi dần dà chúng ta sẽ lìa xa sự đắm nhiễm. Tóm lại, "lìa thoát sự đắm nhiễm" cuối cùng vẫn là cuộc chiến sinh tử miệt mài suốt đời, khổ liệt, đơn độc với bao độc tố nơi chính bản thân mình mà thôi".

Tan buổi thỉnh vấn, từ biệt vị thầy và mọi người, tôi đi về gian phòng trọ nằm phía cuối ngọn đồi bên kia; trên đường về hoang vắng đó có băng qua một đầm lầy nở đầy hoa sen; nhìn những cánh hoa sen thành thoi, tỏa hương sắc thanh thoát và nhẹ nhàng vươn lên từ đám đất sinh lầy bùn nhơ, chợt nghe lòng mình lãng đãng; băng quơ, thăm thì tôi tự nhủ: "Bùn và sen là bất khả phân ly; nếu không có đắm nhiễm làm sao có lìa thoát trên đời!". ■





Nghĩ về án tử hình

NGUYỄN GIÁC

Người con Phật nghĩ gì về án tử hình? Đứng về phương diện cá nhân, rất minh bạch rằng không Phật tử nào ủng hộ án tử hình. Đứng về phương diện quốc gia, thực tế là rất nhiều quốc gia - trong đó có nhiều nơi Phật giáo gần như là quốc giáo, chẳng hạn, Thái Lan, Miến Điện, Sri Lanka... - vẫn duy trì và thực hiện án tử hình.

Tại Thái Lan, án tử hình dùng để trừng phạt cho 35 tội hình sự, trong đó có tội sát nhân và buôn ma túy. Miến Điện cũng thế. Điểm hay là ở chỗ, hai quốc gia này tuyên án tử hình, nhưng rất ít khi thi hành án tử.

Các quốc gia có đông dân số Phật tử - như Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan... - vẫn áp dụng án tử hình, và thường xuyên thi hành án tử.

Về phía kinh điển, lời dạy rất minh bạch. *Kinh Pháp cú*, bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu viết:

129.

*Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người sợ tử vong.
Lấy mình làm ví dụ
Không giết, không bảo giết.*

130.

*Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người thương sống còn;
Lấy mình làm ví dụ,
Không giết, không bảo giết.*

Trong kinh *Trung bộ* 21 - kinh Ví dụ cái cửa - Đức Phật nói cụ thể rằng cho dù có bị một bọn cướp cửa tay, rồi cửa chân thì mình cũng đừng bao giờ khởi tâm căm giận, phải luôn luôn mở tâm từ bi hướng về những tên cướp đó. Bản dịch của Hòa Thượng Thích Minh Châu trích như sau:

"... Chư Tỷ-kheo, như những kẻ đạo tặc hạ liệt, dùng cửa hai lưỡi mà cửa tay, cửa chân; dầu vậy, nếu một ai ở đây khởi ý nhiễm loạn, người ấy do vậy không phải là người thực hành giáo pháp của Ta. Ở đây, chư Tỷ-kheo các Ông phải học tập như sau: 'Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm; chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ; chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống bao phủ người này với tâm câu hữu với từ. Và với người này là đối tượng, ta sống biến mẫn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.' Chư Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như vậy."

Khó, rất khó vậy. Đó là phương diện tu học. Về phương diện trị nước, là khác. Vì khi quốc biến, người Phật tử phải ra trận, bắt đắ dĩ phải phạm nghiệp sát, đó là lúc cần khởi bỏ-để tâm để không lạc tâm vào bất kỳ những niệm dữ nào.

Nhưng, câu hỏi là, án tử hình có hiệu lực trị an, có thể giúp xóa các tội về ma túy, sát nhân, cướp bóc hay không? Đây là cuộc tranh cãi lớn của nhiều thập niên vừa qua. Tất cả các quốc gia đang duy trì án tử hình đều xem đó là giải pháp ngăn cản tội ác hữu hiệu nhất.

Mạng *Wikipedia* ghi nhận rằng Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đã thông qua, trong các năm 2007, 2008, 2010, 2012 và năm 2014, các nghị quyết không ràng buộc kêu gọi đình chỉ tử hình toàn cầu, nhằm cuối cùng bãi bỏ. Tại các quốc gia thành viên Liên Âu, theo Hiệp ước Lisbon, Điều 2 của Hiến chương các Quyền Căn bản của Liên minh châu Âu cấm hình phạt tử hình. Ngoài ra, Hội đồng châu Âu, gồm có 47 quốc gia thành viên, cấm các quốc gia thành viên áp dụng luật tử hình. Ngược lại, nhiều quốc gia như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Singapore... vẫn sẽ duy trì án tử hình với mục đích tạo hình phạt đủ sức răn đe với các loại tội phạm nghiêm trọng, nhằm đảm bảo an ninh chung cho xã hội. Hơn 65% dân số thế giới sống tại các quốc gia nơi có án tử hình, và bốn quốc gia đông dân nhất thế giới (Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Ấn Độ, Hoa Kỳ và Indonesia) vẫn đang áp dụng hình phạt tử hình và dường như sẽ không xoá bỏ nó trong một tương lai gần.

Tính đến cuối năm 2015, trên thế giới có 65 quốc gia vẫn còn luật tử hình, 103 quốc gia đã hoàn toàn bãi bỏ luật này, 6 nước bãi bỏ cho những tội thông thường (chỉ tuyên tử hình với những tội đặc biệt như tội ác chiến tranh), và 30 bãi bỏ trên thực tế.

Có nhiều quốc gia giữ kín các thống kê về án tử hình.

Trong một thống kê về năm 2017, cho thấy Trung Quốc là nơi ra nhiều án tử hình nhất, và thực thi nhiều án này nhất thế giới. Rồi tới các quốc gia Hồi giáo.

Nếu nói rằng quốc gia đông dân, tất có nhiều án tử hình, điều này chỉ đúng với Trung Quốc, Pakistan... Riêng Ấn Độ (dân số: 1,32 tỷ dân trong năm 2016) rất ít dùng án tử hình; kể từ năm 1995 tới giờ, Ấn Độ chỉ thực thi 5 án tử hình.

Bhutan và Nepal là các quốc gia từ bi, đã chính thức hủy án tử hình từ lâu.

Khi nhìn về khối ASEAN, chỉ duy nhất Cam-bốt là quốc gia duy nhất chính thức xoá bỏ án tử hình trong bộ Hình luật. Nước Lào chưa chính thức xoá bỏ án tử, nhưng dường như không thi hành án tử nào.

Trong khi đó, Trung Quốc kêu án tử hình hơn 1.000 trường hợp và cũng thực thi hơn 1.000 án tử trong năm 2017.

Nếu tính các án tử hình thực thi trong năm 2017, nhóm 10 quốc gia thi hành án tử nhiều nhất là (dấu + là 'nhiều hơn'):

1. Trung Quốc (1,000s, hiểu là hơn cả ngàn trường hợp thi hành án tử);
2. Iran (507+);
3. Saudi Arabia (146+);
4. Iraq (125+);
5. Pakistan (60+);
6. Egypt (35+);
7. Somalia (24);
8. Hoa Kỳ (23).

Nếu chỉ tính bản án tử hình nhiều nhất do tòa đưa ra, không đếm việc thi hành án, trong năm 2017, sẽ thấy nhiều nhất là nhóm 6 quốc gia này:

1. Trung Quốc (1.000+);
2. Nigeria (641);
3. Egypt (402+);
4. Bangladesh (273+);
5. Sri Lanka (218);
6. Pakistan (200+).

Điều ngạc nhiên nhìn thấy, nơi Phật giáo gần như quốc giáo là Sri Lanka, nơi dân số chỉ khoảng 22,1 triệu người, lại kêu án tử hình nhiều thứ 5 thế giới, nhiều hơn cả Pakistan, nơi có 193,2 triệu dân. Nhưng con số án tử hình cho công dân Sri Lanka thực ra rất phức tạp.

Theo một phân tích, trung bình mỗi năm có ít nhất 150 công dân Sri Lanka, hầu hết là phụ nữ, bị xử tử hình. Họ là các phụ nữ được xuất khẩu lao động sang Trung Đông (đa số là các nước Hồi giáo) làm tớ gái, bị các tòa kết án vì nhiều lý do, và rồi nằm trong quan tài hồi hương.

Thêm nữa, quốc gia Sri Lanka, sau khi cuộc nội chiến kết thúc năm 2009, trở thành một trung tâm ma túy thế giới. Điều này giải thích cho thấy vì sao Sri Lanka, nơi có nhiều thánh địa Phật giáo, cũng có nhiều án tử hình. Có răn đe được hay không cũng là chuyện để tranh cãi.

Điểm để suy nghĩ: nhiều án tử hình được minh oan. Nghĩa là, đã có nhiều người chết oan.

Như tại Hoa Kỳ, một thống kê cho thấy kể từ năm 1973 tới giờ, đã có 153 tử tội được minh oan để xoá án; may mắn, còn có hệ thống tư pháp xét đi, xét lại kỹ như thế. Một phần nữa, vì án tử hình tại Hoa Kỳ để nhiều năm sau mới thi hành án, và các luật sư biết cách kéo dài thủ tục kháng án để đi tìm thêm chứng cứ mới, nhằm cho thấy hoặc lời khai nhân chứng khó tin, hoặc chứng cứ ngoại phạm khả tín, hoặc cảnh sát làm sai thủ tục tố tụng...

Riêng trường hợp Việt Nam, một hồ sơ rất xúc động đang được chú ý: anh Đặng Văn Hiến bị kêu án tử hình và gia đình đang gửi đơn xin cứu xét, xin giảm án...

Báo *Người Lao Động* ngày 17-7-2018 viết:

"Vừa đọc xong bản tin trên báo Người Lao Động về việc Chủ tịch nước chỉ đạo kiểm tra việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án của chồng, bà Mai Thị Khuyên (vợ tử tù Đặng Văn Hiến) bật khóc và nói lời cảm ơn Chủ tịch nước.

Bà Khuyên cho biết mấy ngày qua bà đã tới nhiều cơ quan Trung ương gửi đơn xin cứu xét, giảm án tử hình cho chồng..."

Chủ tịch nước Trần Đại Quang sẽ ân xá anh Đặng Văn Hiến hay không, trong khi nhiều ngàn trí thức và các nhà vận động nhân quyền đã kêu gọi ân xá cho anh? Chúng ta không đoán được diễn tiến tương lai. Cũng không thể đoán được quyết định của vị Chủ tịch nước.

Bài viết này chỉ xin góp thêm một lời để xin tha mạng anh Đặng Văn Hiến, vì anh chỉ là nạn nhân trong một guồng máy xã hội vận hành bất toàn như thế. ■



Chuyện đến trường

NGUYỄN VĂN ƯƠNG

Thế hệ tôi - những người bây giờ đang tuổi nghỉ hưu - thời còn cắp sách đến trường, không ai là không được học bài giảng văn “Tôi đi học” của nhà văn Thanh Tịnh. Bài văn kể lại hoài niệm về ngày đầu tiên theo mẹ đến ngôi trường làng. Tác giả nhớ thái độ vụng về khi cầm mấy quyển vở trên tay; nhớ cả hình ảnh ngôi trường làng “rộng và cao”; nhớ “sân trường đầy đặc cả người” nhưng cậu chỉ khép nép bên mẹ, “nhìn bầu trời cao rộng, muốn bay nhưng còn ngập ngừng e sợ”. Bài văn nhiều hoài niệm được kể lại với giọng văn nhẹ nhàng; âm điệu, tiết tấu như thơ đã thấm sâu vào biết bao tâm hồn trẻ thơ như một hành trang mang theo đi vào tuổi học trò.

Tôi hôm nay cũng có hoài niệm đó khi thấy các con tôi chuẩn bị cho đứa cháu vào lớp Một. Dĩ nhiên nay không còn “con đường làng”; không còn “năm tay dẫn đi”; cháu tôi không còn “cầm mấy quyển vở trên tay”. Khác xa lắm rồi! Tôi lại bàng quơ suy nghĩ.

Cháu tôi đã vào các lớp mầm non ước chừng hơn ba năm, chắc chắn cháu không thể nào có cảm giác đây là ngày đầu tiên đến trường. Các cô giáo ở trường mầm non đã chuẩn bị cho cháu đầy đủ hành trang để làm một học sinh lớp Một. Chuyện ngỡ ngàng về “ngôi trường cao rộng” chắc là không đến với cháu rồi! Sách vở, dụng cụ học tập, đồng phục thì trường tiểu học đã hợp phụ huynh học sinh “tiền khai giảng” thông báo để gia đình chuẩn bị đủ cho cháu. Đội hình, nghi thức lễ khai giảng thì cháu cũng đã được trường luyện cho từ nhiều buổi thao dượt tập trung. Hôm nay cháu đến trường là chỉ để trình diễn mở màn ra mắt với quan khách. Tôi thấy bố mẹ cháu lo lắng. Thái độ đó lây cả sang cháu tôi. Cháu theo bố mẹ như cái máy đã lên dây cót điều khiển. Nghĩ cũng thương cháu tôi!

Cháu tôi ra lớp mầm non trong địa bàn cư trú, được trường mầm non chuyển lên trường tiểu học trong khu vực nên tránh được cửa ải xin vào trường vượt tuyến. Tình trạng này nếu ông Thanh Tịnh có sống đến ngày hôm nay chắc cũng không nghĩ ra được cách đưa vào bài văn của ông thế nào đây? Từ đầu hè, cha mẹ chực chờ nhiều ngày (có khi cả nhiều đêm) để “mua” một “bộ đơn” nhập học với cái giá không thể tính được “siêu lợi nhuận”. Tiếp đến là gõ cửa ông này, bà nọ để được nhận đơn. Rồi đến khâu xét đơn... Và sợ nhất là việc thanh tra phòng giáo dục kiểm tra, bị trả đơn vì trái tuyến. Cá chép chín lần vượt

vũ môn chắc cũng khó đến vậy là cùng! Mà thời cá chép vượt vũ môn chắc chỉ thi bằng sức. Nay sức là “chân phụ”, tiền mới là “chân chính”. Lại có những “trường sao” tổ chức thi tuyển học sinh lớp Một nữa chứ! Chương trình và sách giáo khoa của bộ quy định rành rành là học sinh vào lớp Một phải học từ các chữ cái tiếng Việt, mười con số tính toán đầu tiên. Thế mà các “nhà đại trí thức giáo dục học lớp Một” cho các cháu thi ứng xử, tính toán, đọc viết tiếng Việt và cả tiếng Anh mới lạ chứ! Đó là cách buộc bậc cha mẹ phải gởi con mình vào các lò luyện thi. Luyện thi ít mà tính toán giá cả chung chi thì nhiều. Ôi còn đâu những đứa trẻ “nhìn bầu trời cao rộng muốn bay nhưng còn ngập ngừng e sợ”? Cái e sợ dành cho cha mẹ chúng chỉ là lo không đủ tiền chung chi mà thôi.

Về vấn đề giáo dục, các nhà “đại chính sách” thường chỉ đề cập đến những vấn đề to tát của các cấp tú tài, cử nhân, tiến sĩ... Thế mới xứng tầm “chiến lược giáo dục”! Xin các ngài, một sáng nào đó đi ngang các “trường sao” đang nhận đơn vào lớp Một, dừng xe “mục sở thị” ít phút cho biết thế nào là thực trạng giáo dục do các ngài lãnh đạo. Những lệch lạc quan điểm là đầu mối của những tệ nạn, kể cả phía nhà trường lẫn phía phụ huynh học sinh. Thời buổi này không ai phủ nhận giá trị của tri thức trong cuộc sống. Nhà nước tập trung nỗ lực phát triển tri thức dân chúng. Cha mẹ đầu tư cho con cái học tập để nâng cao tri thức làm hành trang vào đời. “Đầu tư vào giáo dục là đầu tư cho phát triển” không còn là một khẩu hiệu khô cứng trong các nghị quyết mà đã thành một phương châm hành động thống nhất từ các cấp chính quyền đến cả quần chúng nhân dân. Có được sự đồng tình như thế là một dấu hiệu tích cực. Chỉ còn việc phải làm là tính toán sao để tránh cái tích cực quá đà trở thành tiêu cực gây hại, khó sửa chữa.

Về phía các nhà quản lý giáo dục, không biết các lớp chọn, trường chuyên... có chế độ giáo dục nào khác các trường lớp đại trà hay không, mà các vị nhiệt liệt cổ xúy để nảy sinh cái ý thức trường tốt, trường xấu trong nhân dân. Những trường bậc hai, không nằm trong топ một này, cũng được các vị ưu ái nâng lên thành trường điểm, trường chất lượng cao... để thu hút các “học sinh quý tộc”. Vào học các trường này nhiều khi học sinh phải đói sức vì không bơi kíp, nhưng các bậc cha mẹ có điều để nghênh nghênh với bạn bè là con họ “thuộc loại đẳng cấp”. Một điều dễ nhận thấy là các “quý tử” học



trong các trường này đều như những con gà chọi, chỉ biết mài nhọn cựa, cứng mỏ để đi đá thôi. Các vị chống học lệch mà ai dám chắc các trường này không dạy lệch? Tiền của, chất xám đội ngũ đổ vào đây; học sinh “có đẳng cấp” được cha mẹ quan tâm đầu tư chọn lọc vào đây... thì thành tích học tập cao hơn các trường khác là chuyện đương nhiên. Nhưng từ kết quả đó, các vị lại tăng bốc lên mây xanh tạo sức hấp dẫn nhằm thu hút cả thầy giỏi và trò tốt vào đây. Hệ quả là các trường này quá tải, nảy sinh tiêu cực trong khi các trường còn lại chỉ là hạng “điều đóm”. Cơ sở có, giáo viên có, học sinh không đủ, không sử dụng hết công suất: Lãng phí!

Về phía các bậc cha mẹ, các vị cứ nghĩ là con mình toàn là thần đồng, thiên tài. Mấy vị triệt để thực hiện phương châm “dành cái gì tốt đẹp nhất cho con chúng ta” để rồi các cháu hằng ngày phải ngốn không biết cơ man nào là thứ các vị nhồi nhét vào đầu, vào bụng. Chương trình mầm non cái gì cũng chỉ dừng ở mức “khám phá”, “làm quen”. Tuổi mầm non là vui chơi, ca hát. Thế mà các vị chọn các cô giáo nào, trường nào dạy cho con các vị đủ cả các môn đọc viết, tính toán, ngoại ngữ... để con thành những thiên tài, thần đồng. Học trường trong địa bàn gần gũi, dễ chăm sóc, đưa đón... không chịu; con phải vào học “trường điểm”, “trường sao” mới sang và tốt cho con. Tốn mấy cũng được, miễn là con được nhận vào để rồi khi đi họp phụ huynh học sinh về cứ than thở mãi về những khoản tốn kém... Gì khổ vậy?

Nếu không tạo tâm lý thời thượng về trường chuyên, trường điểm, trường chất lượng cao hút hết các học sinh có tư chất và điều kiện vào đây; ngược lại, các cấp quản lý giáo dục đầu tư đồng đều, ưu tiên vùng khó khăn, tạo tâm lý khuyến khích con em học trường trong địa bàn; phụ huynh dành những tốn kém, chăm sóc đó cho các cô giáo, cho nhà trường địa phương thì trường nào cũng có học sinh giỏi, trường nào cũng có thể là trường tốt.

Nói quanh quẩn cũng từ chuyện đi học của các cháu. Trước đây, tôi cũng là người của ngành giáo dục. Đến các

trường, nghe mấy cháu hát: “*Hôm qua em đến trường. Mẹ dắt tay từng bước. (...) Trường của em bé bé. Nằm ở giữa rừng cây. Cô giáo em trẻ trẻ. Dạy em hát rất hay...*” tôi lại thầm hát theo trong tâm: “*Trường làng tôi, cây xanh lá vây quanh, muôn chim hót vang lên êm đềm. Lên trường tôi, con dê bé xinh xinh, len qua đám cây xanh nhẹ lướt...*”. Đem các bài hát này dạy cho các cháu học sinh bây giờ, chắc có người nghĩ đó là các ngôi trường chỉ có trong cổ tích. Mới gần đây thôi chứ xa xôi gì mà những ngôi trường tranh tre nứa lá hầu hết đã trở thành dĩ vãng. Đó là điều đáng mừng, ghi nhận công lao của toàn xã hội quan tâm cho sự nghiệp trồng người. Lớp con cháu mà chúng ta vun trồng, chăm bón hôm nay chắc chắn sẽ không còn hình ảnh về ngôi trường có lớp Một như ông Thanh Tịnh ôm ấp trong hồn. Nhưng lớp trẻ chủ nhân đất nước tương lai này đi vào thời đại công nghiệp hóa có mang hình ảnh ngôi trường sắt thép xi-măng bê tông và những buổi học o ép, căng thẳng vào những hoài niệm dễ thương của một thời hoa bướm như một hành trang làm dịu những thúc bách cuộc sống dồn nén hằng ngày hay không? Cái đó còn chờ!

Độ tuổi mẫu giáo, tiểu học là giai đoạn phát triển hết sức quan trọng trong quá trình hình thành nhân cách một con người. Về mặt tâm lý, trong giai đoạn này, trẻ khám phá thế giới; và mặt mạnh của tiến trình khám phá này là qua nhận thức cảm tính. Điều này thì bất cứ một người nào làm công tác giáo dục cũng đã được học qua. Những giá trị chân thiện mỹ trẻ tiếp thu được là nền móng bền vững để hình thành một con người hữu ích, hướng thiện. Vậy thì các nhà thiết kế chương trình, các giáo sư soạn sách giáo khoa, các cấp quản lý giáo dục, các thầy cô giảng dạy các cháu... nhìn nhận thực trạng giáo dục tiểu học hiện nay thế nào đây? Giáo dục trong độ tuổi này có cần sự nêu gương? Tấm gương xã hội và nhà trường hôm nay sẽ khắc vào tâm lý các cháu những gì để mai sau khẳng định được kết quả sự nghiệp trồng người ở những vị chủ nhân này? Có ai nghĩ đến điều đó không? ■



Nguồn: thcsvoninh.edu.vn

Ngài Lê Sĩ với Thừa Thiên-Huế

TRẦN NGUYỄN KHÁNH PHONG

Ở thị trấn Thuận An - huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên-Huế - có đường phố mang tên Lê Sĩ; đoạn đường này nằm gần kề với Trấn Hải thành. Di tích Trấn Hải thành và nhân vật Lê Sĩ có mối quan hệ lịch sử với nhau. Hiện nay nhiều người vẫn thường xuyên đi về trên con đường đó, mặc dù vậy, có lẽ rất ít người hiểu rõ thân thế của ngài Lê Sĩ, một người con Quảng Bình, nhưng sự nghiệp vẻ vang của ngài lại gắn liền với công nghiệp yêu nước, phò vua, chống giặc Pháp xâm lược trên đất Thừa Thiên Huế.

Ngài Lê Sĩ sinh ngày 17-4-1816 (ngày 20 tháng 3 năm Bính Tý), tại thôn Tiên, làng Võ Xá, huyện Phong Lộc, nay là thôn Tiên, xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Xuất thân trong một gia đình có truyền thống võ tướng, với tư chất thông minh, có sinh lực dồi dào, học giỏi nên ngay từ sớm ông đã được thân sinh là cụ Lê Tính - một vị quan võ có danh tiếng dưới triều vua Minh Mạng và Thiệu Trị - rèn luyện võ rồi được đưa vào học tại trường Anh Danh giáo dưỡng (trường Võ Bang) tại kinh đô Huế.

Sau khi học xong ở trường Anh Danh giáo dưỡng, ngài theo danh tướng Nguyễn Tri Phương chiến đấu ở phía Nam và lập được nhiều chiến công. Năm 1837, ngài được bổ nhiệm làm Suất đội Hồ uy Hữu vệ đội, khi đó ngài mới 21 tuổi.

Đầu năm 1843, quân Pháp tấn công Đà Nẵng, ngài theo lệnh vua Thiệu Trị vào Quảng Nam - Đà Nẵng giữ chức Tả cơ Hiệp quản, lo việc phòng bị quân Pháp xâm lược. Tại đây, ngài đã cùng các tướng lĩnh triều đình xây dựng tuyến phòng thủ vững chắc, quân Pháp nhiều lần tiến công đánh phá nhưng thất bại.

Năm 1848, vua Tự Đức thăng cho ngài chức Tả bảo Phó Vệ úy và bổ nhiệm làm Lãnh binh tỉnh Ninh Bình (1848 - 1859), lúc này ngài vỗ yên về mặt chính trị, dẹp nội loạn, thực hiện các chính sách khoan dân, khuyến nông, đắp đê chống lũ lụt... người dân Ninh Bình nhờ đó mà có được cuộc sống yên ổn, ai ai cũng mến mộ ngài. Năm 1859, ngài được vua Tự Đức phái vào lại Quảng Nam - Đà Nẵng cùng với danh tướng Nguyễn Tri Phương một lần nữa đánh lui quân Pháp tại chiến trường Đà Nẵng. Bị thua ở Đà Nẵng, thực dân Pháp

đưa quân vào Gia Định làm cho tình hình ở Gia Định và Nam Kỳ càng trở nên căng thẳng. Nhiều tướng quân của triều đình Huế như Tôn Thất Cáp, Trương Văn Uyển bị quân Pháp tập kích nên bị thương, trong khi đó Lê Sĩ cùng với Nguyễn Văn Hiến lo phòng thủ phía Bắc đại đồn Kỳ Hòa, Gia Định, rồi lo việc chuyển quân lương nhằm đáp ứng với nhu cầu của hoạt động chống Pháp.

Tại Gia Định năm 1861, ngoài việc lo về mặt quân sự, Lê Sĩ còn quan tâm đến đời sống của người dân và binh lính nên được nhiều người mến mộ. Khi tình hình quân cơ ở thành Gia Định được ổn định thì ngài được điều về kinh thành Huế giữ chức Vũ Lâm Tả dực doanh, trông coi mặt trận phía Nam kinh thành Huế, kiêm Chưởng vệ Kinh Tượng.

Tháng 5.1862, vua Tự Đức điều ngài vào làm Đề đốc tỉnh Bình Thuận, tại đây ngài đã cùng với nhân dân đào mương, đắp đập phát triển nông nghiệp, sẵn sàng chống giặc. Nhờ những chính sách đó mà vùng đất phía Nam tạm thời yên ổn trong một thời gian khá dài.

Tháng 3.1863, ngài lại được vua Tự Đức điều về làm Phó Đề đốc quân thứ Hải Dương trong một thời gian ngắn rồi lại điều động làm Tuần vũ Khánh Hòa.

Tháng 3.1864, ngài lại được điều ra làm Đề đốc tỉnh Bắc Ninh nhằm mục đích dẹp yên loạn lạc, phá tan giặc Cờ Vàng, ổn định đời sống cho cư dân vùng Bắc Ninh và các tỉnh biên giới phía Bắc. Năm 1866, ngài lại được điều về kinh đô Huế làm Chưởng quản Tả Hữu dực doanh Vũ Lâm, phong tặng tước Kiên Dũng Nam.

Càng về sau mối quan hệ giữa triều đình Huế với thực dân Pháp ngày càng rối ren, thực dân Pháp tiến hành gây hấn nhiều nơi ở miền Bắc như Hà Nội, Hòn Gai, Nam Định và chuẩn bị tấn công kinh thành Huế theo đường biển vào cửa Thuận An.

Trước tình hình nguy cấp đó, Lê Sĩ được cử giữ chức Đặc sứ Phòng Duyên Hải để tổ chức việc phòng thủ của biển Thuận An do ngài trực tiếp chỉ huy cùng các Thống chế Lê Chuẩn, Chưởng vệ Nguyễn Trung, Ông Ích Khiêm, Trần Thúc Nhẫn, Lâm Hoàn và nhiều tướng lĩnh khác trấn thủ đồn Hòa Duân và các đồn phụ cận để bảo vệ kinh đô.

Ngày 20.8.1883, quân Pháp tấn công cửa Thuận An, vây hãm đồn Trấn Hải. Quân ta đánh trả quyết liệt, binh lính bị thương rất nhiều. Thống chế Lê Chuẩn bị trúng đạn tử trận, Chưởng vệ Nguyễn Trung hy sinh tại chiến trường. Hữu quân Đô thống phủ Chưởng sự Lê Sĩ tuy bị thương nặng nhưng vẫn chỉ huy quân lính chiến đấu đến cùng. Do vũ khí thua kém, đến cuối ngày thì đồn Trấn Hải thất thủ, ngài tự vẫn để giữ gìn khí tiết. Dưới thời vua Kiến Phúc (1884), ngài được triều đình phong tước Kiên Dũng tử, đưa vào thờ ở miếu Trung liệt tại kinh đô Huế.

Thị hài của ngài được triều đình Huế cho phép đưa về an táng tại quê nhà làng Võ Xá, nay là xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Lăng mộ của ngài được xây dựng vào năm 1890 với kiến trúc theo kiểu lăng mộ của các quan triều Nguyễn.



Ngày 26-4-2002, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình ra Quyết định số 838/QĐ-UB công nhận di tích lịch sử cấp tỉnh. Ngày 22.8.2005 được Bộ Văn hóa-Thông tin xếp hạng Di tích Lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BVHTT.

Ngài Lê Sĩ là một nghĩa tướng xuất sắc của đất nước ta trong thế kỷ XIX. Cuộc đời và sự nghiệp của ngài luôn gắn với những trang sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước, bảo vệ triều đình. Ngài luôn tận tâm với công việc, lo cho dân, biết vỗ về dân, an dân, mỗi địa phương mà ngài đến nhận công việc triều đình giao phó thì ngài đều chú ý đến việc phát triển kinh tế, trọng nông nghiệp vì thế dân tình ấm no, an hòa và một thực tế là những vùng đất, những địa phương có dấu ấn của ngài để lại họ đều tôn kính ngài.

Sau này tên tuổi của ngài được Quốc sử quán triều Nguyễn ghi chép trong *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam liệt truyện chính biên* hoặc trong các sách về danh nhân từ điển như *Việt Nam danh nhân tự điển* của Nguyễn Huyền Anh, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam* của Nguyễn Q Thắng, Nguyễn Bá Thế. Bên cạnh đó là nhiều trang ghi chép về thân thế sự nghiệp của ngài được lưu truyền trong gia đình, dòng họ.

Hiện tại, nhân dân thị trấn Thuận An cũng đã lập đền thờ ngài và các chiến sĩ trận vong trong trận chiến năm 1883. Ngày nay, trước sân đền thờ ngài nhân dân Thuận An còn tổ chức những buổi lễ long trọng hàng năm như lễ cầu ngư, lễ cúng âm hồn, hoặc những lễ hội quan trọng khác của làng như tưởng nhớ công đức của các tiền nhân. ■

* Ảnh tác giả chọn



Cửu vị thần công một kỳ công của thế kỷ XIX

TÔN THẤT THỌ

Tháng 7 năm 1885, cuộc khởi nghĩa của nhóm chủ chiến ở kinh thành Huế bị thực dân Pháp đàn áp khốc liệt, vua Hàm Nghi phải rút lên Tân Sở ban hịch Cần Vương. Nhiều tài liệu lịch sử ghi lại cho biết khi quân Pháp chiếm toàn bộ kinh thành Huế, chúng đã thu được 2.884 cỗ súng đồng của triều đình, trong đó có 1.440 cỗ tại Huế và số còn lại của các tỉnh khác chuyển về. Với số súng này, Pháp đã ép buộc triều đình Huế phải phá hủy tất cả để đúc thành tiền; số tiền đồng đúc được chủ yếu dành cho Pháp chi vào việc xây dựng lâu đài, dinh thự đồn bốt... Còn bao nhiêu mới nhập vào ngân khố của Nam triều.

Triều đình Đồng Khánh đã chấp nhận và đã nhờ Pháp mua máy móc và khuôn đúc. Đến tháng 4 năm 1887, thực dân trả lời là không mua được máy; do đó chúng dự định phá toàn bộ các cỗ súng thu được của ta thành đồng vụn để bán lấy tiền. Trước tình hình đó, triều đình Đồng Khánh đã đề nghị Pháp giao trả lại chín cỗ "Hùng dũng vô địch thượng tướng quân", đó là chín khẩu súng lớn, tượng trưng cho uy lực của triều đình từ trước để lại; số còn lại chia làm mười phần, thực dân Pháp sở hữu bảy phần, ba phần còn lại triều đình Huế đúc thành tiền để chi dùng.

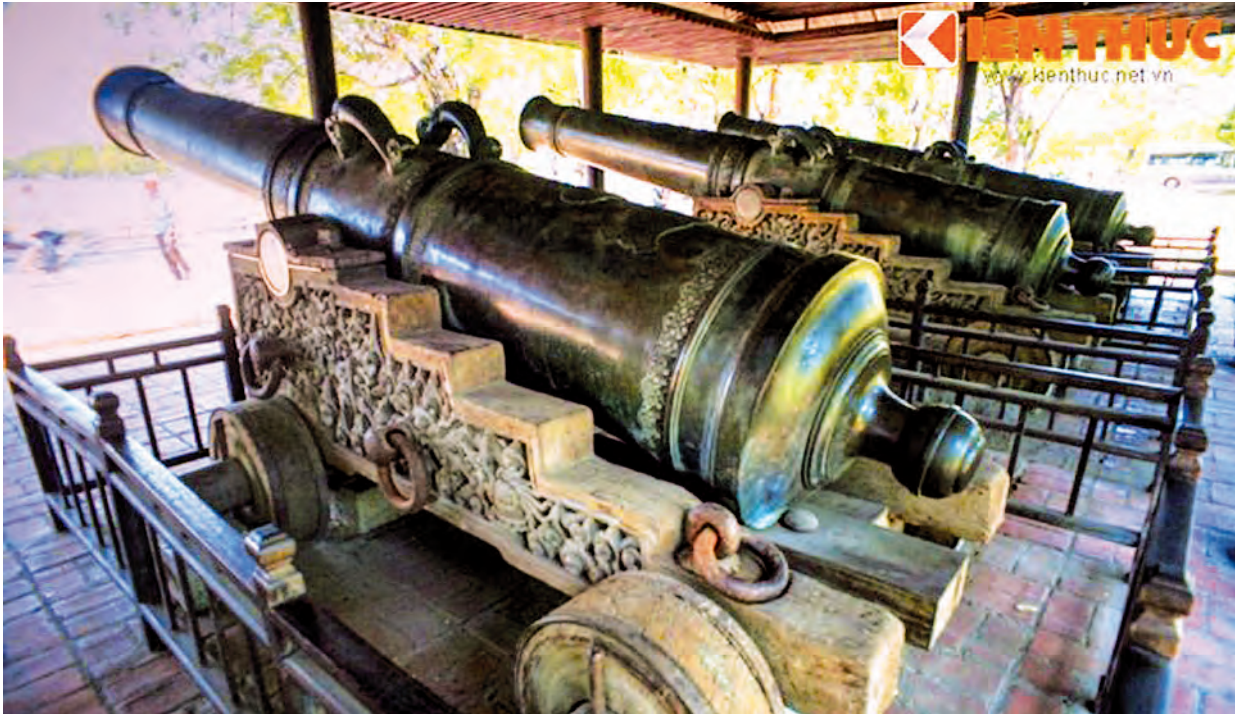
Tháng 6 năm 1887, thực dân ước tính với hơn 600 cỗ súng sẽ được 70 vạn kilô đồng, có giá trị thành tiền là 70 vạn đồng franc; nếu đúc thành đồng phải mất hàng chục năm, sẽ không đáp ứng kịp thời cho việc xây dựng của chúng. Do đó chúng định giá bảy phần mười số đồng đó là 50 vạn đồng franc, quy ra thành 12.050 đồng bạc. Số tiền này chúng bắt triều đình Huế chuộc bằng tiền mặt ngay!

Mãi đến 5 tháng sau, vào những ngày đầu năm Mậu Tý (1888), Pháp mới đồng ý để trao trả lại chín khẩu thần công đó cho triều đình Huế, nhờ thế mà "số phận" của chúng là vẫn tồn tại được cho đến ngày nay!

Sách *Đại Nam thực lục* chép: "*Tháng Giêng năm Mậu Tý (1888), nước Pháp giao trả 9 khẩu súng đồng Hùng dũng đại tướng quân. Cho để ở xưởng Đại tướng quân*".

(sđd tr.43)

Xưởng "Đại tướng quân" là một nhà trống, phía sau có một bức vách rộng 2,50m, cao 3,35m vẽ dọc năm màu khác nhau, viết những câu đối ngợi ca chín cỗ súng. Sát vách có một cái bàn đá quét vôi, thường được thắp hương, đó là bàn thờ các vị súng thần.



Cửu vị thần công đã được đúc dưới thời vua Gia Long. Theo *Quốc triều chính biên toát yếu* của Quốc sử quán triều Nguyễn, người ta được biết: “*Năm Quý Hợi, niên hiệu Gia Long thứ 2, (1803) đúc 9 khẩu súng đồng (đặt tên là Xuân, Hạ, Thu, Đông, Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ). Khi đúc xong rồi làm bài minh để ghi cho nhớ, (năm Bính Tý, niên hiệu Gia Long thứ 15, đúc vua đặt tên các cỗ súng là “Thần Oai Vô Địch Thượng Tướng Quân”.*

(sđd tr.71)

Trong tạp chí “*Huế Xưa & Nay*” số 3/1993, tác giả Lê Văn Hoàng đã dịch nghĩa nội dung của bài minh như sau: “*Năm Giáp Ngọ (1774), ngự giá đông tuần. Năm Mậu Thân (1788) đạo quân kéo vào Gia Định. Năm Tân Dậu (1801) vào tháng 2 trong mùa hè lấy lại được cựu đô. Năm Nhâm Tuất (1802) vào tháng 2 trong mùa hè đạo chánh quân tập trung về Bắc để biểu diễn. Vào tháng 7 tin mừng thắng trận tâu về vua đồng tất. Cũng trong năm ấy, rút quân trở về để làm lễ kỳ cáo ở Thế Miếu rằng bọn phản nghịch đã tiêu diệt. Mùa xuân năm Quý Hợi (1803), vua sắc ban thâu góp đồng lấy được của địch để đúc 9 khẩu đại bác. Đến tháng 12, thợ tâu lên đã hoàn tất công việc, chỉ còn khắc bài minh để làm kỷ niệm”.*

(sđd, tr.69)

Tất cả chín khẩu thần công đều được đặt trên giá gỗ có bánh xe; mặt ngoài giá súng có chạm khắc hình rồng; đặc biệt, có một đầu rồng chạm nổi, mắt lồi ra trông rất dữ.

Lệ thường hàng năm triều đình nhà Nguyễn thường cúng đại lễ “cửu vị thần công” tại ty Hộ vệ ở trong Đại

Nội. Chánh tế là vị Quản đốc Thần công. Nhà vua có ban sắc lễ “tam sanh” là trâu, heo và dê. Đến thời Đồng Khánh (1886), lễ tế được bãi bỏ vì quá tốn kém, chỉ làm lễ cúng ở miếu Hòa thần. Tuy nhiên, vì thói quen không thể bỏ được, cứ đến ngày mồng một và ngày rằm, Quản đốc và toán lính hộ vệ vẫn mua sắm lễ vật để cúng tế trước bàn thờ thần. Thời đó, mỗi lần khách bộ hành đi qua trước cửu vị thần công đều phải “*khuy nh cái hạ mã*” (cất nón xuống ngựa). Đến thời Khải Định (1923), lệ này mới được bãi bỏ.

Các cỗ súng thần công chưa bao giờ được đưa ra mặt trận, vì thế chúng chỉ có ý nghĩa tượng trưng cho uy lực của triều đình.

Có thể nói rằng “Cửu vị thần công” là công trình của một tập thể nghệ nhân đúc đồng giàu kinh nghiệm và có kỹ thuật cao của nước ta vào đầu thế kỷ XIX. Kỹ thuật đúc chín khẩu thần công không chỉ nói lên tầm cỡ về kích thước, trọng lượng của các cỗ súng, mà còn là biểu hiện trình độ pha chế kim loại cao của người thợ đúc đồng xứ Huế. Đồng thời, cho ta thấy nét tài hoa của những bàn tay người thợ được thể hiện qua các hoa văn, chữ khắc rất mỹ thuật và rõ ràng. Tất cả đã tạo nên một thành quả tầm cỡ, có tính biểu tượng mạnh mẽ cao. ■

Tài liệu tham khảo:

- *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 38, Nxb KHXH, HN, 1978.
- *Quốc triều chính biên toát yếu*, Nxb Thuận Hóa, 1998.
- Tạp chí “*Huế Xưa & Nay*”, Hội Sử học Thừa Thiên-Huế, số 3/1993.
- *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, T2, Nxb KHXH, 1981.

Bát cháo hành Thị Nở

TRẦN THÁI HỌC

Hồi mới cưới nhau, chúng tôi chẳng có gì ngoài đôi bàn tay trắng và ý chí kiên định, quyết đi lên từ đói nghèo. Mới ra trường, tôi và nàng chỉ là “ma mới” ở một công ty tư nhân nên đồng lương thật eo hẹp. Nhờ những lúc cuối tháng, trong túi chỉ còn vài đồng bạc lẻ, vợ chồng chẳng biết phải nấu cơm ăn với gì. Gạo trong hũ chỉ còn một ít, lương thì chưa lãnh, vợ tôi nghĩ đến việc nấu cháo hành để ăn thay cơm. Nàng vội chạy qua nhà bà chủ trọ xin vài tép hành tươi trồng trước sân nhà bà, rồi mang về nấu chung với cháo. Tôi thì xách rổ ra trước khoảng đất trống bên hông nhà hái mớ rau mọc dại để “ăn độn” thêm cho chắc bụng, lâu đói.

Buổi tối trong căn phòng trọ ọp ẹp, xập xệ bỗng bừng lên sự ấm cúng lạ thường khi mùi hương cháo hành phảng phất ngát ngây, trộn lẫn với hương nồng của tiêu, của nước mắm. Tôi phải công nhận cháo “Thị Nở” do chính tay vợ nấu thật thơm ngon, ăn hoài không biết chán. Nó không lỏng quá, không đặc quá mà sền sệt đủ để người ta cảm nhận được vị ngon, vị ngọt đi từ từ vào bao tử. Chính vì vậy mà vào những ngày cuối tháng là vợ chồng tôi đều thường thức (hoặc buộc phải thưởng thức) món “cao lương mỹ vị” này.

Thực ra không phải cuối tháng nào chúng tôi cũng cạn tiền đến nỗi phải dùng cháo “Thị Nở”, mà vì sau những lần lĩnh lương, vợ tôi đều đem tiền mua vàng để dành với ý định sẽ mua một căn nhà sau này (quả là ý định “vĩ mô” quá phải không?). Nàng chỉ chừa số tiền ít ỏi còn lại đủ dùng cho một tháng, nếu “lạm phát” thì đành phải ăn cháo “Thị Nở” thay cơm.

Nhiều lúc ngồi buồn suy nghĩ vẫn vợ, tôi thấy mình có lỗi với nàng nhiều lắm. Cưới nàng về, hứa lo cho nàng hạnh phúc, vậy mà tôi không lo nổi bữa cơm ngon, chiếc áo đẹp, ngôi nhà khang trang cho nàng. Thế nhưng, trái với suy nghĩ “ích kỉ” của tôi, nàng không một lời than phiền, ngược

lại còn an ủi, động viên tôi cố gắng vượt qua gian khó. Điều đó làm tôi yêu nàng nhiều hơn.

Một lần ngồi nhậu với người anh bà con ở quán, tôi được anh chỉ cách kinh doanh để mau giàu. Vốn là anh em cô cậu ruột, lâu ngày gặp nhau, anh phất lên nhờ kinh doanh thịt và hiện giờ có cả một lò giết mổ gia súc lớn, nên anh động viên tôi nên kêu vợ buôn bán thịt ở chợ mới mau khá giả, chứ làm nhân viên quèn hoài biết bao giờ mua được k h o ả n h



Nguồn: cookstar.asia

đất vài mét vuông. Anh còn hứa đăng kí giùm tôi cái sạp bán thịt ở một ngôi chợ mới mở gần khu công nghiệp sắp đi vào hoạt động và sẽ bỏ thịt thiếu cho tôi bán, khoảng vài tháng thu tiền cũng được.

Nghe anh bà con nói tôi cũng ham lắm nhưng ngại nổi tài sản chúng tôi chẳng có được bao nhiêu, không sao đủ để chung tiền đặt cọc sạp. Đem câu chuyện này thưa lại với ba mẹ, ba mẹ cũng tán thành nhưng không thể cho tôi mượn tiền vì số tiền dưỡng già đã được ba mẹ đưa cho thằng út đầu tư chứng khoán.

Đang ủ dột không biết đào đâu ra tiền, chợ nàng đến bên tôi vỗ về: *"Em nghe mẹ nói anh cần tiền để kinh doanh hả? Hay là... mình bán số vàng cưới để buôn bán nghe anh? Để trong tủ cũng chẳng để ra tiền. Khi nào mình khá giả thì mua lại. Nếu không đủ vốn thì em sẽ mượn của ba mẹ và mấy anh chị thêm một ít"*.

Lời của nàng cũng là dự tính của tôi từ trước nhưng tôi không dám đề nghị vì sợ nàng buồn. Nay nàng mở lời, tôi thấy vui lắm, có được người vợ hiểu mình như vậy thì làm ăn chẳng mấy chốc phát lên như điều gặp gió. Cầm vàng từ tay nàng, tôi không biết nói

gì hơn ngoài câu: *"Anh cảm ơn em nhiều lắm! Sau này khá hơn, anh sẽ mua cho em nhiều hơn thế nữa!"*.

Gom góp vốn từ nhiều nguồn, cuối cùng cái sạp thịt cũng thuộc "sở hữu" của vợ chồng tôi. Nàng nghỉ làm để ra chợ làm tiểu thương, còn tôi thì vẫn là nhân viên quen ở công ty cũ. Những ngày cuối tuần, được nghỉ làm, tôi hay ra chợ làm một chân sai vặt cho nàng.

Nàng ngoại giao giỏi thật, buôn bán chưa được bao lâu mà đã làm thân hết các bạn hàng, ai cũng quý, cũng mến. Trong công việc nàng luôn chịu khó. Mới hai giờ sáng nàng đã thức dậy đến lò mổ để chọn thịt tươi ngon nhất mới ra lò. Sau đó thì thuê xe ba gác chở thịt ra tận chợ và ngồi bán cho đến trưa. Về nhà làm cơm nước xong, nàng lại bắt đầu tính sổ sách cho đến chiều. Xong việc thì nàng mang đồ đi giặt, sau đó thì lại lo bữa cơm tối cho tôi. Một ngày của nàng cơ cực và vất vả hơn tôi nhiều. Để bù đắp sự vất vả đó, sự nghiệp kinh doanh của nhà tôi phát lên thấy rõ.

Do có duyên buôn bán nên gian hàng thịt của vợ chồng tôi lúc nào cũng đắt khách hơn, bán được số lượng nhiều hơn. Tuy vậy, bạn hàng vẫn không ghét bỏ nàng mà ai cũng cạnh tranh lành mạnh.

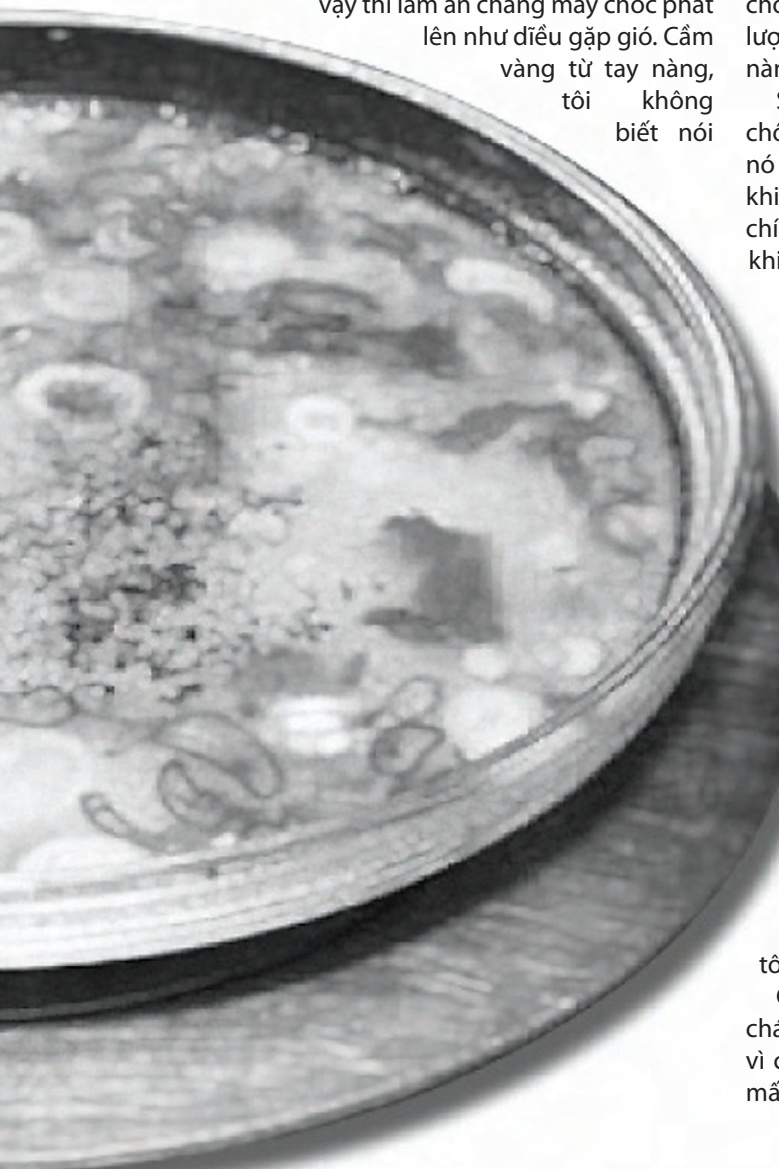
Sau nhiều năm chắt chiu dành dụm, cuối cùng vợ chồng tôi cũng mua được căn nhà khang trang. Tuy nó không rộng lắm, nhưng thật hạnh phúc làm sao khi được sống thoải mái trong căn nhà của mình và do chính tay mình làm ra. Và niềm vui càng nhân đôi thêm khi tôi được thăng chức trưởng phòng.

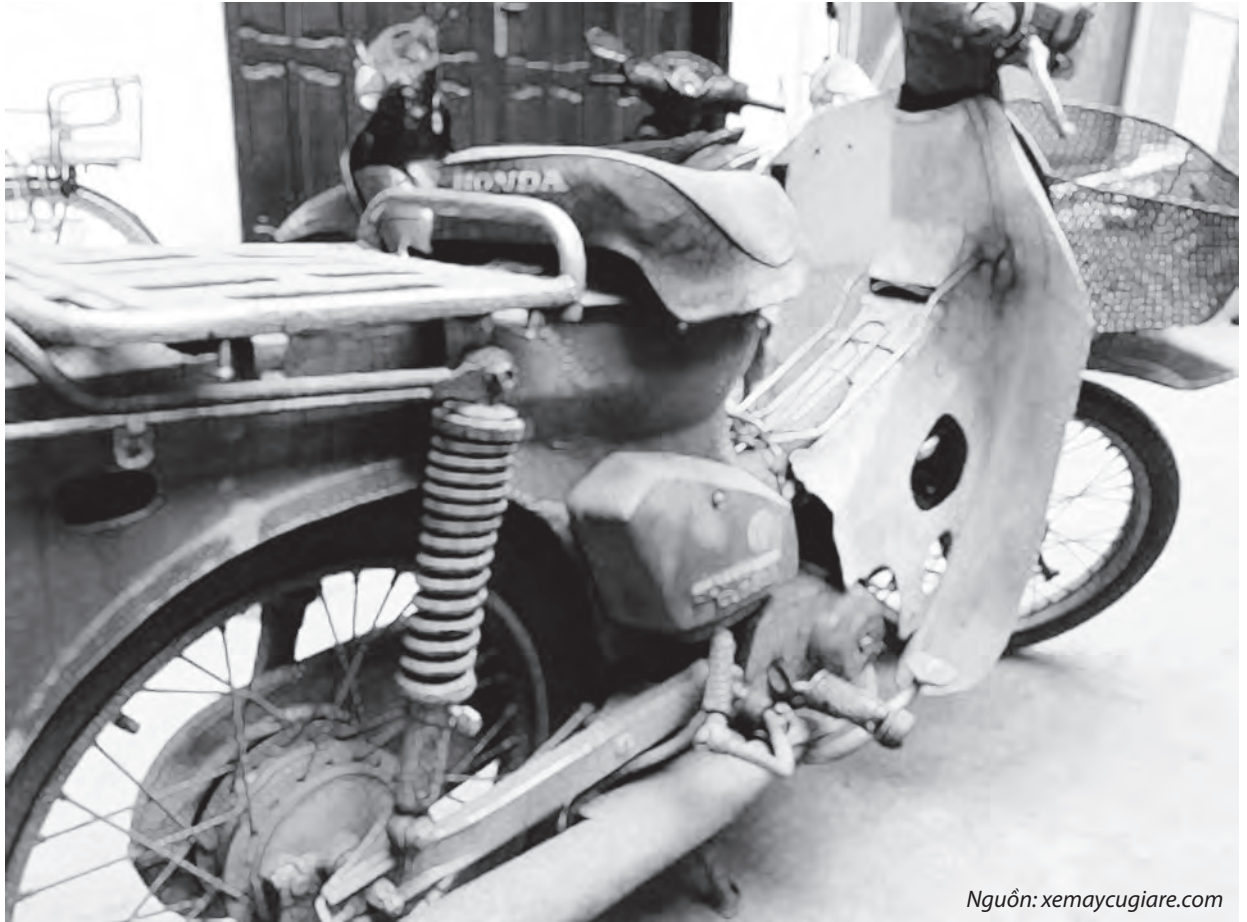
Thế nhưng cũng từ đây, nàng dần thay đổi tính nết của mình. Sự việc ngày một biến chuyển xấu đi khi nó tăng lên, tăng lên đến độ chóng mặt. Nàng vẫn yêu tôi, chăm sóc chu đáo cho tôi, nhưng nàng không còn tiết kiệm như ngày nào mà thay vào đó là sự hoang phí. Nàng mua bất cứ thứ gì cũng phải là hàng hiệu, hàng ngoại và đắt tiền. Nàng sắm đồ nhiều hơn, xa xỉ hơn nhưng không sử dụng mà để chùng trong tủ kiếng cho... đẹp.

Tôi phân nản thì nàng đôi co lại: *"Chẳng lẽ anh muốn rách nát suốt đời sao. Giờ sung túc rồi thì phải bù đắp lại những tháng ngày gian khổ trước đây chứ!"*.

Trong bữa cơm, lúc nào tôi và nàng cũng có chuyện không vui. Bữa ăn thì quá cầu kì, quá nhiều món (trong khi chỉ có hai vợ chồng), lại sang trọng như nhà hàng. Còn nàng thì kiêu cách, gò bó như một quý bà trong những bộ phim về vua chúa (nàng đang học làm "quý tộc"). Sau bữa ăn, những thứ thừa thải bỏ đi toàn là đồ đắt tiền, có khi chưa dùng tới, tôi thấy tiếc vô cùng.

Chợt nhớ đến cái thườ hàn vi, tôi thêm sao món cháo hành thơm ngát. Giờ muốn ăn cũng có được đâu, vì có lẽ vợ tôi đã quên mất món cháo hạnh phúc ấy mất rồi! ■





Nguồn: xemaycugiare.com

Chiếc xe cũ

HOÀNG KHÁNH DUY

Chiếc xe cũ ấy đã theo tôi không biết bao nhiêu tháng năm, không biết bao nhiêu mùa mưa nắng.

Hôm về nhà, nhìn chiếc xe cũ nằm cù bơ cù bất ở góc nhà, tôi thấy thương nó quá. Má bảo má không biết chạy xe. Còn mỗi lần mấy đứa em họ dắt xe ra định chạy thì bà nội tôi bảo: “Xe của anh bây, đừng phá”; vì thế, mấy đứa nhỏ cũng không dám lấy.

Nằm im lâu ngày, chiếc xe bị bao phủ lên mình một lớp bụi dày cộm, động cơ buồn vì không hoạt động nên cũng ngủ yên. Ngắm nghía một lúc, tôi lôi chiếc xe ra trước sân nhà kéo vòi nước xịt mạnh để lớp bụi bắn trôi đi, trả lại cho chiếc xe cái màu xanh những đã hằn đầy vết xước.

Hồi đó, má tôi phải vất vả lắm mới mua được cho tôi chiếc xe này. Thương má lận lộn đồng xa, khi trở về nhà

thì trời đã tối mờ tối mịt. Đường đến trường xa xôi, tôi đi học một ngày hai buổi, trời nắng, tôi còng lưng đạp xe về nhà thì mồ hôi đã ướt đầm tấm thân. Má thương tôi cực nhọc, lam lũ cấy cày mua được cho tôi chiếc xe. Ngày đó, ai có được chiếc xe phân khối nhỏ đi học mỗi ngày được xem là “oai phong lẫm liệt”, đỡ hơn phải cật lực đạp xe đến trường; đôi khi trời mưa, bùn lầy cứ liên tục bắn lên bắn hết áo quần.

Mua được chiếc xe có gắn máy, mặt má rám nắng và đôi tay má chai sần nhiều hơn. Đêm đầu tiên có xe, tôi không ngủ được. Tôi cứ trần trọc hoài, nghĩ đến cảnh sớm mai sẽ tự mình chạy xe đến lớp, sẽ lướt băng băng trên con đường ngập màu cỏ hoa, sẽ thoát khỏi cảnh tượng đạp xe một mình giữa cái nắng miền quê cháy da, rất bỏng.

Thế rồi chiếc xe ấy đã cùng tôi đi qua bao mùa mưa, mùa nắng. Chiếc xe đưa tôi đi khắp nẻo đường quê

huong. Có chiếc xe, tôi đỡ phải mệt mỏi hơn, tôi gọi nó là “con ngựa máy”, là “bạn đồng hành” mà thỉnh thoảng tôi vẫn chống chân đứng của chiếc xe lên, lấy đầu nhốt tí mẩn tra vào từng chi tiết nhỏ.

Má bảo: “*Hồi mới thì cưng lắm. Dần dà lại hắt hủi cho coi*”.

Tôi cười lắc đầu. Má nói má biết cái tính tôi lắm, như hồi còn bé tôi cứ vòi má mua cho mình những món đồ chơi mới, chơi được ít hôm thì tôi đâm ra chán, má tôi gom lại mang sang cho con bé nhà bên.

Thời gian trôi qua, mấy ai còn nhớ trọn vẹn mình đã từng gắn bó với những gì trong khoảng trời thanh xuân mơ mộng ấy. Tôi lớn lên, chiếc xe cũ dần, tróc sơn, trầy trụa. Tôi không nhớ rõ đã bao lần tôi ngã cùng chiếc xe ấy. Mỗi lần ngã xe là mỗi lần vết xước hiện hình. Vết thương trên cơ thể còn lành chứ vết xước làm sao lành lặn được. Xe nào biết đau? Xe chỉ biết cũ dần, tàn dần khi đã đồng hành cùng tôi suốt một mùa học dài chứ làm sao biết vui buồn, yêu ghét giống như tôi?

Cũng trên chiếc xe này, tôi đã từng chở má tôi từ nhà ra chợ, tôi đã từng chở người bạn đồng song yêu quý của tôi chòng chành qua những vùng cỏ hoa, những vùng trời kí ức tuổi thơ. Và trên chiếc xe này, con đường đến với tri thức của tôi thêm ngắn hơn. Tôi thương nó như thương một con người, có lúc tôi cứ ngỡ chiếc xe đâu chỉ là một phương tiện vô tri mà còn là người bạn chia ngọt sẻ bùi, gánh phần nhọc nhằn đưa tôi đi khắp nơi trên miền quê rêu gió...

Hôm về thăm nhà, nhìn chiếc xe lặng lẽ, buồn hiu, tôi thấy tội nghiệp chiếc xe cũ quá!

Tôi đi làm, mua được xe mới, tự mình kiếm được những đồng tiền từ sức lực và trí tuệ mà mình được tôi

luyện từ những tháng năm xa xôi, dài đằng đẵng. Tri ân quá khứ, tôi chẳng những tri ân những người đã yêu thương và giúp đỡ tôi, má tôi gồng gánh thời gian đi qua những gian lao cuộc đời, má vui để tôi thêm đây, má nhọc nhằn để tôi bình yên, hạnh phúc. Tôi còn tri ân cả quá khứ vụng dại mà ngọt bùi, hỗn nhiên, ngây ngô mà chân thành, hỗn hậu. Tôi tri ân chiếc xe cũ vì những vòng bánh quay đều đưa tôi khắp nơi, cùng tôi suốt đoạn đầu cuộc đời nhiều mơ lắm mộng.

Hôm về quê, bỗng dưng tôi thấy thương chiếc xe quá. Chắc không gặp tôi, không đi học cùng tôi mỗi ngày, chiếc xe buồn lắm! Đêm đó má ngồi kể chuyện ngày xưa phải bươn chải trên đồng mới dành dụm đủ tiền mua nổi một chiếc xe. Thời gian trôi mau quá, phải không? Người ta thường kháo nhau một câu quen thuộc: Thời gian chẳng đợi một ai. Mọi thứ rồi cũng già nua theo thời gian chứ làm sao trở về như thuở ban đầu được?

Tôi về quê thăm lại chiếc xe, lau sạch lớp bụi, tra nhốt cẩn thận, rồi chạy lòng vòng quanh những con đường tôi đã từng đi thưở ấy ôn lại kỉ niệm một thời. Cảm giác năm nào ngồi trên chiếc xe cũ: háo hức, hân hoan, niềm vui trong veo và những mộng mơ ngày cũ... Tôi ngỡ mình như đang sống lại năm tháng ấy. Tôi thấy mình chu du giữa đồng nội xanh rì mà chẳng màng đến chuyện bon chen nơi phố phường nhộn nhịp.

Chiếc xe cũ của tôi, cả khoảng trời kí ức của tôi. Chúng ta rồi sẽ lớn lên, rồi sẽ rời xa những thứ đã từng gắn bó, chỉ có niềm tri ân là còn đọng mãi trong tâm hồn mỗi người.

Cảm ơn chiếc xe cũ!

Cảm ơn những cung đường hoa cỏ đã qua... ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2018

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thành hữu; năm mới 2018, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

| | | | | | |
|------------------------------------|--------------|--------------------------------------|-------------|---|-----------------|
| Một độc giả | : 50 cuốn/kỳ | Ô. Bùi Phong Lưu | : 8 cuốn/kỳ | Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT | : 2 cuốn/kỳ |
| Ô. Phạm Văn Nga | : 43 cuốn/kỳ | Hồng Phúc & Xuân An | : 6 cuốn/kỳ | Cty TNHH Thép Thiên Tâm | : 2 cuốn/kỳ |
| Ô. Vũ Châm, Vina Giấy | : 31 cuốn/kỳ | BS Trần Ngọc Đình | : 5 cuốn/kỳ | Cty Tân Hiệp, Q.6 | : 2 cuốn/kỳ |
| Bà Huỳnh Kim Lưu | : 30 cuốn/kỳ | Ô. Võ Ngọc Khôi | : 5 cuốn/kỳ | Nguyễn Dũng | : 2 cuốn/kỳ |
| Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng | : 25 cuốn/kỳ | Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT | : 5 cuốn/kỳ | Phật tử Quảng Kính | : 2 cuốn/kỳ |
| Ô. Trần Hoàng | : 15 cuốn/kỳ | Cửa hàng Tâm Thuận | : 5 cuốn/kỳ | Cô Hoàng Thoại Châu | : 2 cuốn/kỳ |
| Cư sĩ Lương Trung Hiếu | : 12 cuốn/kỳ | Cô Diệu Định | : 5 cuốn/kỳ | Lâm Tố Hoan | : 2 cuốn/kỳ |
| Cô Nga | : 10 cuốn/kỳ | Phật tử Trương Trọng Lợi | : 5 cuốn/kỳ | PT. Nguyễn Thuận | : 1 cuốn/kỳ |
| PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) | : 10 cuốn/kỳ | Hoàng Mỹ - Thiên An | : 5 cuốn/kỳ | Tổng số báo tặng kỳ này: | 382 cuốn |
| Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT | : 10 cuốn/kỳ | Phật tử Nguyễn Hòa | : 4 cuốn/kỳ | Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: Tòa soạn, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh; | |
| Nhà sách Thái Hà | : 10 cuốn/kỳ | Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh | : 4 cuốn/kỳ | Phòng Phát hành VHPG: (028) 3 8484 335 | |
| Bà Lý Thu Linh | : 10 cuốn/kỳ | Bà Lê Tự Phương Thúy | : 3 cuốn/kỳ | Email: toasoanvhp@gmail.com | |
| Bà Phạm Thị Vinh | : 10 cuốn/kỳ | Bà Phạm Thị Kim Anh | : 3 cuốn/kỳ | Ban Biên tập | |
| Mỹ thuật tượng Zen Art | : 10 cuốn/kỳ | Hoàn Ái - Huệ Minh | : 3 cuốn/kỳ | | |
| Cô Huệ Hương | : 10 cuốn/kỳ | Ô. Tạ Hữu Chung | : 3 cuốn/kỳ | | |
| Cô Bích Ngọc - HN | : 10 cuốn/kỳ | Chị Tuyền, Cty Cơ khí Mê Linh | : 2 cuốn/kỳ | | |



Nguồn: 24h.com.vn

Ở PHỐ nghĩ về bão ở quê...

MAI HOÀNG

Thành phố nơi tôi ở cách quê tôi độ chừng 300km. Mấy hôm nay, đêm đã bắt đầu có mưa rơi lác đác, có lẽ chịu ảnh hưởng một phần của cơn bão ngoài Biển Đông đang đổ bộ vào đất liền. Theo những bản tin tức khí tượng xác định tốc độ, hướng đi, và sức mạnh của tâm bão, nếu chẳng có gì thay đổi thì trong khoảng bốn mươi tám tiếng đồng hồ nữa cơn bão sẽ ghé thăm quê tôi.

Thành phố nơi tôi ở cũng nằm trong vùng ảnh hưởng của bão. Sống ở phố mà lòng tôi bồn chồn không yên. Đêm nay, ngoài trời mưa càng lúc càng to;

tiếng mưa một lúc một nặng rơi lộp độp đập mạnh vào mái tôn, sau đó là tiếng gió rìn rít từng hồi. Tôi nghĩ đến ngày mai thức dậy có thể thấy những con phố nhỏ ngập trũng nước; những thân cây gãy, những mái nhà bị tốc, những cột điện bị đổ... ngổn ngang bên đường. Chỉ nghĩ chừng đó thôi mà đã thấy lòng hoang mang... Đây là chưa nói đến tình trạng sau khi cơn bão quét qua làng quê tôi.

Lúc chiều tôi có gọi điện về cho bố. Bố tôi bảo mọi thứ đã sẵn sàng hết rồi, nói rằng trên phố các con cứ yên tâm, bố mẹ đã có kinh nghiệm những mấy chục



năm chống bão. Nhưng ký ức về những đợt bão xưa dội về khiến tâm tôi chẳng vững tin một chút nào.

Những năm ấy, khi bão về, dẫu được dự báo cấp độ to hay cấp độ nhỏ, bố mẹ tôi đều thức trắng đêm không ngủ. Từ buổi chiều, bố đã dặn mẹ chuẩn bị nhốt đàn gà cho vào gian bếp, chắt chông củi khô, làm muối vừng, kho cá khô, dự trữ thức ăn trong mấy ngày mưa bão. Bố trèo lên mái nhà thay lại những viên ngói đã vỡ, chặt bớt một số cành cây sum suê cạnh nhà phòng gió to quật vào mái ngói. Tôi tiếc nuối nhìn những chùm hoa xoài đang nở rộ bố chặt đi, mừng tượng rằng khoảng một chút thời gian nữa thôi, nó sẽ cho cả chùm quả trĩu trĩu.

Buổi tối khi bão đến, cả nhà ăn cơm thật sớm. Mẹ tôi chuẩn bị sẵn hai cái đèn dầu, cơm nước xong, cả nhà ngồi chụm vào nhau nói chuyện. Mỗi lần nghe gió rít qua, mẹ lại bảo “*Đấy, bão chuẩn bị vô rồi đấy*”.

Trong bão thường kèm theo mưa rất lớn, sáng ra thấy mảnh sân trước nhà dính một lớp bùn rất dày, lá rụng thành từng thảm màu xanh bết màu bùn; bao

nhieu cây cối, na, ổi, bưởi, cả rau màu nữa, đều ngã nghiêng xiêu vẹo. Tôi gọi đó là gam màu tan hoang.

Đôi khi trong cơn bão người ta không rơi nước mắt, nhưng sau bão thì nước mắt cuộn cuộn chảy, lòng dạ xót xa hơn bao giờ hết. Cửa nả, vườn tược công chăm sóc bao nhiêu ngày giờ thành công cốc. Những ôm củi chắt để dành trong xó bếp cũng bị nước nhỏ xuống dột ướt hết cả. Nồi cơm sau bão nấu có khi lên đến cả tiếng đồng hồ cũng chưa sôi.

Còn nhớ mùa bão năm ấy, do mưa lớn, lũ từ thượng nguồn ồ ạt kéo về, khi bão vừa quét qua thì lũ ập đến. Người dân vừa mới chống bão lại phải oằn mình chịu đựng cơn lũ, thật là thương tâm. Người lớn cai quản trẻ con không sát, có người mất con vì bị lũ cuốn trôi. Mỗi lần nghĩ đến nước mắt tôi đều chảy. Bố tôi chẳng bao giờ cho mấy anh em rời khỏi nhà trong mùa bão, với bố còn người là còn tất cả.

Lại nhớ cái lần mưa bão lớn quá, nhà dột gần như ướt hết, không thể trụ lại bố công mấy anh em tôi giữa mưa to gió lớn. Lúc bám chặt trên vai bố, cảm nhận được từng bước chân xiêu vẹo, bám vào từng thớ đất để di chuyển tôi chột dạ, nghĩ xấu nếu lỡ may cả hai bố con thiệt mạng thì không biết như thế nào. Khi an toàn qua nhà hàng xóm rồi, tôi ôm bố khóc thật lớn. Tôi không sợ bão mà chỉ sợ không được nhìn thấy bố trên cõi đời này nữa.

Ngày còn nhỏ, để cho chúng tôi đỡ bớt sợ gió bão, mẹ chuẩn bị sẵn làm một nồi khoai xéo thật to, cho vào túi bóng mỗi người một phần vừa ăn vừa nói chuyện. Sau này, rất nhiều lần nữa trong đời, cả nhà chúng tôi đều quây quần bên nhau, bên những miếng ăn mùa bão đầm ấm như thế. Đó sẽ mãi là khoảnh khắc quý giá của cuộc đời của tôi khi còn có mẹ, anh chị đủ đầy yêu thương.

Sau bão mặc dù có mất mát của nả, tinh thần đi xuống khi nhìn cảnh vật tiêu điều nhưng tình người, tình làng xóm vẫn chung thủy, một lòng giúp đỡ lẫn nhau. Tôi vẫn nhớ những bữa ăn sau bão với cá đồng chú Thiêm cho nấu khế ngon ơi là ngon. Rồi những hũ ruốc nghĩa tình bác An san sẻ, chị em tôi đón lấy như một món quà vô giá.

Thiên tai không chừa một ai và một vùng miền nào nhưng có lẽ với miền Trung thì dường như khắc nghiệt hơn hai miền Nam, Bắc. Miền Trung oằn mình một năm không biết bao nhiêu cơn bão đổ bộ và mất mát. Là người miền Trung lại càng thấy thương hơn dân miền Trung, con người lam lũ, nghèo khổ cần cù chịu thương chịu khó nhưng vẫn nghèo bởi không thắng nổi sự khắc nghiệt của thiên nhiên.

Đêm ở phố, nghĩ bão ở quê với bao ngổn ngang trong lòng. Mỗi mùa bão qua chỉ cầu mong con người ở quê vững chãi, kiên cường để chống lại thiên tai. Chỉ cần chúng ta tin rằng sau bão sẽ là những ngày nắng đẹp thì mọi khó khăn không còn là điều đáng lo ngại. ■

Đất phương Nam ngày cũ

Chôm Chôm mùa nhớ

Nguồn: babmoi.com

TRẦN BẢO ĐỊNH

1 Đã thành lệ, cứ sau một ngày làm vườn vất vả, tía vợ và con rể hay ngồi đối ẩm thâm tình rề rà chuyện vãn, nhưng rồi trước sau gì thì hai tía con cũng quay lại với chuyện mùa màng. Nhân những lúc đó, bao giờ chú Ba cũng chú ý chỉ vẽ để truyền hết nghề ghép cây trồng cây chôm chôm cho Sáu Bảnh - thằng rể tuy ít chữ mà sáng dạ - lỡ mai kia chú có sớm đi theo ông bà, nó ở lại cũng có cái nghề nuôi vợ nuôi con.

Chú Ba cẩn thận nhắc đi nhắc lại một điều cần thiết:

- *Đã nhiều lần, tía vạch lá chỉ cho con cách nhận dạng tình trạng bệnh làm rụng lá ở cây chôm chôm. Con phải nhớ, hễ mặt trên lá có đốm tròn màu nâu đỏ hơi nhô lên và phủ lớp rong thiệt mịn, thì trước sau gì rồi lá xanh cũng úa vàng, rơi rụng.*

Sáu Bảnh thắc mắc:

- *Đó là bệnh gì vậy hả tía?*

- *Thời tía, người ta kêu đó là bệnh đốm rong. Còn thời này, tía không biết người ta kêu là bệnh gì!*

Tía vợ vừa dứt lời, Sáu Bảnh lên tiếng:

- *Tía uống cạn ly, con rót thêm.*

Đương bụng đĩa khô cá chạch và chén nước mắm me từ dưới bếp lên nhà trên, nửa chừng nghe tiếng chồng nói vậy, Hai Diệu đổ quạu:

- *Tưởng đâu mình hỏi tía về chuyện mần ăn cây với chôm chôm, nào dè mình xúi tía 'uống cạn ly đây, rót đầy ly cạn'. Cứ theo cái mừng nầy, chắc chàng rể lần cha vợ đều rục từng sớm!*

Nghe con gái nói xối xả với chồng, chú Ba hạ giọng nói với chàng rể:

- *Vợ con tánh khí đàn ông! Tuy vậy, nó tốt bụng lắm!*

Bồi hồi, chú kể tắt:

- *Má nó mất khi nó còn đồ hỏn; có lúc tía phải nhờ chòm xóm cho con bé bú tép, còn chuyện uống nước cơm thay sữa là chuyện thường. Tía sống cảnh 'gà trống nuôi con', cho nên con bé nào biết gì là lời ru đầu đời của mẹ... Trải qua mười chín năm trường, cho dù khổ cực tới đâu thì nó cũng luôn giỡn cười mà chẳng một lời than!*

Nghèn nghẹn, Sáu Bảnh bùi ngùi:

- *Dạ, con hiểu. Mà con cũng thương cái khí chất ấy của vợ con!*

Bấy giờ chú Ba mới quay qua cười cười, giả lả nói với con gái, mà cũng có ý trách:

- *Thì thằng chồng của bây đương hỏi tía chuyện bệnh hoạn của cây chôm chôm. Tại bây chỉ mới nghe khúc giữa mà thiếu nghe khúc đầu, khúc đuôi mới ra cơ sự!*

Hiểu ra chuyện, Hai Diệu bèn lên nói để chữa thẹn với chồng, mà cũng là để chứng tỏ mình biết chiều chồng:

- *Chiều qua mình dọn mua rượu, tui cạn. Nhưng rồi tui mua tới hai chớ không phải một can rượu nếp than Tam Bình đâu nghe. Tui xách cho mình coi! Nói xong, Hai Diệu quày quả xuống bếp như muốn trốn lỗi.*

Sáu Bảnh được thể, nâng ly:

- *Mời tía!*

Chú Ba cạn ly rượu do con rể rót rồi nói tiếp câu chuyện đang dở:

- Ngoài bịch đốm rong, con cần để ý tới bịch phấn trắng. Cái 'thằng' phấn trắng nó tấn công cả bông lẫn trái, không riêng gì lá.

Chú giải thích:

- Lớp phấn trắng dính vô trái, gai trái khô, vô trái đốm nâu sậm, và lan nhanh, ăn sâu vô trong làm trái thúi nhũn. Nhưng, đó chưa hẳn là kẻ thù truyền kiếp của chôm chôm.

- Vậy chứ kẻ nào mới là kẻ thù truyền kiếp của chôm chôm, hả tía?

- Kẻ thù truyền kiếp chôm chôm chính là lũ rệp sáp, bọ sâu ăn bông, sâu đục trái.

Cười hóm hỉnh, chú Ba nói thêm:

- Trước kẻ thù hung hãn, chôm chôm tìm cách phân vệ giữ thân. Song, nếu có tay người giúp sức, thì kẻ thù chôm chôm sẽ lạng lẽ rút lui hoặc bị hủy diệt!

Đang ngó nhíp đuôi lắng nghe thích thú, chợt thấy vợ khệ nệ xách can rượu từ bếp lên, Sáu Bảnh nói:

- Được rồi mình! Tui với tía uống hết nhiều đây là nghì!

Chú ba cười:

- Nói chơi thôi, chứ mần thiệt sao bây!

Rồi chú tiếp lời tức khắc:

- Nhiều đó nhằm nhò gì!

Chú cười khanh khách biểu Hai Diệu đưa can rượu.

Rượu kích thích hưng phấn, chú Ba kể huyền thiên chuyện, trong đó có chuyện cây chôm chôm trên đất cù lao. Chú kể:

- Nghe nói, Sư Giác Nguyên, người nước Huệ (tức Huế - cách nói hóm hỉnh dân dã người Nam Kỳ thời đó), thuộc đệ tử Thiền sư Liễu Quán tới cù lao dựng am Bãi Tiên vào khoảng năm 1750. Năm năm sau ngày Sư đến, dải đất do phù sa sông Cổ Chiên bồi lắng ở phía tả ngạn mé am Tiên Châu mọc lên rừng cây sum sê, trái có lông kết chùm trĩu cành oằn nhánh. Không rõ loại trái cây này tự tay Sư gây giống, hay do chim muông mang tới. Hỏi Sư, Sư chỉ nói, Tùy duyên!

Dân cù lao thấy mặt đặt tên, cũng như người đồng bằng sông Cửu Long cứ trông mặt mà bắt hình dong. Do thiên hạ thấy giống trái cây này có lông tua tua bao bọc quanh vỏ trái tròn tròn, bèn gọi là trái chôm chôm.

Cây rừng ra trái lạ nên ai nấy đều e ngại, chẳng ngó ngang. Có người nói:

- Cứ để đó! Thời gian sẽ trả lời.

Người khác thì bảo:

- Thời gian chắc là không trả lời, mà thời gian sẽ làm người ta quên đi điều thắc mắc, e ngại!

Năm cô Hai Diệu được mười bốn tuổi, trận bão lụt năm Thìn (1952) tàn phá cù lao: đất sạt lở, nhà cửa tan hoang, cây cối chết... Duy rừng chôm chôm xác xơ, nhưng vẫn trổ bông kết trái. Thấy lạ, nhiều người - trong đó có tía con cô Hai Diệu - chăm chỉ lượm từng trái chôm chôm rừng chín rụng đem về ương giống trồng vườn nhà. Từ đó, cuộc sống hai tía con gắn liền với cây chôm chôm.

2 Hai Diệu thích giỡn, nhứt là giỡn với chồng:

- Minh thuộc rể loại nào?

Rành nét vợ hay giỡn bướng, Sáu Bảnh ậm ờ chưa biết trả lời sao. Sợ vợ giận lấy mất vui, Sáu Bảnh nhưng thiếu bảnh nên nói đạ:

- Chắc chắn tui không là rể đu đủ!

Nghe nói, Hai Diệu cười ngất, quên cả mệt nhọc chăm sóc cây chôm chôm:

- Minh thuộc loại rể... rể cây chôm chôm yêu quý của tía!

Hai Diệu nói luôn một mạch:

- Đừng tưởng bở, rể cây chôm chôm ăn sâu xuống ít nhứt cũng bốn năm thước đất, và ăn lan rộng đòi ba lần tán cây...

Nháy mắt tinh nghịch, Hai Diệu nói tiếp:

- Tía đã chọn mình làm rể tía, thì phải biết!

Ngẫm nghĩ, Sáu Bảnh thấy vợ mình nói giỡn mà chẳng giỡn chút nào. Bởi, cây một con không thể chọn làm gốc ghép. Ngày Sáu Bảnh loan phụng hòa minh, sất cầm hảo hợp cùng Hai Diệu, và cũng là rể chính thức của chú Ba, thì vườn chôm chôm trồng bằng hạt trên năm năm mới ra trái bói đầu mùa.

Tía vợ nói với chàng rể:

- Phải mất chín mươi năm, cây chôm chôm mới cho nhiều trái.

Có lẽ, chú Ba muốn nói:

- Vợ chồng phải tương kính, biết nương tựa và cần thời gian để hiểu ý nhau mà sống. Thực vật đã khó, người sao dễ hơn!

Qua Hai Diệu, dần dà Sáu Bảnh hiểu những điều chưa từng hiểu:

- Cây ra bông nhiều chưa hẳn bông thụ nhiều, và có khi ngược lại. Chẳng hạn như cây chôm chôm, tỉ lệ bông thụ đạt áng chừng hai hoặc ba phần trăm đã là mừng.

- Nhứt là ba tuần đầu khi thụ phấn, trái hư vô kể!

Thắc mắc, Sáu Bảnh hỏi vợ vì sao? Vợ nói:

- Chắc là thiếu dinh dưỡng.

- Bâu noãn bông chôm chôm có hai lá noãn, nhưng hiếm khi cả hai lá noãn phát triển thành trái. Thường chỉ một mà thôi!

Hai Diệu nhẩn nại chỉ vẽ cho chồng hiểu.

Sáu Bảnh hỏi:

- Minh ơi! Mấy anh em bạn vườn bên.

Nói:

- Một phát bông có trung bình ba ngàn bông đực và mỗi bông có năm ngàn bốn trăm hạt phấn. Tính vậy, thì có mười sáu triệu hạt phấn trong một phát bông. Phải không mình?

- Cái đó, tui không rõ. Chỉ rõ là bông chôm chôm lưỡng tính, nhưng nó có hai loại lưỡng tính song hành làm chức năng đực, chức năng cái.

Sáu Bảnh vô tóc, cầu nhàu:

- Tui nghe rắc rối quá!

Hai Diệu chậm rãi phân trần:



Nguồn: vuonhoaphatgiao.com

- Việc cây cũng như việc người, có chi suôn sẻ mà không rắc rối?

Cô nói tiếp:

- Nhị bông lưỡng tính đực phát triển mạnh, trong lúc đó bầu noãn bông lưỡng tính cái phát triển nhưng bao phấn không mở.

Sáu Bảnh nhân cơ hội, nói đùa:

- Ví như mình muốn mà tui chưa thèm. Kể như trót quớt!

Hai Diệu cười hăng hắc. Đôi má ửng hồng, chẳng khác màu hồng đỏ vỏ chôm chôm tràn ánh nắng.

Biết mình đi quá, Sáu Bảnh ngưng nghịu, chống chế.

- Cả bông đực và bông cái đều mở vào ban mai.

Nằm võng, nghe hai con đối đáp, chú Ba vui vui trong bụng. Ngày mai, dù có phải về cõi xa, chú cũng yên lòng. Vì đứa con gái cô út ngày xưa giờ đã có nơi nương tựa trên bước đường đời.

Bến đò An Bình vắng khách.

Từng hồi chuông công phu ngân nga báo hiệu chiều tà.

- Minh! Sắp tối rồi, nghen!

Sáu Bảnh nhắc Hai Diệu.

- Lỡ tay cắt mấy chùm chôm chôm cho đầy cần xé, mình đợi chút!

Ngoài sông, nước cuộn cuộn đỏ về, Sáu Bảnh nghĩ bụng:

- Con nước son mà đã như vậy, chắc là năm nay nước lớn hổng!".

Rồi bất chợt, anh nhìn doi đất đầu dải cù lao Minh giơ ra bãi sông - thường gọi là Bãi Tiên - như mũi

thuyền rẽ sóng, đang chờ khảm vườn tược đồng bằng xanh ngút mắt.

Đúng lúc đó, Hai Diệu giục chồng:

- Thôi đi, mình!

Đêm êm ả, Sáu Bảnh trầm trọc... Nhớ lại:

- Hồi đói khổ, anh ở bạn giữ đĩa gò Năm Chim cho nhà Biện Lợi ở Mộc Hóa và chẳng may mùa đĩa năm đó thất bát, Biện Minh đổ thừa anh rủ người tát trộm đĩa bèn giao anh cho Quản Thụt đem ra Nhà Việc¹ làng, căng nọc tra khảo. Sau trận đòn trời ơi đất hỡi, thừa sống thiếu chết, anh trốn qua Cai Lậy và từ đây, ngược dòng sông Tiền đến cù lao An Bình nương thân, giấu tông tích...

Trở mình, anh nghe tiếng gió ngoài sông thổi từng chập từng hồi tạt qua khu vườn chôm chôm, cành lá xạc xào run rẩy!

Sáu Bảnh tặc lưỡi:

- Mới đó mà đã năm mùa nước nổi cù lao An Bình!

Cù lao An Bình nằm giữa đôi bờ sông Tiền, sông Cổ Chiên; kinh rạch chằng chịt, cây lành trái ngọt quanh năm và tình người hiền hậu đậm chất phù sa châu thổ. Theo những người cố cựu sống ở hai làng Bình Lương, An Thành nói lại, thì cù lao ngày trước nhà cửa thưa thớt, ít người lui tới. Tại đây chỉ có mỗi một xóm chài do dân sống nghề hạ bạc dựng lên.

Chuyện kể, rằng:

- Phía trên xóm chài, đi một đỗi chừng hút tàn thuốc sẽ gặp bãi nước trong, đục phân minh; không gian tĩnh mịch và rừng cây mọc ven sông bốn mùa tươi tốt. Rồi, những đêm êm ả, khi ánh trăng trải vàng mặt sông, cũng là lúc tiên nữ xuất hiện tắm gội, vui đùa nơi phần bãi nước trong và về sau này, người đời gọi đó là Tiên Châu.

Chốn đó, về sau mọc lên ngôi chùa Tiên Châu mà tía vợ của anh thường hay nhắc tới, đồng thời dặn:

- Dù bạn gì thì bạn, hai con đừng quên lên chùa lễ Phật.

Những khi uống rượu một mình, tía ngâm câu cổ thi treo nơi trung đường và nhà tổ ở chùa:

*Mộ cổ triều chung, cảnh tình ái hà danh lợi khách
Kinh thanh Phật hiệu, hoán hồi khổ hải mộng mê nhân.²*

Sáu Bảnh tin đây là đất lành, nếu đất không lành thì không thể nào có tên gọi Tiên Châu. Và tháng sáu, đất lành đó tràn ngập sắc vàng chín đỏ trái chôm chôm. Anh cố nén lòng buông bỏ quá khứ, cái quá khứ không đáng để nhớ!

Gà gáy rộ xóm!

Hai Diệu lồm cồm ngồi dậy lo nấu cơm sớm để vợ chồng lót dạ, và mang theo cho bữa ăn trưa lúc nghỉ tay hái chôm chôm.

Ngoài doi đất, âm thanh gió Tây Nam cuộn sóng dội bờ, nghe thình thịch!

3 Nhà thương Vĩnh Long giao trả chú Ba cho gia đình, thì cũng có nghĩa là bệnh của chú đã tới hồi vô phương trị.

Sáu Bảnh bàn với vợ:

- Hay là, cầm cố đất vườn chôm chôm, rồi vợ chồng mình đưa tía lên Sài Gòn chữa trị.

Thấy vợ lặng thinh, Sáu Bảnh động viên:

- Còn nước còn tát!

Thai nhi chồi đập trong bụng, Hai Diệu ói lên ói xuống, mặt mày phờ phạc, rối trí.

- Thôi thì trăm việc tùy mình!

Trời chưa tối hẳn, chỉ mới là chạng vạng thôi; vậy mà đom đóm đã lập lòe thấp đèn khắp vườn chôm chôm.

- Vợ chồng con Hai lên tía biểu!

Tiếng chú Ba yếu ớt, sự yếu ớt mồn dần theo hơi thở của người sắp đi xa. Cả tuần nay, dù thuốc thang cỡ nào, bệnh tình của chú cũng không thuyên giảm. Chú nằm lì lịch trong cái nóng hừng hực phát ra từ cơ thể.

- Dạ! Thừa tía, kêu tui con?

Chú Ba nắm tay con rể. Im lặng, chú không nói gì.

- Hai! Lại đây, con!

Bàn tay gầy khô nhăn nheo, chú sờ bụng con gái - cái bụng đang cưu mang đứa cháu ngoại sắp chào đời.

- Mấy tháng rồi, con!

Lời thì thào, tiếng được tiếng mất, chú hỏi.

- Dạ! Năm ngày nữa thì tròn tám tháng, tía ơi!

Hai Diệu nói trong nước mắt.

- Cố lên tía! Cháu ngoại đang mong được thấy ông ngoại cười khi cháu chào đời.

Giọng run run, Sáu Bảnh kềm lòng bi lụy.

Chú Ba nở nụ cười không thành tiếng. Có lẽ, chú muốn nói với hai con:

- Sống ở thác về, mọi thứ đều vô thường, chẳng có chi mà bịn rịn!

Đêm trầm ngâm trắng đầu mùa hạ.

Mùi hương chòm chòm theo gió trôi vào không gian tĩnh mịch quê nhà. Chú Ba vẫn chưa buông bàn tay con rể. Chắc là chú muốn trắng trời điều gì đó với con rể, nhưng chưa tiện thổ lộ.

Bất chợt chú khẽ khàng, chậm rãi:

- Tía thêm ăn... một trái chôm chôm!

Sợ tía nói trong cơn mê sáng, Hai Diệu nhảy mắt ra hiệu cho chồng đừng làm theo. Chú Ba vẫn cố nhắc lại đôi lần.

- Thì mình cứ ra vườn, hái một chùm chôm chôm đem vô cho tía vui!

Chẳng đợi chồng, Hai Diệu nghe lời chồng.

- Tía ơi! Chùm chôm chôm nè, tía!

Sáu Bảnh phụ vợ đỡ tía ngồi dậy. Chú Ba tựa lưng vào con gái:

- Tui bây có biết vì sao vô chôm chôm mọc đầy lòng không?

Mắt chú Ba vụt sáng.

- Tía già rồi, có sanh có diệt, và đó cũng là lẽ thường trong cõi người ta. Tui bây đừng vì thương tía làm nghịch lẽ đạo Trời.

Lời chú tuy rời rạc nhưng khúc chiết, rõ ràng.

- Lòng che chở vô, vô che chở thịt trái và đồng thời, nó giữ mùi hương đặc trưng nòi giống. Mất lòng, tui nó xóa bỏ tên gọi chôm chôm, vì tên gọi chôm chôm từ lòng mà thành danh.

- Dạ! Tui con hiểu, thưa tía!

- Bây hiểu mà vợ tính cầm cố miếng đất vườn chôm chôm? Có khác gì lòng vô chôm chôm lụn tàn, trái rụng!

Chú cố nói tiếp:

- Vì tía, hay vì xót thương từ lòng trắc ẩn? Cho dù vì cái gì đi nữa, thì cái vì đó hoàn toàn sai. Bởi lẽ, đất chôm chôm đem cầm cho người thì tui con và mai này, cháu ngoại của tía lấy chi để sống?

- Cầm cố đỡ khi thất ngật, rồi mai kia mốt nợ mình sẽ chuộc về!

Hai Diệu thiết tha bộc bạch suy nghĩ.

- Nhận tiền cầm cố xong, làm gì có ngày mốt ngày kia để mà chuộc về! Tiền đâu, tui con chuộc? Và, tía rồi thì cũng sẽ chết!

Giọng chú đứt quãng:

- Khi tía chết, tui con nhớ đóng sáu tấm áo quan sơ sài bằng gỗ cây bằng lăng mọc cặp mé sông trước nhà, rồi chôn trong vườn chôm chôm, đắp mộ đất để thi thể tía mau rã và đất đó rồi sẽ nuôi cây chôm chôm ngày một xanh tốt. Mai này, cứ nhìn cây chôm chôm trong vườn là thấy tía, thấy ngoại!

Trăng liếm qua thềm cửa và đêm tàn theo bóng trăng... ■

Ghi chú:

1. Như trụ sở Ủy ban Nhân dân xã ngày nay.
2. Chiều trống sáng chuông, cảnh tình khách say vòng danh lợi
Lời kinh hiệu Phật, đổi thay người trong biển khổ mộng mê.

Đường Lam còn đó

TRƯỜNG KHÁNH

Còn lại đó một màu Lam thánh thiện,
Niềm tin Lam bất biến giữa cuộc đời,
Dù cho trần thế nổi trôi
Tim Lam còn đẹp rạng ngời trong tâm.

Đường Lam sáng như trăng rằm đêm hạ,
Hương Lam thơm ngát tỏa bốn phương trời,
Tình Lam trải đến ngàn nơi,
Lý tưởng Lam sống xanh lời Như Lai.

Áo Lam mỏng nhưng dẻo dai bền chắc,
Dù sờn vai anh vẫn mặc, vẫn thương,
Hồn Lam đi khắp nẻo đường,
Gia đình Phật tử muôn phương kết đoàn.

Vẫn con đó đường Lam vàng ánh Đạo,
Sen trắng thơm với màu áo Lam hiền,
Trọn đời mãi mãi không quên,
Gia đình Phật tử viết nên Sử vàng.

Điệu buồn tháng Bảy

KIM HOA

Chút tình đọng lại trong tôi
Nghe hương vị đắng bồi hồi nhớ xưa
Hiên ngoài rả rích đêm mưa
Gió lao xao lá đong đưa giọt sầu.

Mùa về tháng Bảy mưa ngâu
Hầm hiu chiếc bóng canh thâu ngậm ngùi
Ngửa tay hứng giọt mưa rơi
Chạm miềm thương nhớ... đâu rồi! Mẹ cha.

Cũ xưa năm tháng trôi qua
Vẫn khung trời ấy trắng hoa hồng cài
Đắng lòng nếm giọt mắt cay
Nghe đêm thổn thức mưa dai dẳng buồn.

Qua cổng người dung

HOA NGUYỄN

Chiều ôm nổi nhớ về làng
Nghe hồn nhẹ lướt trên ngàn sóng xô
Bến Kè, ghe thúng nhấp nhô
Cập eo kín gió, vĩa bờ vắng hoe

Bà con chạy chợ cá về
Phơi xanh đồng lưới, kéo rê tay chèo
Đèn câu nhoay nhoáy dây neo
Rủ đàn chim biển về theo dân chài

Khê khà trà rượu lai rai
Tụ bàn mùa vụ sớm mai dong buồm
Thấp nhang cầu khẩn lắng Ông
Trời yên biển lặng dịu giông sóng dầm

Hồn treo ngọn gió vương mang
Qua ruộng muối kết tinh, làng Hòn Thiêng
Ao đĩa tôm nhảy đục phèn
Quạt quay sục khí luân phiên sớm chiều

Rặt mùi biển cạn thuyền xiêu
San hô, vỏ hến đắp nhiều đụn doi
Khăn nâu đầu vắn mặn mòi
Xoay trần mặt mộc, da mỗi rám lung

... Nẻo về qua cổng người dung
Chợt lòng rộn rã như từng mến thân

Náo động

THANH TRẮC NGUYỄN VĂN

Ta buồn náo động thời gian
Phím đàn vọng giữa tay ngoạn ngữ vùi
Tìm em ngày chủ nhật cười
Lời ca gởi gió, gió lười không đưa!

Ta buồn náo động âm xưa
Lá trắng rôm rốp vỡ mùa heo may
Mưa rơi ướt bóng hình hài
Bước chân hoá thạch một ngày không em!



Tháng Bảy con về...

TỊNH BÌNH

Tháng Bảy giọt mưa nào như khóc
Ngày con xa chốn nhớ quê nhà
Bụi chuối hàng cau dầm mưa lệ đầm
In vào lòng nỗi nhớ thương xa...

Thương da diết chái nhà con mưa tạt
Mùi cơm sôi khói bếp chẳng ưu phiền
Con đường nhỏ mưa lầy nặng bụi
Ngày đến trường hai buổi hồn nhiên

Cánh diều tuổi thơ bỏ lại ngang trời
Bến đục bến trong rẽ dòng đời ngã
Chân bước hụt sau bao lần vấp ngã
Chợt òa thương mây trắng tóc mẹ cha

Ước trở về làm đứa trẻ lên ba
Sà vào vòng tay nghe bà kể chuyện
Ông Bụt bà tiên bao điều thánh thiện
Giấc mơ trưa cổ tích thật hiền

Tháng Bảy con về... mưa hát khúc bình yên...

Mùa lạnh thăm...

NGUYỄN THỤY VÂN ANH

Có một mùa rất lạ
Biêng biếc về ngang trời
Nắng loang đầy lối hạ
Cánh phượng hồng rơi rơi

Chia tay mùa hạ cũ
Con đường về chia đôi
Bầy chim tìm chỗ trú
Dấu chân người xa xôi

Mưa buồn giăng mắt phố
Ướt tà áo em bay
Tóc rối chiều thương nhớ
Thao thức một vòng tay

Em về ngang phố vắng
Những dãy nhà rêu phong
Đi qua chiều im ắng
Tiếng thơ dài rất trong

Ngày hôm qua bắt tận
Nhật tàn dư lở lẫm
Con đường về bao bận
Mùa trút lá lạnh thăm...



Về

PHAN THÀNH MINH

Về thôi với mái tranh nghèo
Với đồng đất bạc sớm chiều mẹ chăm
Với đũi kén với nong tầm
Với xuân tròn khuyết bao năm em chờ

Một nong kén chín nén tơ
Một giây đợi chín giây ngờ tin
Chỉ khi ngồi với bóng mình
Mới thương mới cảm hết tình quê hương

Tương cà no muối dậy hương
Ấm lòng thơm thảo nắng sương quê nhà
Đêm tài tử khúc dân ca
Thương thăm nhớ trộm lân la kiếm tìm

Xuân đi lúa trở vào chiêm
Hạ về tay hái tay liềm xô xao
Mai sau dù có thế nào
Vẫn trồng dây bí vẫn rào dây khoai.

Cha và con

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Cụ là vị tướng duy nhất của dòng họ, là niềm tự hào của gia tộc và làng xã, nhờ ơn cụ mà con cháu đều thành đạt, nhờ phúc ấm tổ tiên mà cụ vẫn khỏe mạnh, mình mẫn ở tuổi 90". Ấy là lí lẽ dẫu con đưa ra để thuyết phục cụ Tính ưng thuận cho chúng tổ chức mừng thọ.

Đáp lại, bậc cao niên xua tay: "Rình rang lễ lạt làm gì, đâu phải mâm này quà nọ mới thể hiện lòng hiếu đễ. Nếu cần, cha con, ông cháu quây quần bên ly rượu, ấm trà, cùng ôn nghèo kể khổ rồi chúc nhau; vậy có phải đầm ấm hơn không?!"

Cứ đơn giản như thế thì ông bà Toàn - tức con trai và con dâu cụ - không thông rôi. Việc này, trước khi trình cha, họ đã nghĩ nát nước; đâu chỉ đối nội, còn phải đối ngoại nữa. Lâu nay, các đám hiếu hỉ người ta, đám nào ông bà cũng có mặt; có hôm hai ba thiệp mời, cứ như phải chạy show. Nhưng nhà này chưa có công to việc lớn để mọi người chia sẻ. Cậu Hai ra trường là bám lấy cái thành phố to nhất nước ở phương Nam rồi dính luôn một cô trong ấy. Đám cưới cậu, chỉ có mấy người tâm phúc cùng công ty ông Toàn bay vào. Còn cô Ba du học bên Tây, giữa trắng trời bằng tuyết của xứ người, đã kết luôn một anh đồng môn da trắng mũi lõ, chẳng cưới cheo gì. Thành ra ông bà đều trông vào dịp đại thọ tới đây của cha với bao dự tính, trong đó có cả những điều không tiện nói.

Không nói nhưng bà Toàn đều nghĩ xa gần. Điều bà lo là ngày chồng rời chiếc ghế giám đốc công ty đang cận kề. Dù ông đã nhiều lần tìm cách "đổi trắng thay đen" cho mái tóc, rồi lại đến thẩm mỹ viện kéo da, xóa nếp thời gian... nhưng cũng chẳng thể đảo ngược được tình thế khi tuổi 60 đang xông xộc lao tới. Về hưu, với ai là đồng nghĩa nghỉ ngơi, thanh thản nhưng với bà thì khoảng đời còn lại khác nào chiếc xe xuống dốc, khác nào đã xô một chân sang thế giới bên kia. Bà biết, trong nhiều trường hợp, chuyện hiếu hỉ, tình nghĩa thời nay cũng đậm chất thị trường. Thế mới có chuyện, đám cưới con rể, đám ma cha mẹ rể thì vô số tiền, quà, xe, hoa nhưng vô phúc đám ma rể thì phải... hai lần buồn.

...

Sau một đêm mất ngủ, lục xem lại những cuốn nhật ký thời chiến tranh, cụ Tính gọi con trai và con dâu lại. Cụ đồng ý tổ chức mừng thọ nhưng phải đơn giản, mời ít khách. Cụ bảo tổ chức vào ngày 10 tháng Tư, tức là lùi

lại hơn tháng so với dự định của dẫu con. Ông bà Toàn vừa mừng vừa ngạc nhiên. Bà gạt phắt khi ông định hỏi cha sao không tổ chức vào tháng Hai cho mất mẹ: "Ôi, tâm tính người già! Hỏi lại, không khéo cụ đổi ý, đằm hư sự. Chỉ cần cụ gặt cho một cái là xong!". Bà cười hể hả.

Làm theo nếp xưa hay "tân cổ giao duyên"? Bàn đi tính lại, cuối cùng vợ chồng bà chốt lại - thôi thì xua bày nay bắt chước. Phương châm là thể nhưng khi bập vào cụ thể cũng nhiều khê lằm. Cụ mặc quân phục với quân hàm tướng đĩnh đạc oai nghiêm, hay khăn đóng áo dài đỏ có chữ Thọ làm nền trong ngày trọng đại ấy? Cụ ngồi xa lòng nệm mút hay ghé ghế khảm trai với tứ linh chạm nổi, sang như ngai vàng của bậc đế vương? Nhưng liệu cụ có chịu ngồi vào đó để con cháu tặng quà rồi tế sống không? Ông Toàn tìm đầu mấy clip quay cảnh mừng thọ về đảo đi đảo lại, tham khảo. Rồi ông tắt bật đi đặt thiệp mời, nhờ cả người viết "đít-cua".

Ngoài lo chuyện cỗ bàn, bà Toàn nhờ người tin cậy chuẩn bị theo dõi khách, ghi chép quà mừng để sau này đáp nghĩa với họ. Bà dự tính hơn 50 mâm, tức hơn 500 khách. Khách chủ yếu là bạn của vợ chồng ông bà; khách riêng của cụ chỉ có bảy người. Con số bảy khiêm nhường khiến họ tò mò nhưng không dám hỏi lại cha. Khách quê, chỉ mời mấy người ruột thịt. Cụ Tính muốn mời thêm bà con đại diện gia tộc nhưng bà dâu bàn lùi: "Người quê tham công tiếc việc, đường xá xa xôi, mời lại thêm nỗi lo cho họ". Ấy là nói khéo thôi; thật ra, bà ngại tốn kém khoản đón đưa, ăn ở.

...

Hình như cụ Tính chẳng mấy để ý cái lễ mà cụ là người trung tâm. Sáng dậy sớm tập dưỡng sinh; sau điểm tâm là đọc báo (thường dừng lại lâu ở hơn mục 'tin buồn' trên trang 4) rồi ghé thăm mấy bạn già ở cạnh. Gần ba mươi năm rồi lịch sinh hoạt của cụ vẫn đều đều thế. Hối còn khỏe, cụ hay có những chuyến đi xa tìm hài cốt đồng đội hay thăm người quen cũ. Những dịp đó, cụ thường gặp riêng con trai, gợi ý "tài trợ". Lương hưu cấp tướng cùng các khoản phụ cấp cũng khá nặng túi nhưng dẫu con cứ lảng đi như không biết, để cha thoải mái sử dụng. Chẳng thấy cụ tiêu gì. Mua sắm đã có con cháu lo, nhưng thỉnh thoảng cụ lại rỉ tai con trai hỏi khoản "đầu tiên". Có lần nhận tiền từ tay con, cụ buột miệng, giọng áy náy: "Tụi nhỏ học hành bây giờ tốn lằm!". Nghe con hỏi lại, cụ cười: "À, là con một anh bạn ấy mà". Lần khác, vừa bỏ tiền vô túi, cụ vừa phẩn khởi

giải thích: “Khoản này góp phần xóa đói giảm nghèo đây”. Nghe thế nhưng ông Toàn không hỏi kỹ, sợ có gì sơ suất, khiến cha phật ý.

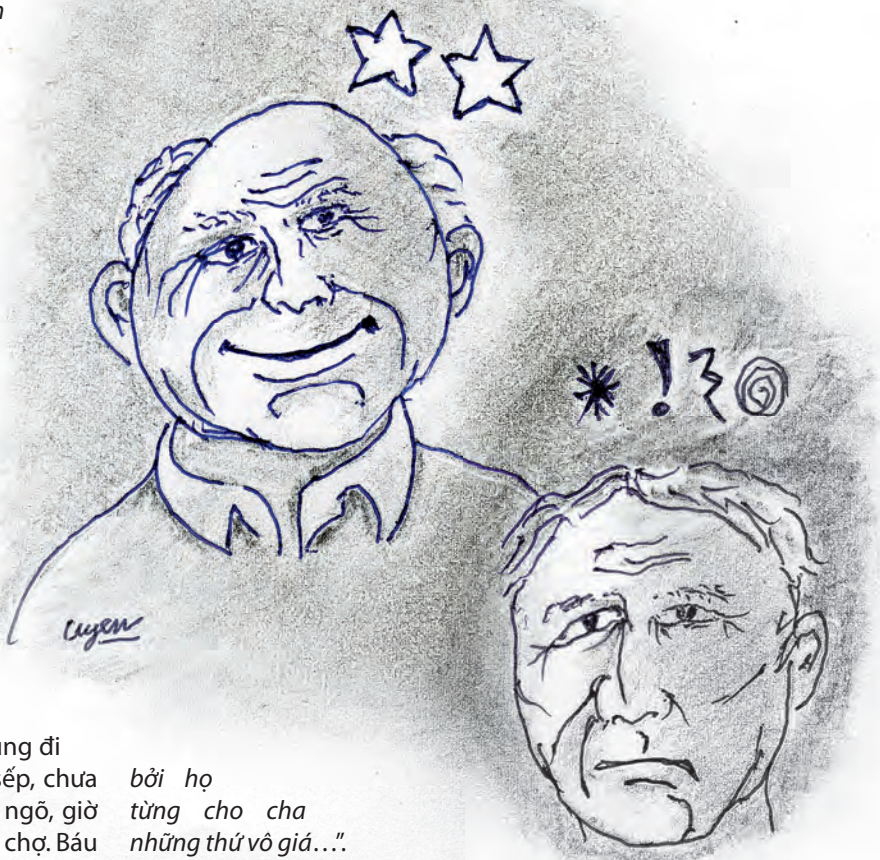
Khi những thiệp hồng có in chữ Thọ to đùng cùng hình cụ già râu tóc bạc phơ quay quần bên con cháu được gửi đi các nơi thì bà Toàn nhận được tin chồng sắp nghỉ hưu, sớm hơn mấy tháng so với quy định. Tin đồn nhưng lan nhanh hơn sóng điện. Bà bực tức nghĩ: “Đứa ba que xỏ lá nào muốn chọc gậy bánh xe, muốn phá đám đây”. Chưa chi đã có khối tay trở cờ ra mặt. Nhiều anh khi trước lúc nào cũng xun xoe, đổi diện sếp cứ nhưn như cọng bún tươi, giờ đã đồng thanh hô biến. Không thể dùng nhưng bà biết lẽ mừng thọ sẽ không đạt những gì bà ấp ủ.

...

Chẳng quá bi quan như bà nghĩ, mọi người đến dự khá đông. Nhưng bà cảm tưởng, không khí cuộc vui chùng mịch quá. Đây, nhiều tay mồm dẻo như kẹo kéo, khi nhà sếp có việc cố tỏ ra lo hơn cả việc nhà, giờ cũng đi trễ. Trước đây, mấy anh cùng ê-kíp, tới nhà sếp, chưa thấy người đã phe phé tiếng cười cầu lợi từ ngô, giờ ngồi tiệc mừng mà hững hờ như ăn hàng giữa chợ. Báu gì căng mấy tấm bạt, kê thêm mấy bộ bàn ghế ngồi uống nước mà bà “a-lô” vào phòng hành chính nhờ cho người ra giúp, tay trưởng phòng lại xuýt xoa kêu bận. Nhìn quà mừng xếp đầy dãy bàn, bà lắc đầu ngao ngán. Biết làm gì với những bức trướng liễn, câu đối, tranh ảnh cùng những thứ chẳng hữu dụng kia?!

Hoàn toàn không để ý những bức dọc của dâu con, cụ Tính mãi lảng xãng bên những người bạn. Chưa bao giờ thấy cụ vui như thế; chuyện trải dài từ thời còn là anh Vệ quốc đoàn, đầu trần chân đất, chỉ gươm giáo và lựu đạn tự chế mà xông vào xe tăng Tây đến chuyện rầm rập trong đoàn quân tiến về thành phố năm ấy. Chỉ bảy người nhưng bạn của cụ mỗi người mỗi vẻ. Người lấp lánh quân hàm đại tá, bên mấy ông vét-tông giầy tây bóng lộn được giới thiệu là chủ tịch huyện, giám đốc sở là mấy người mang mặc xuề xoàng và đen gầy, nhìn qua cũng biết là chủ nhân của đồng ruộng. Có ông cụ tay, đầu lất ngất, ăn nói phều phào, chắc bị động kinh. Cụ Tính luôn ngồi cạnh người đàn ông thương tật ấy, hết tiếp thức ăn lại bỏ đá, rót nước ngọt cho ông. Khi khách đã vãn, cụ gọi con cháu lên nhà trên. Cụ chỉ ghế cho từng người, nét mặt nghiêm trang như sắp vào hội nghị. Mấy ông bạn già cũng thôi chuyện, nhìn cụ chờ đợi.

“Đây là những đồng đội từng sống chết cùng cha”, cụ hướng về phía vợ chồng con trai. “Hôm nay, họ đến mừng thủ trưởng cũ nhưng cha không cho mang quà gì



bởi họ
từng cho cha
những thứ vô giá...”

“Xin giới thiệu với anh chị và các cháu”, ông mang quân hàm đại tá đứng lên, tươi cười tiếp lời cụ. “Bây chúng tôi đây đều là cán vụ riêng của thủ trưởng, từ khi cụ là cán bộ trung đoàn, sư đoàn rồi quân đoàn, quân khu”.

Họ nhìn nhau thân tình. Cụ Tính đưa mắt dõi theo ánh trăng ngoài cửa sổ, giọng bồi hồi, như nói riêng với các con: “Hôm nay giống như ngày cha được sinh lần thứ hai. Đúng ngày này năm mươi năm trước, địch phát hiện bộ chỉ huy sư đoàn của cha đóng ở Hòn Tàu, lập tức gọi bom pháo đánh cấp tập. Trong giây phút hoảng loạn bất ngờ; người cán vụ đã nằm đè lên thủ trưởng. Liên đó, cha cảm thấy người nóng hổi, đầm đìa máu; thì ra là máu người chiến sĩ đã cứu mình. Vì che chở cho thủ trưởng mà người ấy phải ngã dại thế này đây”.

Cụ Tính ôm lấy ông thương binh cụt tay đang ngồi gần. Cụ khóc, nước mắt dàn dụa trên khuôn mặt nhăn nheo. Cả nhà ngồi lặng. Ông đại tá đặt tay lên vai người đồng đội thương tật, chia sẻ: “Anh An đây cũng nhờ cụ lắm. Nếu không có thủ trưởng trợ cấp, chắc gì các con anh ấy đã được học hành đàng hoàng và gia đình sớm thoát được cảnh nghèo, phải không anh An?”.

Ông đại tá nắm lấy bàn tay còn lại của ông An lắc lắc. Đáp lại, người ấy gật đầu lia lịa, mặt quay đi cố giấu những những giọt nước mắt.

Nhìn cảnh ấy, con cháu cụ đều lặng người... ■

Em về với phố

LÊ HỨA HUYỀN TRẦN

"Em về với phố. Cứ mỗi lần em về với phố trong nhà bỗng vắng vắng đi những nụ cười, chiếc mâm bốn người bỗng vắng đi một đôi đứa, ba mẹ và cả tôi thềm những bữa cơm đông đủ đến độ tiếc ngẩn ngơ. Nay em đi làm xa xứ, những tiếng cười heo hắt chỉ đọng lại trong mỗi bữa cơm, cuộc sống bên ba, đủ để tôi nhớ về em, hiện tại chẳng thể nào bằng kí ức. Điều ấy, đôi lúc nghĩ thật đau lòng".

Chị em tôi lớn lên bên nhau, yêu thương và thiết thân đến độ chẳng khi nào có ngày hai đứa sẽ xa nhau dù sóng gió cuộc đời có đưa đẩy cả hai đến mức nào chăng nữa. Tôi hãy còn nhớ có bạn, hai đứa ngồi coi phim, nhìn thấy cảnh hai chị em nhà nọ cãi nhau, nó đương không ngồi khóc tu tu:

- *Chị ơi, chị hứa nha, mình đừng bao giờ cãi nhau như vậy hết... Cãi vậy là xấu lắm, xấu lắm.*

Tôi vuốt tóc em thơ, miệng thay những nụ cười rất rõ. Chị em tôi quấn nhau mà lớn lên, ba mẹ biến biệt theo những chuyến hàng xa, thứ để lại duy nhất cho con là sự đủ đầy nhưng đông tràn nỗi nhớ. Hai đứa tôi thương nhau mà lớn. Còn nhớ có bạn bảo chọt về, nhà đột tứ tung, hai đứa quấn mền thành một cục với nhau, thanh âm duy nhất trong đêm là tiếng nước nhỏ trên mái rơi xuống xô nghe toong toong thấy vui tai. Em ngồi cạnh tôi, ánh đèn dầu không cũng làm em thấy sợ. Nhà lúc ấy tường thì ẩm ướt tỏa hơi rất lạnh. Hai chị em ngồi nhìn mưa suốt cả đêm. Nhà cạnh bờ ao, nước tràn cả ruộng rau muống trước ngõ.

Em hỏi tôi:

- *Có khi nào sáng ngày rắn dưới ruộng bò lên bờ không hả chị?*

Tôi cố đầu em cái tội giỏi nhất mình. Ấy thế mà lúc đó, một khúc củi trôi vào làm tôi giật bắn, khóc ngẩn ngơ, em lật khúc củi đang trôi hững hờ cười như nắc nẻ. Lũ trẻ xóm tôi thích những mùa nước nổi hơn là người lớn bận bịu với những bữa mưu sinh. Vì mỗi khi mưa về, nước từ ao tràn lên xóm nhỏ, đủ tới đầu gối, đồng thời cá cũng tràn lên một ít. Chúng tôi thích những hôm sáng trăng, từng đàn cá chọt nhỏ xíu bơi lượn trên đường làng, và chúng tôi thi nhau mang rổ mà úp, mà vục về nấu cháo. Nhưng mấy anh chọt nhà ta cũng tinh ranh đảo để lượn rất nhanh, mà trên người lại có những thứ hơi nhọn như gai chích vào tay sẽ dễ chảy máu. Mưa về, người lớn chẳng buồn xuống nước vì dầm nước cả sáng ngày, chỉ có lũ trẻ, đứa này níu tay đứa kia, lội nước đi vớt cá. Thi thoảng tôi phải hét lên với đám nhỏ:

- *Mấy đứa đừng có lại gần chỗ đó, vớt ở chỗ phía trong này này, ra đó là gần mép ao rồi, hụt chân, sâu lắm đấy.*

Vậy mà tụi con Út Ngọc, Út Thu cứ mon men theo mấy chú cá lại gần đó, có bạn suýt té được mấy đứa giữ lại tự nhiên ôm nhau khóc rình rang. Tưởng bạn này sợ nhưng hôm sau vẫn vác rổ đi vớt cá cho kì được. Đám trẻ nhà quê chúng tôi ham chơi thì ít mà thương ba thương mẹ thì nhiều.

- *Nghĩ bọn bây không đi nữa. Chưa tồn à?*

Con Út Ngọc thỏ thẻ:

- *Không đi sao đặng? Nước ngập lúa bữa giờ, ba má tao chẳng đi làm chi được. Lúa trắng đồng cũng chỉ tồ béo cho mấy lũ vịt.*

Rồi nó cười hì hì, nhanh tay vục. Em tôi chẳng nói tiếng nào, lại gần nhỏ, đổ nguyên cả giỏ cá vào rổ:

- *Mày mang về nấu cháo cho ba má mày đi. Hôm qua mày dầm nước cả ngày rồi khéo bệnh.*

Con Út Ngọc rưng rưng, đám trẻ thấy thế chẳng ai bảo ai, cũng chia sót cho nó một ít, thằng Cả Lạc hay gheo nó cũng nhanh nhẩu trút vội mớ cua vừa mò, nhưng "chảnh" thế nào lại hất cầm lên chống nạnh bảo:

- *Mớ cua ấy mới mò, nhà tao chả ai thèm ăn, tao cho mày tất.*

Làm cả lũ phì cười. Nhỏ xách giỏ cua lưng thững về, chúng tôi nghe trong gió dội về tiếng nó khoe: "Mấy đứa cho con đó má, mình nấu cháo nổi thiệt bự chia cho tụi nó nữa nha má", tôi bất giác nhìn, những đứa nhỏ xóm tôi vẫn đang hì hục vớt cá nhưng đứa nào



cũng nở nụ cười. Em tôi xách giỏ cá còn chút ít lợi về kho, trong nhà, nước đã thấp đi chút ít, độ cao hơn mắt cá chân, hai đứa nấu cơm muộn, và nước ở chân cho khô leo lên tấm phản nhỏ ngồi, cơm nghi ngút khói, miếng cá kho còn thơm mùi mắm.

- *Chùng ba má về mình cũng vớt cá, cũng làm kho cho ba má ăn chị ơi.*

- *Đần, ba má về có còn nước nấu nữa đâu.*

- *Hay giờ mình kho để đó ba má về ăn chị?*

- *Càng đần nữa, đợi ba má về cho cá nó thiu hết à!*

Nhìn nó tiu ngưu chẳng hiểu sao lại thấy thương ôm vào lòng: "Cứ ráng học kho cá thiệt ngon đi, đợi ba má về kho cá khác". Chân trời tuổi thơ của tôi là với nó, với những lần đùm bọc nhau những ngày như vậy, rau cháo nuôi nhau. Nó học giỏi, chẳng bù với tôi lúc nào cũng lao vào những trò đùa nghịch. Khi tụi tôi bước vào cấp ba, ba mẹ ngừng những chuyến đi. Gia cảnh bắt đầu bước vào những khó khăn, ba tôi hay trở trời đau nhói bởi vết thương đau chân hành hạ, mẹ lại yếu. Hai đứa tôi vừa làm vừa học, tối bận tôi phát hiện mình bị đau gan, cũng may là chưa biến chứng nhưng thi thoảng lại trở đau không làm gì được, chỉ biết nằm nhà. Em tôi miệt mài theo má gánh lúa ra đồng, chân hong nắng đỏ hồng, lúc nào cũng thế, học xong trước tôi rồi phụ mẹ, vỗ ngực tự hào: "Chị ngồi học đi cho vững, em phụ má được rồi." Nó thay ba đảm việc nhà, cứ như trụ cột gia đình, từ một cô bé yếu đuối thành một người mạnh mẽ, mái tóc cũng ngắn dần đi. Bàn tay em yếu đuối nhỏ bé ngày nào bắt đầu thấm những vết chai, tôi vào đại học.

Lên đại học bắt đầu học nặng, tôi học trường nhỏ, nhưng kinh phí cũng đè nặng cả gia đình, học được một năm em tôi nhận giấy báo vào trường đại học trên phố, khỏi phải nói gia đình tôi hãnh diện cỡ nào. Ngày trước khi nó xách balo đi hai đứa tôi cùng nằm cạnh nhau không ngủ được. Qua những chấn song bằng gỗ của cái cửa sổ mái tranh không bao giờ khép, ánh trăng vàng vọt hắt vào. Nó hỏi tôi:

- *Nếu không học đại học mình cũng đỡ khoản tiền chị nhỉ?*

Tôi lắc đầu quầy quậy:

- *Bậy, em mà không đi học người ta sẽ xem như em là kẻ vô học, người ta nói ba má mình không còn gì hết đó.*

Em im lặng không nói tiếng nào. Sớm sau thức dậy tôi không thấy nó, nghĩ nó đi mà sợ tôi buồn nên không từ biệt, bằng tới hôm nó cùng má về sau buổi làm đồng. Tôi ngơ ngác:

- *Ơ, con bé này, sao chưa đi?*

- *Nghĩ lại thì em không nên đi chị ơi. Tiền đã không có, em nghĩ em nên để nhượng lại cho năm sau cũng được, cứ để chị học cho hết đã.*

Chẳng hiểu vì lẽ gì mà trong lòng tôi vừa giận dữ, vừa uất ức mà lại thấy vừa bắt lực trong lòng, miệng tôi như thuộc về một kẻ nào đó thật ác độc:

- *Nuôi mày lớn chùng này cho mày học cho nên người chứ không phải để mày thành kẻ ăn bám cha mẹ, học không ra học, chơi không ra chơi.*

Em sững lại nhìn tôi không nói gì, cả tối hôm đó hai đứa không nhìn mặt nhau, hôm sau, em đi. Em đi từ khi còn khá sớm, và chúng tôi không còn liên lạc từ đó. Cứ như một sự mất tích, em biến mất. Không thông tin gì về em, ba má khóc hết nước mắt, còn tôi đắng lòng chẳng nói rõ thành lời. Đầu óc tôi chỉ quanh quẩn với những nghĩ suy rằng việc em bỏ nhà ra đi là tại tôi, tại những câu mắng em của tôi ngày hôm đó. Ngày này qua ngày khác, tôi lần la hỏi khắp nơi về em, tóc ba sau những đêm bạc trắng, tiếng mẹ khóc thổn thức mỗi đêm, tôi như một cô bé thu mình lại trong bốn bức tường. Phần vì lo cho em, phần vì dằn vặt. Bẵng đi mấy tháng, em về. Ba mẹ ôm em khóc như mưa, còn tôi chỉ biết đứng sững nhìn em phía trước. Em đã có công việc ổn định trên phố, không học tiếp con đường đại học còn dang dở. Em không nói nhiều về cuộc sống em nơi phố thị, chỉ xin lỗi thật nhiều, còn ba mẹ chỉ biết ngồi khóc rung rúc.

- *Có phải ngày ấy em đi là vì chị không?*

- *Không, vì em nhận ra mình không có điều kiện học tiếp. Nếu số phận em đã dang dở em không muốn chị cũng như thế. May thế nào lại có công việc ổn định trên phố, bởi thế em muốn lo thật chu tất mọi việc rồi mới về. Em muốn có thể lo được cho gia đình mình.*

Nghe em nói, tôi chỉ biết im lặng trước những nghĩ suy trẻ con của mình.

- *Làm trên phố ổn không em?*

- *Ổn mà chị. Em không quan tâm vất vả, quan trọng là nhớ nhà, và cứ mỗi khi nhớ nhà, em lại cố gắng làm thật nhiều, nỗ lực thật nhiều - Rồi đột nhiên, em im lặng - Chị có ghét em không? Khi em bỏ đi đột ngột như thế? Quãng thời gian ấy chắc chị đã suy nghĩ rất nhiều...*

- *Nhiều chứ. Nhưng trên hết, chị bất lực khi nghĩ rằng tại chị mà em đi. Chị đã không biết những gì em chịu đựng khi từ bỏ ước mơ đại học của mình. Chỉ biết bất lực và trách em mà thôi.*

Em ôm tôi lại không nói gì nữa. Hai đứa ngồi ngắm sao đêm, cả một trời tuổi thơ dập dìu phía trước. Có khác chẳng giờ hai đứa cả hình hài lẫn tâm hồn không còn vô tư lự như ngày xưa nữa, đều đã thuộc về những miền rất khác, những khoảng trời người lớn mà hai đứa phải đón nhận. Tôi không hỏi nhiều về cuộc sống nơi phố thị của em, bởi nhìn bàn tay gầy guộc, và chai sạn của em dường như tôi đã hiểu cả. Chẳng phải vì tôi không quan tâm em mà tôi hiểu, em tôi, đến một lúc nào đó khi thật sự cần thiết, khi em quá mệt mỏi và chán chường, em sẽ tìm đến tôi, ôm lấy tôi. Vì tôi biết cô em bé bỏng của tôi, có những thứ nó biết, nó cần, nó sẽ tự nói ra, chứ đừng bao giờ quyết định thay nó. Và cứ mỗi bận về thăm nhà ngăn ngày xong em lại đi, bươn chải nơi phố thị, đỡ dần cả nhà qua yêu thương xa xứ...

Em về với phố

Ba mẹ nhớ tiếng cười đến độ khóc ngẩn ngơ

Tôi vuốt tóc em còn thơ

Thèm nghe tiếng em tới mức như phát cơn rồ dại. ■

Hãy là người hạnh phúc

HOÀNG NGUYỄN

Hạnh phúc là gì? Nhiều người nói hạnh phúc cũng giống như tình yêu, có hàng trăm đường định nghĩa. Với người này có thể là thưởng thức một bữa ăn ngon, mặc một chiếc áo đẹp, đi một chiếc xe mới... nhưng với người kia, hạnh phúc có thể là được ở gần bên người mình yêu, được khỏe mạnh không còn bệnh tật... Những điều đó cũng được xem là hạnh phúc, nhưng ở mức độ cạn kiệt bên ngoài, chỉ là những niềm vui ngắn ngủi, thoáng qua, những cảm giác thỏa mãn nhất thời, không bền lâu. Hạnh phúc mà tôi muốn nói ở đây là niềm hạnh phúc sâu thẳm bên trong, bắt nguồn từ nội tâm an bình, tĩnh lặng, tự tại và thông dong, không phải đến từ bên ngoài.

Trong một bản kinh thuộc *Tăng chi bộ*, Đức Phật có nêu ra những thể dạng hạnh phúc, hạnh phúc tại gia và hạnh phúc xuất gia, hạnh phúc thỏa mãn các tham muốn và hạnh phúc buông bỏ tham muốn, hạnh phúc sanh y và hạnh phúc không sanh y.

Hạnh phúc thỏa mãn các tham muốn và hạnh phúc sanh y là hạnh phúc có điều kiện, phải dựa vào cái khác mới có. Hạnh phúc ấy là thể dạng đối đãi, có hạnh phúc thì sẽ có khổ đau phiền muộn, có niềm vui thỏa mãn thì sẽ có nỗi buồn và sự chán ngán. Trong vui sướng đã có bóng dáng của khổ đau, trong hạnh phúc đã có hình hài của phiền não. Cho nên Đức Phật đã nói rằng sâu muộn chỉ có thể khởi lên đối với ai vui sướng và vui sướng chỉ có thể khởi lên đối với ai sâu muộn.

Trái lại là hạnh phúc buông bỏ tham muốn và hạnh phúc không sanh y, một hạnh phúc vượt lên trên thứ hạnh phúc đối đãi, nhị nguyên giữa vui sướng và khổ sầu. Một hạnh phúc sâu lắng, an lạc xả buông nhiệm mầu, không cần có duyên có, chẳng đòi hỏi điều kiện, cũng không phụ thuộc vào việc xã hội công nhận mình là ai hay là gì trong mắt người khác.

Sống ở đời, chúng ta luôn tìm cho mình một chỗ đứng, một vị trí, một danh phận, để được xã hội thừa nhận mình là ai đó thì mình mới hạnh phúc. Ngay từ thời học phổ thông ta đã được dạy: *"Đã mang tiếng ở trong trời đất, phải có danh gì với núi sông"*, rồi lớn lên ta bị cuốn hút bởi hào quang của danh vọng, ta nỗ lực tìm kiếm cho mình cái hào quang ấy để đội trên đầu mà đi. Một xã hội mà đặt nặng danh vọng, xem danh vọng là cứu cánh tối thượng thì con người ta không còn thấy được ánh sáng nào khác ngoài cái hào quang phù du của danh vọng ấy nữa. Tôi không có ý nói nỗ lực tìm kiếm danh phận, địa vị ở đời là tiêu cực, là sai;

điều tôi muốn nói ở đây là ta không hiểu đúng về giá trị của danh vọng. Cái sai của ta là khi nghĩ rằng hạnh phúc thật sự là khi đạt đến danh vọng, được xã hội thừa nhận. Ta nghĩ rằng nếu không có chỗ đứng, địa vị, danh phận... ở đời, thì sẽ bị xã hội lãng quên, bị mọi người bỏ rơi, không ai quan tâm tôn trọng mình. Ta có cảm giác rằng mình sống giữa xã hội mà như người vô hình, không ai biết mình là ai. Ta thấy mình sinh ra như bị thừa thãi, cuộc sống dường như mất hết ý nghĩa và không có giá trị, hạnh phúc cũng vì vậy mà bay xa. Chính vì điều này mà bác sĩ Prashant Kakode đã nói: *"Chúng ta cần phải hiểu rõ rằng bản thân sự thành công, tìm danh tiếng không phải là điều sai; nhưng khi ta xem chúng là cơ sở mang lại niềm vui cho con người thì ta đang lầm lạc vào một nhận thức sai"*.

Bạn không cần phải là gì trong mắt người khác, không cần phải chứng tỏ mình là người giàu có, tài năng, giỏi giang hơn người để được mọi người công nhận. Cái đó chỉ làm thỏa mãn cái tôi và nuôi lớn bản ngã mà thôi. Bản ngã luôn núp dưới danh nghĩa thể hiện mình. Thể hiện mình là gì đó là sự thôi thúc âm thầm của bản ngã. Bạn không cần thể hiện mình là gì cả. Bạn chỉ đơn giản là người hạnh phúc, vậy thôi, không cần phải là gì nữa cả. Bạn cũng sợ rằng buông bỏ bản ngã như thế là đánh mất cá tính của mình, mình không còn là mình nữa, đúng không? Nhưng đó là cái sợ của bản ngã, không phải là con người thật của chính bạn. Khi thực sự buông bỏ bản ngã, bạn không còn là gì nữa, lúc này bạn mới thực sự là chính bạn, là con người thật của bạn. Bạn không còn là người quan trọng hay gì gì đó nữa. Bạn lột hết những nhãn mác gắn lên cuộc đời bạn, lúc này bạn mới chính là bạn, con người thật của bạn mà trong Thiên tông gọi là *bản lai diện mục* hay là mặt mũi xưa nay của mình. Con người đó mới thực sự là con người của hạnh phúc, của an lạc.

Bạn cũng luôn lo sợ rằng mình bị đánh giá thấp trong mắt người khác, sợ bị thấp kém, sợ bị thua thiệt, sợ người khác xem thường, những cái sợ đó làm cho bạn không còn là chính bạn nữa, không còn là con người hạnh phúc đích thực nữa. Con người thật sự của bạn là con người hạnh phúc, nhưng vì bạn cứ cố gắng để trở thành người này, người kia, cố gắng để được mọi người thừa nhận mình là ai, là gì đó khiến bạn đánh mất chính mình và đánh mất con người hạnh phúc vốn có uyên nguyên của mình. Có lẽ từ ý nghĩa này mà một vị thiền sư lỗi lạc thời nay đã nói: *"Hạnh phúc là được là chính mình. Bạn không cần phải được thừa nhận bởi người khác"*.



Do đâu chúng ta trở nên tranh đấu, giành giật, chiếm đoạt, ganh ghét, đố kỵ, hơn thua với nhau? Là do chúng ta thiếu vắng bình an, hạnh phúc nên đấu tranh, giành giật, hơn thua với người để mong mang về chút hạnh phúc cho mình. Nhưng những điều đạt được từ việc đấu tranh, giành giật, hơn thua ấy không cho bạn bình an, hạnh phúc thật sự, mà trái lại khiến cho bạn trở nên căng thẳng bất an hơn. Cho nên, con đường tìm kiếm hạnh phúc, bình an thật sự không phải là con đường đấu tranh giành giật, chiếm đoạt, hơn thua với người. Nếu có hạnh phúc thật sự trong lòng thì mình không có nhu cầu tranh giành lợi lộc, quyền hành với ai, không cần phải hơn ai làm gì. Bởi vì khi đã chứng nghiệm được hạnh phúc tự nội rồi thì mình không cần phải là gì nữa cả, không cần phải thật là giàu có, quyền hành lớn hay danh vọng cao ngất, không cần mình phải ở trên người này, trước người kia.

Con người ta sở dĩ tàn hại lẫn nhau, cư xử thô bạo và hằn học với nhau, là do không có hạnh phúc trong lòng. Đức Phật thấy được mối nguy hại của những người không có hạnh phúc, Ngài nói rằng họ có thể nói và hành động gây tổn thương người khác, sẵn sàng gieo rắc niềm đau cho tha nhân. Đây là lời Phật: *“Ta đã nhìn sâu vào trong tâm ý của những người không có hạnh phúc và ta đã thấy một mũi dao nhọn được che giấu dưới những niềm thống khổ của họ. Họ ôm mũi dao nhọn ấy đi và làm cho niềm đau trong họ tràn ngập thế giới”*.

Quả thật, người không có hạnh phúc là người đang mang con dao nhọn trong tâm, sẵn sàng làm trái tim người khác rỉ máu. Người ta bất an và khổ đau rồi người ta đem cái bất an và khổ đau đó đối xử với người, với đời như là một cách để trả thù người, trả thù đời. Cuộc đời vì vậy mà trở nên bất an chông chát bất an, khổ đau nối tiếp khổ đau, trải dài vô tận. Con người ta nếu thật sự có hạnh phúc trong lòng thì tâm hồn chứa chan một khung trời yêu thương, mọi hành động và lời nói đều trở nên tử tế nhẹ nhàng, từ ái bao dung.

Người không có hạnh phúc thường rất dễ bộc lộ những cái gắt, giận dữ, sân si, dễ bị kích động làm điều

ác độc với mọi người. Cho nên sự ứng xử của bạn ra sao, có nhẹ nhàng, tử tế hay không; lối sống của bạn thế nào, có thông dong tự tại hay không, đều tùy thuộc vào niềm hạnh phúc trong chính nội tâm bạn. Nếu bạn có hạnh phúc, bạn san sẻ hạnh phúc đó với mọi người bằng những lời nói nhẹ nhàng, từ ái, bằng những hành động tử tế, yêu thương, vì hạnh phúc mà bạn có không phải là đạt được một cái gì đó, hay chiến thắng từ một cuộc tranh giành hơn thua, hạnh phúc của bạn là từ bản chất của bạn, bản chất yêu thương, lòng bi mẫn trong bạn. Cho nên mỗi khi có sự bức tức, giận dữ, phiền não, bất an, hãy tự nhủ thầm rằng ta vốn là người hạnh phúc, bản chất ta là hạnh phúc, tự tính ta là an lạc, thì tự nhiên trong tâm phát sinh một năng lượng an lành đủ sức xoa tan mọi suy nghĩ và cảm xúc tiêu cực ấy.

Bạn khổ đau hay hạnh phúc, điều đó tùy thuộc vào mục đích mà bạn nhắm đến trong cuộc sống là gì. Là danh vọng, là địa vị, là quyền hành, là thành đạt, là nổi tiếng hay chỉ đơn giản là người hạnh phúc. Là danh vọng, quyền hành, địa vị, bạn phải chiến đấu, đấu tranh, giành giật, bạn không chịu ở dưới quyền người khác, không chịu sự sai sử của người khác. Bạn lúc nào cũng nghĩ cách làm sao để có quyền uy hơn họ, địa vị trên họ, nổi tiếng hơn họ. Ai hơn bạn quyền hành, ai hơn bạn địa vị, bạn rất khó chịu và sẽ ganh ghét đối với họ. Và chính điều này là gốc rễ của bất an, khổ đau. Còn nếu cái đích mà bạn nhắm đến là hạnh phúc, bạn chọn cuộc sống tĩnh lặng, không màng đến quyền hành và địa vị, không có nhu cầu phải hơn người này hay điều khiển người kia. Bạn là một người hạnh phúc. Chính vì vậy mà trong một lần so sánh hạnh phúc với các bậc vua chúa, Đức Phật nói rằng Ngài là người hạnh phúc nhất, vì Ngài có một đời sống tĩnh lặng. Các bậc vua chúa tuy có nhiều quyền hành và tài sản, nhưng không có được một cuộc sống tĩnh lặng. Mà hạnh phúc từ sự tĩnh lặng là hạnh phúc cao tột nhất, không có hạnh phúc nào có thể sánh bằng.

Vậy thì hãy tĩnh lặng, hãy là người hạnh phúc, bạn nhé! ■



Cung đàn muôn điệu

LÊ HẢI ĐĂNG

Piano là một trong những loại nhạc cụ có cấu trúc phức tạp nhất thế giới. Một cây đàn thông thường tổ hợp khoảng 9.000 linh kiện khác nhau, thậm chí loại đàn của hãng Steinway lên tới 12 nghìn bộ phận, sử dụng 15 đến 20 loại gỗ, có chiếc đĩa gang nặng 150kg, mắc 200 sợi dây với độ căng 18.000kg. Âm vực đàn piano rộng hơn bảy quãng 8, từ nốt A₂ đến C⁵, hơn bất kỳ nhạc cụ nào trong dàn nhạc giao hưởng. Nó có thể ví như một dàn nhạc thu nhỏ, bởi vậy, đa số nhà soạn nhạc đều sử dụng piano như một công cụ để sáng tác.

Đàn piano vốn có tên gọi: "*gravicembalo col piano e forte*", nghĩa là "cây đàn phím có độ vang to và nhẹ nhàng", sau rút gọn thành "*piano forte*" hoặc "*forte piano*" và cuối cùng là piano. Ở Việt Nam, đàn piano còn gọi là *dương cầm*. Đây là một tên gọi gốc Hán nhằm chỉ cây đàn bắt nguồn từ phương Tây, tuy nhiên, trước khi đàn piano du nhập, tiếng Hán đã dành từ dương cầm cho cây đàn *tam thập lục*. Qua đó thấy rằng, cả piano và đàn tam thập lục đều có những điểm tương đồng để cùng nhau sử dụng chung một tên gọi.

Cristofori - Người thợ đàn thành Padua

Năm 1709 đánh dấu sự ra đời chiếc piano đầu tiên trên thế giới. Nó như một cột mốc quan trọng trong lĩnh vực âm nhạc để từ đó lịch sử bước sang trang mới với những đóng góp to lớn của nhiều nhà soạn nhạc lỗi lạc mà tên tuổi gắn với cây đàn piano. Công lao to lớn ấy thuộc về người thợ đàn Cristofori thành Padua ở nước Ý xa xôi.

Bartolomeo Cristofori di Francesco sinh ngày 4 tháng 5 năm 1655 tại thành phố Padua thuộc nước Cộng hòa Venice, miền Đông bắc nước Ý ngày nay.

Năm 1688 đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời và sự nghiệp của Cristofori khi ông quyết định rời quê hương lên sống và làm việc trong xưởng chế tác nhạc cụ của đại quận công Ferdinando de Medici thành phố Florence. Cuộc hạnh ngộ giữa nhà quý tộc và nhà chế tác nhạc cụ xứ Padua vượt xa sự hợp tác thông thường. Nó không chỉ đẩy nhanh tiến độ công việc xưởng nhạc cụ chuyên khai thác, trùng tu đàn cổ mà còn dẫn tới cuộc cách mạng về công nghệ chế tác bằng sự ra đời của cây đàn phím đầu tiên dựa trên nguyên lý tạo âm bằng những chiếc búa nhỏ.

Khác cây đàn *harpsichord* truyền thống kích âm bằng cách móc dây, đàn piano sử dụng hệ thống búa gắn liền với phím cho phép tạo ra sự biến đổi tinh tế về cường độ thông qua lực tác động của ngón tay. Piano đã cải thiện nhược điểm căn bản của đàn *harpsichord* nhằm tạo ra những âm thanh trong trẻo, nhỏ to theo nhu cầu biểu cảm của người đàn.

Chuyện kể rằng, sau 12 năm ròng rã thử nghiệm nhiều phương pháp khác nhau, cuối cùng Cristofori đã cho ra đời một cây đàn mới. Vào một đêm trăng sáng, Cristofori lên giường đi ngủ và mơ thấy những âm thanh trong trẻo, kỳ diệu phát ra từ cây đàn. Ông không thể ngờ rằng đó chính là đứa con tinh thần đã giúp ông lưu danh hậu thế. Tất nhiên, kể từ đó đàn piano vẫn không ngừng thay đổi và có những bước đột phá trên phương diện chế tác.

Những truyền nhân của đàn piano

Đàn piano của Cristofori tuy đã tạo nên cú hích quan trọng, song chẳng hề gây tiếng vang suốt hơn một trăm năm. Cho đến năm 1711, Scipione Maffei đọc được phần giới thiệu về nó bằng tiếng Ý, rồi năm 1725 dịch sang

tiếng Đức và đăng ở mục Critica music (Phê bình âm nhạc) tạp chí *Mattheson*. Sự kiện này chính thức gây chú ý cho nhiều nhà sản xuất nhạc cụ tại Đức, trong đó có Gottfried Silbermann (1683-1753), người đã thử nghiệm hệ thống búa gõ trên đàn *clavichord*. Năm 1770, Johann Andreas Stein (1728-1792) gắn thêm đòn bẩy thoát (escapement lever) vào bộ máy đàn, từ đó sản sinh ra loại piano Vienna mà các nhạc sĩ trường phái cổ điển Vienna đã sử dụng. Piano Vienna có đặc tính nhẹ, thanh thoát, phím nặng hơn so với đàn Anh. Bởi vậy, Beethoven (1770-1827) có thể diễn tấu tác phẩm thời kỳ Baroque với độ tinh tế, nhẹ nhàng một cách thoải mái, dễ chịu.

Trên thực tế, piano Anh chính là hậu duệ của piano Cristofori Ý. Cây đàn piano Anh đầu tiên ra đời vào năm 1765 do Johann Zumpe, một người Đức di cư sang Anh chế tác. Loại đàn này có dạng hình vuông, giống như đàn của Cristofori, tuy có búa, nhưng không hề trang bị đòn bẩy. Bởi vậy, phím đàn khá nặng, ngược lại, âm lượng có thể tạo ra trường âm thanh rộng lớn. Đến năm 1772, Americus Backers, John Broadwood và Robert Stodart lần lượt gắn thêm đòn bẩy vào máy đàn, rồi từ một đòn bẩy nâng lên thành hai đòn bẩy (double escapement), cộng thêm bộ khung kim loại khiến cho đàn piano có một chỗ dựa vững chắc để vươn tới sự hoàn mỹ vào thời kỳ "Steinway & son". Năm 1825, Alpheus Babcock phát kiến bộ khung đúc thép hình chữ "thập" (cross stringing) với các sợi dây đàn hình rìe quạt trên hộp cộng hưởng. Hình thức này được cha con Steinway kế thừa và phát triển đến ngày nay.

Werckmeister - Người đặt nền móng cho thang âm Bình quân

Piano là một nhạc cụ định âm, bởi vậy, nhắc đến người làm đàn mà quên người tạo dựng "hệ ngữ vựng" cho nó sẽ là một thiếu sót lớn. Chúng ta có thể hình dung công việc này giống như xác lập âm vựng trong ngôn ngữ. Một cây đàn dù có hoàn hảo đến đâu về phương diện chế tác, nhưng dây chưa được chỉnh chuẩn xác sẽ không thể cất lên những giai điệu đẹp làm say đắm lòng người. Công việc chỉnh dây thuộc về người thợ đàn, còn chỉnh dây như thế nào phụ thuộc bởi bộ luật của âm thanh, gọi chung là âm luật. Âm luật có từ cổ chí kim, từ đông sang tây, mỗi dân tộc, từng nền văn hóa âm nhạc... đều có hệ thống âm luật riêng. Dù có hay không ý thức về sự hiện hữu của bộ luật âm thanh, trên thực tế, thông qua truyền thống văn hóa và thói quen thẩm mỹ, âm nhạc vẫn lưu truyền những tiêu chuẩn về cao độ, cụ thể là mối tương quan giữa các cao độ.

Trước khi Werckmeister phát minh thang âm Bình âm, trên thế giới chưa từng có một bộ âm luật chung. Bởi âm luật vốn thuộc về từng truyền thống văn hóa. Hiện tượng này giống như ngôn ngữ, chúng ta có thể hình dung mỗi dân tộc đều có một tiếng nói riêng, trong từng quốc gia lại chia nhỏ thành phương ngữ. Năm 1770, Andreas Werckmeister, một người Đức, đã phát minh ra thang âm Bình quân trên cơ sở chia một quãng 8 thành 12 nửa cung đều nhau. Tính theo đơn vị đo lường của Alexander J. Ellis, nhà ngôn ngữ học người Anh, một quãng 8 có khoảng cách là 1200 cents, mỗi nửa cung bằng 100 cents. Việc làm này đã giải quyết được tình trạng sản sinh "âm sai" trong quá trình chồng liên tục các quãng 4, 5 tự nhiên mà thang âm truyền thống sử dụng, nhờ đó mở ra nhiều tiện ích

cho kỹ thuật diễn tấu, đặc biệt là thủ pháp chuyển điệu trong hòa thanh cổ điển. Kể từ đây, nốt thăng và nốt giáng có cơ hội gặp nhau để làm nên cơ sở cho thủ pháp chuyển (giọng) điệu đa âm. Một giọng có thể chuyển sang nhiều giọng (điệu thức) khác nhau thông qua hợp âm chung. Phát minh này đã nhận được sự ủng hộ của nhà soạn nhạc thiên tài người Đức, J.S Bach. Bằng hai

cuốn "kinh nhạc" lấy tên "Bình quân luật", Bach cho chúng ta thấy tiện ích vô song của thang âm Bình quân.

Thang âm Bình quân ngày nay đã phổ biến trên khắp thế giới, giống như tiếng Anh trong ngôn ngữ hiện đại. Tất nhiên, kết quả này thể hiện tính hai mặt mà một mặt giúp cho con người có khả năng giao tiếp với nhau, mặt khác dễ dàng làm mất đi thuộc tính đa dạng trong ngôn ngữ. Bởi vậy, cần hiểu thang âm Bình quân như kết quả của quá trình truyền bá văn hóa, chứ không đồng nghĩa với việc thế giới chỉ có một tiếng nói chung.

* * *

Ngày nay, piano đã trở thành vua trong các loại nhạc cụ. Nhạc cụ ngoài công năng phát thanh, còn mang giá trị biểu trưng. Tiếp xúc với piano, người học dễ dàng liên tưởng tới W.A Mozart, L.V. Beethoven, F.F. Chopin, F. Liszt... hay Arthur Rubinstein, Rudolf Serkin, Sviatoslav Richter, Vladimir Samoylovich Horowitz, Glenn Gould, Đặng Thái Sơn... Giá trị văn hóa, nghệ thuật tích lũy theo thời gian tạo nhiều lớp hào quang phủ ngoài cây đàn. Những âm thanh kết tinh từ thành quả của những vĩ nhân, thiên tài, pianist xuất chúng luôn chập chờn, ám ảnh, hóa thân cao độ vào giấc mơ âm nhạc. Nó trở thành nguồn năng lượng vô hình thúc đẩy nhiều người gắn bó với cây đàn. Ngày nay, không mấy ai quan tâm đến đàn piano sinh ra từ đâu, nhưng đứng ở góc độ lịch sử, piano từng là một nhạc cụ truyền thống bước lên vũ đài quốc tế để trở thành tài sản chung của nhân loại. ■



1. Portrait of Bartolomeo Cristofori, inventor of the piano
2. Grand Piano, 1720. Made by Bartolomeo Cristofori (Italy, 1655-1731) Florence, Italy
www.gutenberg.org



Miền đất tôi qua

Mưu sinh trên hè phố

TRẦN VỌNG ĐỨC

Tại Úc, cũng như ở nhiều nước phát triển khác, vẫn còn rất nhiều người nghèo không có nghề nghiệp ổn định, không nhà ở. Tại các thành phố lớn như Sydney, Melbourne, kể cả những thị trấn du lịch nhỏ, nơi có đông người qua lại, không khó để bắt gặp những người nghèo coi hè phố là nơi kiếm sống.

Cách mưu sinh nhàn hạ nhất và cũng thâm thúy nhất, ấy là không làm gì cả, chỉ ngồi yên một chỗ chờ bố thí. Vẫn biết xin suông kiểu này là cực kỳ gian nan, hạ sách nhưng bởi họ không có bất cứ một năng khiếu hay kỹ năng nào. Cũng có nhiều người, dù chỉ ngồi yên một chỗ nhưng cố tìm cách thu hút sự chú ý, kêu gọi tình thương từ khách qua đường. Có người âm thầm ngồi thu mình bên bậc thềm, miệng cắn cổ áo, dáng tận cùng cô đơn. Có người ngồi lù lù ngay ngã tư với tấm vỏ thùng giấy ghi mấy chữ bày tỏ tình cảnh, cảm ơn ân nhân. Chẳng hạn: *"Vô gia cư/ Xin hãy san sẻ tình yêu thương/ Cần một chỗ ở/ Mong một bữa ăn tối/ Chúc một ngày tốt đẹp.v.v."*

Có một điểm chung là tất cả những người này đều cúi gục mặt, không bao giờ nhìn khách qua đường, nhìn vào mặt khách lại càng không. Có lẽ với họ, nhìn

vào ai đó, dù là người đứng, cũng đều là bất lịch sự, dễ gây bối rối cho người đang lướt qua. Có thể người ta vội đi, hoặc không nhìn thấy kẻ bán hàn, hay không có tiền lẻ, thậm chí không muốn cho. Dầu vì lý do nào thì cũng không có gì phải lăn tăn, hờn giận. Người cho tiền, hầu hết là tiền xu, mệnh giá cao nhất là hai đô Úc, cũng rất lịch sự. Những đồng xu thường được đặt vào hộp, chỉ ít thì thả nhẹ, rất hiếm khi bị ném xuống.

Cũng có nhiều người mưu sinh trên hè phố bằng chính khả năng, thậm chí tài năng của mình. Họ hành nghề theo kiểu du mục, nay vỉa hè này, mai quảng trường nọ, bởi đơn giản vì không đủ vốn liếng thuê mặt bằng. Điều khá lạ là cảnh sát thường bỏ qua, không xua đuổi và khách bộ hành cũng rộng lượng, không khó chịu vì một góc vỉa hè bị chiếm dụng.

Chẳng hạn, lang thang ở trung tâm Sydney có thể bắt gặp một nghệ sĩ chuyên vẽ tranh. Độc đáo ở ông là chỉ vẽ duy nhất bằng một loại bút bi, màu đen. Nhiều bức chỉ nhỏ cỡ cuốn vở và cũng có những bức dài tới vài mét. Trên một bức tranh hoành tráng, thấy xếp khoảng năm chục cây viết bi đã trắng ruột vì cạn mực. Để tài các bức tranh cực kỳ phong phú, như: vũ trụ, núi rừng, sông biển, mây mưa, chim thú, quái vật, các sinh

hoạt đời thường của người dân, của thổ dân. Vẽ bằng bút bi nhưng tranh ẩn chứa đầy cung bậc biểu cảm: thơ mộng, thanh thoi, yêu thương, huyền bí, hung dữ, hờn giận, ngỡ ngàng v.v.

Nếu bạn thích bất cứ một bức vẽ nào, có thể xưng tên để người họa sĩ viết thêm lên tranh. Đặc biệt hơn, tranh đều không có giá bán. Bạn trả bao nhiêu cũng được, thậm chí không trả đồng nào thì người nghệ sĩ hè phố này vẫn nhã nhặn, tận tâm.

Phương cách mưu sinh trên hè phố phổ biến nhất, dễ bắt gặp nhất ở Úc cũng như nhiều nước phát triển khác là chơi nhạc. Các nghệ sĩ hè phố này là những tay chơi có nghề, thậm chí tài hoa. Họ thực sự biểu diễn âm nhạc trước khán giả như những người sành nhạc, tuyệt không làm trò, không coi khách qua đường như kẻ... "tai trâu, đàn gảy". Ở những phương trời đầy đó, tôi đã gặp những nghệ sĩ độc diễn, có khi chỉ sử dụng một nhạc cụ như violon hay guitar. Có người độc đáo hơn, tuy độc diễn nhưng với nhiều loại nhạc cụ. Đôi tay chơi guitar, miệng thổi kèn harmonica, một chân gõ trống, chân còn lại đeo những vòng lục lạc hoặc bộ chập cheng. Một người mà như cả một dàn nhạc. Cũng không khó để bắt gặp những nhóm nhạc hè phố gồm năm, ba người, phối âm với nhiều loại nhạc cụ như guitar, violon, cello, harmonica, trống chiêng, rất hoành tráng. Những bản nhạc được trình tấu thường rất nổi tiếng, từ cổ điển đến hiện đại, có người vừa đàn vừa hát, rất điêu luyện. Một số nghệ sĩ, cùng với việc chơi nhạc, còn bày bán thêm đĩa nhạc do mình sáng tác, biểu diễn, hoặc quảng bá khả năng có thể chơi nhạc cho các sự kiện hội họp, đám cưới, đám tang. Lại có những nghệ sĩ hè phố, biểu diễn không chỉ để kiếm tiền, mà là để thỏa nỗi đam mê, phiêu bồng.

Đạo phố ở Úc, có thể gặp chàng nghệ sĩ trong trang phục đúng chuẩn Scotland, với chiếc váy sọc ca-rô đặc trưng, mũ vải kiểu ca-lô, vớ đen dài lên tới đầu gối, trông vừa trịnh trọng, vừa hài hước. Chàng nghệ sĩ hè phố này biểu diễn một loại nhạc cụ đặc biệt, đó là kèn túi. Hơi được thổi vào chiếc túi, (thường làm bằng da cừu, bò hoặc chó) và dùng nách để ép hơi ra khỏi lưỡi kèn. Âm thanh kèn túi nghe thanh mảnh, cao vút, ỉ ôi, gần giống với kèn... đăm ma của người Việt. Có một thông lệ bất thành văn của giới nghệ sĩ hè phố, ấy là biểu diễn tại một nơi không quá khoảng một giờ, dù nơi này còn đông người hào phóng mở lòng. Bởi phải tự giác nhường chỗ cho nghệ sĩ khác hành nghề.

Hình ảnh riêng có của âm nhạc hè phố ở Úc là sự hiện diện của những nghệ sĩ thổ dân. Nhạc cụ đặc trưng nhất của họ là didgeridoo, (giống như chiếc diều cày khổng lồ), thường làm từ thân cây bạch đàn bị mối đục rỗng ruột, dài chừng 1,5 mét, có cây tới 2,5 mét, được đánh bóng, để nguyên màu gỗ hoặc vẽ sơn trang trí. Những nghệ sĩ đường phố này râu tóc bù xù, chuyên đóng khố, dùng đất sét trắng vẽ lên thân



mình những hình thù đặc trưng cho văn hóa, dòng tộc. Ngay trước một cửa hàng bán đồ thủ công truyền thống ở trung tâm Sydney, có một thổ dân ngồi thổi didgeridoo. Hình như ông được phép, hoặc có thể được chủ cửa hàng thuê để thu hút khách. (Trong cửa hàng này, một cây didgeridoo có giá thấp nhất là 150 AUD, cao nhất 595 AUD, khoảng từ 2,5 tới 10,5 triệu đồng). Âm thanh từ chiếc didgeridoo dù nghe như khúc dân vũ sôi động, giục giã nhưng đượm nỗi trầm buồn, ngỡ từ cổ xưa vọng về. Khác hẳn dáng vẻ hung tợn, người nghệ sĩ dân gian này rất vui vẻ, thân thiện, nói giỏi tiếng Anh. Ông khoác vai tôi khi chụp chung hình. Trong vòng tay người nghệ sĩ thổ dân, tôi cảm nhận rõ mùi mồ hôi khét lẹt. Một mùi lặc lỡng rất đặc trưng, đủ để phân biệt giữa hoang sơ và hiện đại, giữa độc đáo và xô bồ, giữa chân thành và giả dối.

Mưu sinh trên hè phố, dù là công việc gì, dù ở phương trời nào, thì cũng đầy vất vả. Tuy nhiên, cũng có một cảm giác mơ hồ, rằng mưu sinh của người nghèo ở xứ giàu luôn gian nan, thê lương hơn nhiều so với mưu sinh của người nghèo ở xứ nghèo. ■

* Ảnh của tác giả

Trung tâm Nhân đạo Huyền Trang (chùa Lá) phối hợp với các đơn vị trao quà từ thiện

PHÁP TUỆ

Vừa qua, Trung tâm Nhân đạo Huyền Trang, Trung ương Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia, Hội đồng Bảo trợ Trung ương Hội CTĐ VN kết hợp với Đoàn thầy thuốc tình nguyện thuộc Hội CTĐ và Bộ đội Biên phòng TP.HCM; Hội CTĐ và Bộ đội Biên phòng tỉnh Ninh Thuận, Đồn Biên phòng Thanh Hải, huyện Ninh Hải và Đồn Biên phòng Vĩnh Hy xã Vĩnh Hải tỉnh Ninh Thuận đã tổ chức Chương trình từ thiện khám bệnh phát thuốc, tặng quà cho người mù, tàn tật, chất độc da cam cùng với dân tộc nghèo, học sinh nghèo hiếu học vượt khó ở địa bàn Vĩnh Hy xã Vĩnh Hải và trao 500 phần quà, gồm

có: Gạo, mì, dầu, đường, bột ngọt, nước tương, bánh kẹo, sữa, tập viết, nước ngọt và 10 chiếc xe đạp và cùng nhiều phần quà, tiền mặt để cúng dường chùa Vĩnh Ân. Tổng trị giá cho chuyến đi từ thiện này là 225 triệu đồng.

Được biết trong dịp lễ ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7, Trung tâm Nhân đạo Huyền Trang sẽ tổ chức khám bệnh phát thuốc và tặng 500 phần quà cho gia đình Thương binh Liệt sĩ, gia đình chính sách, người mù, tàn tật, chất độc da cam, người già neo đơn khó khăn, học sinh nghèo tại xã Phước Kiên, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.



Thượng tọa Thích Truyền Tứ - Trụ trì chùa Huyền Trang (chùa Lá) và Đoàn thiện nguyện chuẩn bị đi từ thiện



Thượng tọa Thích Truyền Tứ - Trụ trì chùa Huyền Trang (chùa Lá) và Bộ đội Biên phòng trao xe đạp cho học sinh nghèo hiếu học



Nghệ sĩ Phương Nga - Đại sứ Du lịch tâm linh - Phó ban Chủ nhiệm, Sứ giả CLB Hoa Việc Thiện của báo Nhân Đạo & Đời sống (Cơ quan Đại diện phía Nam) và Thượng tọa Thích Truyền Tứ, Giám đốc Trung tâm Nhân đạo Huyền Trang cùng Đoàn thiện nguyện...



DU LỊCH QUỐC TẾ HOA SEN

Liên hệ: 0904999571 - 01239017018 - 02866845099 (gặp thầy Thiện Đức hoặc Pháp Tâm)

Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.HCM Website: www.dulichhoasen.vn

- ✓ Ấn Độ - Nepal: 14 ngày (PT: 1.350 USD, Tăng Ni: 1.050 USD)
- ✓ Ấn Độ - Nepal: 12 ngày (PT: 1.100 USD, Tăng Ni: 1.000 USD)
- ✓ Singapore - Malaysia - Indonesia: 10tr900 (6N)
- ✓ Đài Bắc - Đài Trung - Đài Nam - Cao Hùng: 10tr500 (5N)
- ✓ Myanmar - Bago - Thuylin - Yan Gon: 10tr900 (4N)
- ✓ Campuchia - Thái Lan - Lào - Myanmar: 8tr900 (12N)
- ✓ Hàn Quốc - Seoul - Nami - Everland: 13tr990 (4N)
- ✓ Nhật Bản - Juji - Tokyo: 27tr500 (5N)
- ✓ Bắc Kinh - Vạn Lý Trường Thành: 11tr590 (5N)
- ✓ Bắc Kinh - Trương Gia Giới: 17tr390 (6N)

Đặc biệt CHUYÊN TỔ CHỨC CÁC TOUR: MỸ, NHẬT, ĐÀI LOAN, HỒNG KÔNG, SING, BHUTAN VÀ SILANKA...



Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh âm cúng, thanh nhã và lịch sự

Đặc biệt: Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vạn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



Địa chỉ: 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

Điện thoại: (028) 384 82612 - 0909 025469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Website: nhahangchayvietan.com

Email: nhahangchayvietan.com

Trân trọng kính mời



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
028. 35 035 579 - 028. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆ

QUANG NGHE CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm

Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



□ Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...

□ Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**

□ĐT: **0913 810 082**

□ Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**



TƯ VẤN THIẾT KẾ KHÔNG GIAN THỜ CÚNG - THIÊN TRÀ NGHỆ THUẬT



KHÔNG GIAN TRƯNG BÀY ĐIỀU TƯỚNG AM

382B-D-E-F-G, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

54 LÝ THƯỜNG KIỆT, Q.HOÀN KIẾM, HN

HOTLINE: 1900 6601

0906 955 663 (HCM)

0903 288 112 (HN)



DIÊU TƯỚNG AM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



Phong Thủy Khâm Thiên

- ☞ Tư vấn phong thủy Nhà cửa, Công ty, Phân xưởng,...
- ☞ Xem và luận đoán con người qua Tử Vi, Bát Tự, Quẻ Dịch...
- ☞ Xem ngày Cưới, ngày Khai trương, Động thổ, Nhập trạch,...
- ☞ Tư vấn số Điện thoại, Đặt tên, sử dụng Vật phẩm phong thủy theo khoa học.

Đặc biệt

Thường xuyên khai giảng các lớp Phong Thủy, Tử Vi, Nhân tướng;
Lớp luyện Thư Pháp Hán Ngữ, lớp Hán ngữ cổ.

☞ Chi tiết liên hệ **Chiêm Tinh Gia Dương Đạt.**
0911.000.222 - 0911.166.186

www.tuvikhamthien.com

SGPK[®]

A Brand Of Excellence

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lê:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466 - (028) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com

Website: www.sgpk360.com

Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu,
P. Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM



VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

CHÚC MỪNG HỘI TRẠI “TUỔI TRẺ & PHẬT GIÁO” LẦN THỨ 12 THÀNH CÔNG TỐT ĐẸP!



Hội trại “Tuổi trẻ và Phật giáo” lần thứ 12 được Ban Hướng dẫn Phật tử TW GHPGVN, Phân ban Thanh thiếu nhi Phật tử kết hợp với Ban Trị sự, Ban Hướng dẫn Phật tử GHPGVN tỉnh Đồng Nai, tổ chức tại Thiền viện Phước Sơn với sự tham dự của 6 tỉnh thành khu vực miền Đông Nam Bộ. Hội trại có chủ đề “HÀO KHÍ MIỀN ĐÔNG” được diễn ra từ ngày 19 - 22/7/2018 với hơn 4.000 trại sinh và tình nguyện viên tham dự.

Sự thành công của Hội trại thể hiện qua việc tổ chức chu đáo từ ăn nghỉ, sinh hoạt, tập tu... để hướng cho các em có lối sống tốt đẹp và hữu ích cho xã hội cũng như giúp các em cảm nhận được tình thương bao la của cha mẹ, lòng biết ơn sâu sắc các bậc tiền nhân, các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc...

Đặc biệt, Hội trại kỳ này có 1.425 bạn trẻ đã cùng nhau xếp lá cờ Phật giáo thiết lập nên: “Kỷ lục Việt Nam”.

Trân trọng,

Trị sự Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo

Đang phát hành



Mọi chi tiết xin liên hệ

Tòa soạn:

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,

Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

Phòng Phát hành

ĐT: (84-28) 3 8484 335

ĐD: 0906 934 252

(Ngô Văn Thông)



CÔNG TY TNHH DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN

Địa chỉ: 896A/10 Hậu Giang, P.12, Q.6, TP.HCM - Web: dulichsenan.com

Liên hệ: 08.6275.2790 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - 0938.912.417 (Ms. Thanh Lan)

- Ấn Độ - Nepal - Tiểu Tây Tạng: 17N16Đ: Phật tử: 1.350 USD, Quý Tăng Ni: 1.050 USD
- Ấn Độ - Nepal - Tứ Động Tâm: 12N11Đ: Phật tử: 1.250 USD, Quý Tăng Ni: 1.000 USD
- Singapore - Malaysia - Indonesia: 6N5Đ: 10,9 triệu
- Hàn Quốc - Seoul - Nami - Jeju: 6N5Đ: 16,8 triệu
- Campuchia - Thái - Myanmar - Lào: 12N11Đ: 9 triệu
- Đài Loan - Đài Bắc - Đài Trung - Đài Nam: 5N4Đ: 10,9 triệu
- Thái Lan: 5N4Đ (buffe 86 tầng): 5,490 triệu
- Myanmar - Yangon - Tầng Đá Vàng - Thanlyin: 5N4Đ: 10,9 triệu
- Xuyên Việt: 17N17Đ: 7,5 triệu

Đặc biệt:
hỗ trợ ưu đãi cho
khách nhóm, đạo tràng.

TÔN HOA SEN



Khả năng chống ăn mòn vượt trội



Tuổi thọ bền gấp nhiều lần
so với tôn kẽm màu thông thường



Màu sắc đa dạng, phong phú



TÔN HOA SEN

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 

www.hoasengroup.vn



MUA HÀNG
TRỰC TUYẾN



TỔNG ĐÀI TƯ VẤN
1800 1515